

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI



NGUYỄN THỊ HÀNG

**XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN NAM VẬN
ĐỘNG VIÊN CỜ VUA LỬA TUỔI 11 - 12 TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

HÀ NỘI - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI



NGUYỄN THỊ HÀNG

**XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN NAM VẬN
ĐỘNG VIÊN CỜ VUA LÚA TUỔI 11 - 12 TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Tên ngành: Giáo dục học

Mã ngành: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

2. PGS.TS. Ngô Trang Hưng

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Hằng

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CI	-	Cấp I
CLB	-	Câu lạc bộ
DBKT	-	Dự bị kiện tướng
HA	-	Huyết áp
HCV	-	Huy chương vàng
HCB	-	Huy chương bạc
HCD	-	Huy chương đồng
HLV	-	Huấn luyện viên
HLTT	-	Huấn luyện thể thao
KT	-	Kiến tướng
LVĐ	-	Lượng vận động
Nxb	-	Nhà xuất bản
TB	-	Trung bình
TDTT	-	Thể dục thể thao
TĐTL	-	Trình độ tập luyện
TN	-	Thực nghiệm
TP	-	Thành phố
VĐV	-	Vận động viên
XHCN	-	Xã hội chủ nghĩa
XPC	-	Xuất phát cao

MỤC LỤC

Trang bìa

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Danh mục ký hiệu viết tắt trong luận án

Mục lục

Danh mục các biểu bảng và biểu đồ trong luận án

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	5
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu	7
4.1. Đối tượng nghiên cứu	7
4.2. Khách thể nghiên cứu	7
5. Phạm vi nghiên cứu.....	8
6. Giả thuyết khoa học của luận án	8
7. Ý nghĩa khoa học và những đóng góp mới của đề tài luận án.....	9
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	10
1.1. Một số khái niệm có liên quan	10
1.2. Cơ sở lý luận về tuyển chọn vận động viên môn Cờ Vua	13
1.3. Xu hướng trong tuyển chọn tài năng thể thao môn Cờ Vua và đặc điểm quy trình huấn luyện nhiều năm môn Cờ Vua.....	17
1.3.1. Xu hướng trong tuyển chọn tài năng thể thao môn Cờ Vua.....	17
1.3.2. Đặc điểm quy trình huấn luyện nhiều năm môn Cờ Vua	20
1.4. Quy trình tuyển chọn vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu	26
1.5. Những quy luật phát triển thành tích thể thao nhằm dự báo thành tích của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12.....	28

1.5.1. Quy luật độ tuổi với sự phát triển thành tích thể thao của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12	28
1.5.2. Quy luật về thời gian tập luyện với sự phát triển thành tích thể thao của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12.....	30
1.5.3. Vấn đề dự báo tài năng thể thao của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12	30
1.6. Đặc điểm tâm sinh lý trong tập luyện thi đấu môn Cờ Vua và cơ sở tâm, sinh lý trong tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua	31
1.6.1. Đặc điểm tâm sinh lý trong tập luyện và thi đấu môn Cờ Vua	31
1.6.2. Cơ sở tâm, sinh lý trong tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua	37
1.7. Khái quát về phong trào tập luyện và thành tích môn Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	40
1.8. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan	42
1.8.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước	42
1.8.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu nước ngoài	45
Kết luận chương	49
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU.....	51
2.1. Phương pháp nghiên cứu.....	51
2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu	51
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn tọa đàm	51
2.1.3. Phương pháp quan sát sư phạm	52
2.1.4. Phương pháp kiểm tra tâm lý.....	52
2.1.5. Phương pháp kiểm tra sư phạm	55
2.1.6. Phương pháp toán học thống kê	60
2.2. Tổ chức nghiên cứu	64
2.2.1. Thời gian nghiên cứu	64
2.2.2. Địa điểm nghiên cứu	65
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN	67

3.1. Đánh giá thực trạng và xác định hệ thống các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	67
3.1.1. Đánh giá thực trạng công tác tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	67
3.1.2. Lựa chọn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	71
3.1.3. Xác định độ tin cậy, tính thông báo các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	78
3.1.4. Bàn luận về thực trạng công tác tuyển chọn và lựa chọn hệ thống test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	80
3.2. Xác định đặc điểm, mối quan hệ giữa các nhóm test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	90
3.2.1. Xác định đặc điểm, diễn biến các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau 1 năm tập luyện	90
3.2.2. Xác định mối quan hệ giữa các test tuyển chọn của nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	92
3.2.3. Quy trình xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	94
3.2.4. Xác lập mối tương quan đa nhân tố và tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	98
3.2.5. Bàn luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các nhóm test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	103
3.3. Xây dựng và ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	110

3.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	110
3.3.2. Ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thực tiễn huấn luyện	120
3.3.3. Bàn luận về kết quả xây dựng, ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	128
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	133
A. Kết luận	133
B. Kiến nghị	134
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BIỂU BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ TRONG LUẬN ÁN

Thể loại	Số	Nội dung	Trang
Biểu bảng	1.1	Độ tuổi và số năm tập luyện của VĐV tại các giai đoạn đào tạo VĐV Cờ Vua Việt Nam hiện nay	21
	1.2	Kết quả điều tra số năm tập luyện để đạt đẳng Cấp I và Kiện tướng của VĐV Cờ Vua Việt Nam hiện nay	21
	1.3	Số năm tập luyện của VĐV Cờ Vua tại các giai đoạn huấn luyện và các thông số cơ bản của Liên bang Nga	23
	1.4	Kết quả thử nghiệm về chức năng của hệ tuần hoàn (Theo Malkin, 1996)	36
	3.1	Kết quả phỏng vấn về vai trò và thực trạng công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (n = 30)	68
	3.2	Kết quả phỏng vấn về thực trạng các hình thức và phương pháp tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)	69
	3.3	Kết quả khảo sát về lứa tuổi và thời điểm tuyển chọn /thải loại /bổ sung VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (n = 30)	70
	3.4	Kết quả phỏng vấn lần 1 lựa chọn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)	Sau 75
	3.5	Kết quả phỏng vấn lần 2 lựa chọn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)	Sau 75
	3.6	So sánh kết quả qua 2 lần phỏng vấn xác định mức độ phù hợp của các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)	77

Thể loại	Số	Nội dung	Trang
Biểu bảng	3.7	Kết quả xác định độ tin cậy các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sau 77
	3.8	Kết quả xác định hệ số thông báo các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	79
	3.9	Đặc điểm diễn biến các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội qua các giai đoạn kiểm tra (n = 75)	Sau 90
	3.10	Đặc điểm diễn biến các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội qua các giai đoạn kiểm tra (n = 75)	Sau 90
	3.11	Hệ số tương quan giữa các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)	Sau 92
	3.12	Hệ số tương quan giữa các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)	Sau 92
	3.13	Hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội	100
	3.14	Hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	100
	3.15	Tỷ trọng ảnh hưởng (β) của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	101

Thể loại	Số	Nội dung	Trang
Biểu bảng	3.16	So sánh kết quả kiểm tra các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	112
	3.17	Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)	114
	3.18	Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)	115
	3.19	Tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo từng test trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sau 117
	3.20	Tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo từng test trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sau 117
	3.21	Bảng điểm tổng hợp theo từng test đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sau 117
	3.22	Bảng điểm tổng hợp theo từng test đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà NộiB	Sau 117
	3.23	Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng	Sau 117
	3.24	Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng	Sau 117

Thể loại	Số	Nội dung	Trang
Biểu bảng	3.25	Tổng điểm của các test tuyển chọn sau khi đã quy đổi theo tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần	118
	3.26	Tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần	119
	3.27	So sánh kết quả xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa tiêu chuẩn do luận án xây dựng và tiêu chuẩn của các câu lạc bộ Cờ Vua, Trung tâm TDTT	122
	3.28	So sánh số lượng VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn khác nhau	123
	3.29	So sánh hiệu quả tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn khác nhau	124
	3.30	Kết quả kiểm tra ngược thông qua tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng - thời điểm sau 1 năm tập luyện	127
Biểu đồ	3.1	Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội	101
	3.2	Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội	102
	3.3	So sánh hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 theo tiêu chuẩn đã xây dựng với tiêu chuẩn tuyển chọn tại các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDTT	124
	3.4	So sánh hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 theo tiêu chuẩn đã xây dựng với tiêu chuẩn tuyển chọn tại các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDTT	125

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 223/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án *“Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”* với mục tiêu: *“Phấn đấu đến năm 2035 tuyển chọn và đào tạo, huấn luyện khoảng 3.700 VĐV đội tuyển quốc gia; trong đó khoảng 400 VĐV đạt thành tích quốc tế”* [54]. Tiếp đến, ngày 15 tháng 10 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1189/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được đề ra là: *“Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong đào tạo vận động viên, từ đổi mới các tiêu chí, tiêu chuẩn đến quy trình, phương thức trong tuyển chọn, đào tạo vận động viên; chú trọng ứng dụng các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo; trang bị các phòng huấn luyện công nghệ cao tại các cơ sở đào tạo vận động viên trọng điểm”*. Chính vì vậy, hiện nay Ngành Thể dục thể thao đã và đang tích cực triển khai xây dựng một quy trình tuyển chọn, đào tạo các VĐV tài năng thể thao ở một số môn thể thao trọng điểm, trong đó có môn Cờ Vua.

Cờ Vua Việt Nam trong những năm gần đây đã đạt nhiều thứ hạng cao ở khu vực, châu lục và trên thế giới, qua đó đã khẳng định được thế mạnh của Cờ Vua Việt Nam trên đấu trường quốc tế. Tiêu biểu nhất gần đây có thể kể đến như thành tích thi đấu của đội tuyển Cờ Vua trẻ Việt Nam tại giải Vô địch Trẻ Cờ vua nhanh và chớp Thế giới FIDE 2025, diễn ra từ ngày 12 đến 18/04/2025, tại thành phố Rhodes (Hy Lạp), khi giành tổng cộng 12 Huy chương gồm 3 HCV, 5 HCB và 4 HCD ở các lứa tuổi U12 và U14. Mặt khác sự nở rộ của phong trào tập luyện môn Cờ Vua ở đối tượng thiếu niên - nhi đồng trên toàn quốc đã thể hiện xu hướng phát triển tất yếu của môn thể thao

này. Để đạt được mục tiêu trên, hiện nay công tác tuyển chọn VĐV các môn thể thao nói chung và VĐV Cờ Vua giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu nói riêng tại các địa phương đang được triển khai một cách đồng bộ. Cho đến nay, lý luận tuyển chọn VĐV được xây dựng trên cơ sở lý luận của nhiều môn khoa học như: khoa học tự nhiên, khoa học sinh học, khoa học xã hội... Vì vậy, phương pháp tuyển chọn VĐV hiện đại đã thể hiện một cách rõ ràng hệ thống phương pháp đa nguyên hóa. Cơ sở và điều kiện tiên quyết của công việc đào tạo VĐV là tuyển chọn VĐV. Tuyển chọn VĐV tốt - về chất lượng và thời điểm - là tiền đề cho kết quả cao về sau của khâu đào tạo, huấn luyện. Điều kiện này không chỉ có ý nghĩa về mặt chuyên môn, mà còn có giá trị cao về mặt kinh tế trong sự nghiệp phát triển TDTT nói chung và Cờ Vua nói riêng. Có thể nói, tuyển chọn VĐV tốt là một nửa công việc để đi đến thành công. Tuyển chọn VĐV trẻ là công việc của các HLV, các nhà chuyên môn thể thao, nhưng ngày càng có sự tham gia mạnh mẽ của các nhà khoa học ở các ngành khác tham gia vào công việc này. Trước hết phải kể đến khoa học y học, nhân trắc. Với tri thức y học, ngành này sẽ cho các nhà chuyên môn thể thao biết về thực trạng và triển vọng về thể chất của các VĐV. Tiếp đó là các ngành khoa học như tâm lý học, xã hội học... cũng đóng góp một phần đáng kể vào công việc tuyển chọn VĐV trẻ.

Tính chất của công việc tuyển chọn đòi hỏi phải nâng cao chất lượng để đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày một nâng cao. Các nhà chuyên môn, các nhà khoa học ngày càng tham gia tích cực hơn vào công việc này. Nhưng cho tới nay chưa có một phương pháp tuyển chọn VĐV nào được coi là “chính xác duy nhất”, vì thế mà đối với mỗi nền thể thao của một nước, khâu tuyển chọn vẫn được xem là “bí mật quốc gia”. Điều này càng chứng minh công việc tuyển chọn VĐV là một công việc cực kỳ phong phú - phức tạp, và cũng đặc biệt hấp dẫn. Tuyển chọn VĐV luôn là công việc mang tính thử nghiệm, luôn đòi hỏi đổi mới, rút kinh nghiệm, nhưng đều nhằm tới một đích duy nhất đó là

làm sao cho công việc tuyển chọn có hiệu quả nhất. Mục đích của tuyển chọn VĐV là sớm tìm ra những nhân tài thực sự trong muôn vàn em ham thích thể thao. Nhưng một thực tế là “nhân tài” lại rất khó tìm kiếm và xác định được chính xác, ngay chỉ những năng lực được xem là chính yếu, bởi vì nó ít được bộc lộ và không được bộc lộ ngay cùng một lúc. Do vậy công tác tuyển chọn VĐV trẻ có thể đạt được kết quả nếu tiến hành nhiều lần và qua một quá trình tập luyện đều đặn, hợp lý. Chỉ có qua tập luyện thật sự, các năng lực của VĐV mới được bộc lộ dần dần, từ đó mới có thể xác định được những khả năng bẩm sinh đặc biệt, hay còn gọi là năng khiếu thể thao của các VĐV.

Thực tiễn công tác huấn luyện môn Cờ Vua ở nhiều địa phương, trong đó có thành phố Hà Nội đã ghi nhận, trong nhiều trường hợp, công tác đào tạo VĐV Cờ Vua không đạt kết quả cao là do hệ quả của việc tuyển chọn không đúng đối tượng, mặc dù việc tuyển chọn được tiến hành với một khối lượng lớn, thời gian dài. Mặt khác, tuyển chọn, đánh giá và định hướng sai cho các VĐV đã dẫn đến những mất mát lớn không chỉ về thời gian, vật chất, mà còn làm tổn thương về mặt tâm lý, qua đó ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả quá trình đào tạo VĐV.

Qua tìm hiểu thực tế và toạ đàm với các HLV trong công tác tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện VĐV Cờ Vua ở một số Trung tâm TDTT trên địa bàn Hà Nội cho thấy, hiện nay công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua chủ yếu được các HLV căn cứ vào kết quả học tập văn hoá, kết quả thi đấu của VĐV tại một số giải thi đấu, đồng thời dựa theo kinh nghiệm của các nhà chuyên môn. Các VĐV được tuyển chọn, sau khi cho tập luyện một cách thường xuyên với khoảng thời gian từ 3 - 6 tháng, nếu có sự phát triển về khả năng tư duy, thành tích thi đấu, nhận thức chiến thuật thì tiếp tục giữ lại đào tạo. Tuy cách tuyển chọn này cũng có mặt tích cực, song chưa có đầy đủ cơ sở khoa học, thiếu những nội dung đánh giá đáng tin cậy về năng khiếu Cờ Vua của các VĐV trẻ. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự

chứng lại của thành tích, cũng như hiệu quả đào tạo VĐV Cờ Vua hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mặt khác, các tài liệu chuyên môn phục vụ công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ cho đến nay còn có những hạn chế nhất định, chưa được nhiều nhà chuyên môn quan tâm nghiên cứu. Vì thế, nếu như xây dựng được một quy trình tuyển chọn - huấn luyện VĐV Cờ Vua trẻ, cũng như xây dựng được hệ thống các test và tiêu chuẩn tuyển chọn một cách hợp lý, có đầy đủ cơ sở khoa học, đồng thời vấn đề này phải được tiến hành một cách có hệ thống, và có hướng đầu tư chiến lược thì chắc chắn rằng thành tích đạt được của Cờ Vua Hà Nội sẽ được cải thiện một cách đáng kể. Đây là vấn đề cần thiết phải được các nhà quản lý, các nhà chuyên môn, các HLV quan tâm đầu tư thích đáng.

Ở Việt Nam, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, nhà giáo dục chuyên môn ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Trước hết, phải kể đến công trình nghiên cứu của tác giả Đặng Văn Dũng (1999) với đề tài: *“Nghiên cứu ứng dụng các test trong đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cờ Vua các đẳng cấp khác nhau tại Việt Nam”* [11], và một số các công trình khoa học nhằm phân tích, đánh giá năng lực tư duy của VĐV Cờ Vua trẻ, tiêu biểu là các công trình nghiên cứu của các tác giả: Đàm Quốc Chính, Đặng Văn Dũng, Nguyễn Hồng Dương (1998), Đàm Quốc Chính (1999)..., gần đây nhất là công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Dương (2008) với đề tài: *“Xác định các yếu tố chuyên môn cơ bản cấu thành năng lực tư duy Cờ Vua và hệ thống bài tập nâng cao năng lực tư duy của nam VĐV Cờ Vua Việt Nam”* [16] và công trình nghiên cứu của tác giả Hà Minh Dịu (2015) với đề tài: *“Ứng dụng các chỉ số tâm lý và chuyên môn (sư phạm) trong đánh giá TĐTL VĐV Cờ Vua lứa tuổi 8 - 10 tuổi trên địa bàn các tỉnh phía Bắc Việt Nam”* [9]. Kết quả nghiên cứu của các công trình này đã đưa ra được các số liệu đánh giá về năng lực tư duy của VĐV Cờ Vua trẻ tại Việt Nam, từ đó làm cơ sở cho công tác tuyển chọn, đánh giá TĐTL VĐV sau này.

Ngoài ra, trong lĩnh vực nghiên cứu nhằm xây dựng hệ thống lý luận và thực tiễn của công tác tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện VĐV Cờ Vua trẻ đã có sự đóng góp rất đáng trân trọng của các chuyên gia, các HLV, các nhà chuyên môn Cờ Vua có nhiều kinh nghiệm ở nước ngoài như: Evans L. (2001), Plaskett J. (2002), Guliev Sarhan (2003), Богданович Г.Г. (2004)...; và các tác giả trong nước như: Nguyễn Huy Thuỷ (1998); Đàm Công Sử (1998); Dương Thanh Bình (2006); Dương Minh Tuệ (2008); Bùi Ngọc (2014); Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương (2019), Đặng Văn Dũng (2020, 2021), Đặng Văn Dũng, Phùng Thị Phương (2022)... Song phần lớn các tác giả chỉ mới dừng lại ở mức độ xác định các chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu, định lượng vận động trong giai đoạn huấn luyện sơ bộ, tổ chức quá trình tuyển chọn... Xuất phát từ những lý do nêu trên, với mục đích nâng cao hiệu quả công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài luận án: **“Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tuyển chọn VĐV Cờ Vua, luận án tiến hành lựa chọn các test, từ đó xây dựng và kiểm nghiệm trong thực tiễn tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo - huấn luyện VĐV.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án xác định giải quyết các mục tiêu nghiên cứu sau:

Mục tiêu 1. Đánh giá thực trạng và xác định hệ thống các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các nội dung nghiên cứu cụ thể trong mục tiêu nghiên cứu này gồm:

Đánh giá thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu (tại các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT).

Xác định các nhóm yếu tố cơ bản - đặc trưng của vận động viên năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12.

Lựa chọn các test ứng dụng trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Xác định cơ sở khoa học của các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (tính thông báo, độ tin cậy của các test).

Mục tiêu 2. Xác định đặc điểm và mối quan hệ giữa các nhóm test ứng dụng trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các nội dung nghiên cứu cụ thể trong mục tiêu nghiên cứu này gồm:

Tổ chức kiểm tra, xác định đặc điểm, diễn biến các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Xác lập mối quan hệ (mối tương quan tuyến tính) giữa các test lựa chọn của đối tượng nghiên cứu.

Xác lập mối quan hệ (mối tương quan đa nhân tố) giữa các nhóm test (nhóm yếu tố thành phần)

Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần đã xác định trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Mục tiêu 3. Xây dựng và ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các nội dung nghiên cứu cụ thể được giải quyết khi tiến hành mục tiêu nghiên cứu này bao gồm:

Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua (bao gồm các bảng phân loại, bảng điểm theo thang điểm 10) cho từng test và cho từng lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12.

Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần đã xác định.

Xây dựng bảng điểm tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần.

Ứng dụng và xác định hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu.

4.2. Khách thể nghiên cứu

Luận án tiến hành nghiên cứu trên các nhóm đối tượng khách thể chủ yếu sau:

Nhóm chuyên gia phỏng vấn: Gồm 30 chuyên gia, HLV, giảng viên. Đây là nhóm đối tượng khảo sát về thực trạng ứng dụng nhóm các test và lựa chọn các nội dung, test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nhóm kiểm tra sư phạm: Gồm 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 (gồm 75 nam VĐV lứa tuổi 11 và 75 nam lứa tuổi 12) tại các Trung tâm TDTT, một số Câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là nhóm đối tượng tham gia vào quá trình kiểm tra sư phạm và kiểm tra tâm lý nhằm xác định độ tin cậy, tính thông báo của các test lựa chọn; đồng thời xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu.

Nhóm kiểm chứng: Gồm 100 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 (gồm 50 nam VĐV lứa tuổi 11 và 50 nam lứa tuổi 12) thuộc các Trung tâm TDTT, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là đối tượng khách thể nghiên cứu được sử dụng trong quá trình ứng dụng (kiểm chứng trong thực tiễn) nhằm xác định hiệu quả tuyển chọn thông qua các test và các tiêu chuẩn đã xây dựng.

5. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu về các nội dung, tiêu chuẩn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về không gian nghiên cứu: Luận án được tiến hành trong phạm vi các Trung tâm TDTT có đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về thời gian nghiên cứu: Các thông tin, số liệu phản ánh trong luận án chủ yếu tập trung trong khoảng thời gian từ năm 2020 cho đến nay. Các số liệu khảo sát và kiểm tra sự phạm được tập trung phản ánh vào thời điểm các năm 2023, 2024 và 2025.

Quy mô nghiên cứu bao gồm:

- Số lượng chuyên gia phỏng vấn, hội thảo: Gồm 30 người.
- Số lượng nhóm kiểm tra sự phạm: Gồm 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Số lượng nhóm kiểm chứng sự phạm: Gồm 100 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

6. Giả thuyết khoa học của luận án

Thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội còn nhiều hạn chế và chưa đảm bảo đủ cơ sở khoa học. Vì thế nếu xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn tuyển chọn có đủ cơ sở khoa học, sẽ giúp cho các HLV xác định đúng những VĐV thực sự có năng

khieu vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và huấn luyện VĐV hiện nay.

7. Ý nghĩa khoa học và những đóng góp mới của đề tài luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án mang lại những điểm mới về mặt lý luận và thực tiễn đối với các lĩnh vực như sau:

Về mặt khoa học: Kết quả nghiên cứu của luận án đã xác định được các test và xây dựng được tiêu chuẩn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có đủ độ tin cậy, có tính khả thi, đủ cơ sở khoa học và phù hợp với các đơn vị trong việc triển khai ứng dụng trong thực tiễn tuyển chọn VĐV vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu.

Về mặt xã hội: Kết quả nghiên cứu của luận án đã đánh giá được thực trạng và mặt bằng chung về mức độ biểu hiện năng khiếu, tài năng của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội; đồng thời đánh giá thực trạng công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua nói chung và nam VĐV lứa tuổi 11 - 12 nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Một số khái niệm có liên quan

Năng khiếu thể thao: Năng khiếu là tổng thể nói chung những phẩm chất sẵn có của con người giúp người đó có thể hoàn thành tốt một hoạt động ngay từ khi chưa được học tập và rèn luyện trong hoạt động đó [23]. Từ khái niệm chung này, có thể vận dụng vào lĩnh vực TDTT để đưa ra khái niệm năng khiếu thể thao. Về năng khiếu thể thao đã được các tác giả Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2015) định nghĩa như sau: *Năng khiếu thể thao là sự kết hợp đặc biệt về chất những đặc điểm giải phẫu - sinh lý và tâm lý của từng cá thể, trên cơ sở đó có thể đạt thành tích thể thao nhưng không nhất thiết. Khả năng đạt thành tích nhiều hay ít trong một hoạt động nào đó tùy thuộc vào mức độ và chất lượng của sự kết hợp ấy* [57]. Bởi vậy cần phải nhận rõ không phải năng khiếu thể thao quyết định thành tích thể thao mà chỉ có khả năng đạt thành tích thể thao phụ thuộc vào năng khiếu mà thôi. Bản thân những tư chất sinh học mới chỉ là những tiền đề sinh học, trong đó các dạng năng khiếu còn chưa bộc lộ. Vì vậy để có tài năng thể thao thực sự sau này, nghĩa là có thành tích thể thao cao trong tương lai, cần phải tập luyện lâu dài nhằm nắm chắc được các kĩ năng, kĩ xảo động tác của môn thể thao chuyên sâu và rèn luyện các phẩm chất tâm lý cần thiết. Vậy tài năng thể thao là tổng hòa những đặc điểm rất đa dạng về hình thái, chức phận, tâm lý và những đặc điểm khác của con người kết hợp với sự tập hợp kiên trì, lâu dài để đạt được những kết quả kỉ lục trong từng môn thể thao cụ thể.

Khái niệm tài năng thể thao:

Trong “Từ điển tiếng Việt” (năm 2003) khái niệm tài năng là sự kết hợp hoàn thiện nhất các năng lực nhất định đối với một hoạt động nhất định, giúp con người đạt được những thành tựu xuất sắc, mới mẻ, có ý nghĩa xã hội. Tài năng biểu thị chất lượng cao của năng lực, có thể biểu hiện trong bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, thông qua đào tạo chu đáo và luyện tập công phu,

hoạt động thực tiễn phong phú, phát triển tối đa các tố chất tương ứng (tài năng đặc biệt làm nên kỳ tích gọi là thiên tài) [23].

Theo tác giả Bùi Quang Hải (2015): *Tài năng thể thao (năng khiếu thể thao) là sự kết hợp ổn định của các khả năng vận động, tâm lý, cũng như các tư chất giải phẫu - sinh lý, tạo thành tiềm năng tổng hợp để đạt thành tích cao ở môn thể thao đó*. Khái niệm tài năng thể thao còn bao gồm cả những phẩm chất tâm lý của từng cá thể, nhờ đó con người có thể đạt được thành tích trong hoạt động của mình. Như vậy, hạt nhân của tài năng thể thao còn bao gồm cả các quá trình tâm lý, nhờ đó các phương thức hoạt động được điều chỉnh hợp lý và có chất lượng [22]. Tài năng thể thao phải được phát hiện và bồi dưỡng từ lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng. Để phát hiện tài năng thể thao, người ta dựa vào khoa học tuyển chọn, vào quan sát thi đấu và kinh nghiệm của HLV.

Theo Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2015), khái niệm tài năng thể thao là sự tổng hòa những đặc điểm rất đa dạng về hình thái, chức phận, tâm lý và những đặc điểm khác của con người kết hợp với sự tập luyện kiên trì, lâu dài để đạt được những kết quả kỷ lục trong từng môn thể thao cụ thể [57].

Theo Harre D. (1996) thì tài năng được thể hiện qua các mức chuẩn trong mối liên hệ của một tài năng có quan hệ hữu cơ giữa chúng với sự gắn kết của một chỉnh thể tài năng [24].

Thiên tài thể thao:

Thiên tài là người có tài năng đặc biệt mang tính bẩm sinh (cái đó chỉ có được do di truyền và sự kết hợp với những điều kiện đặc biệt do thiên nhiên ban tặng), tất nhiên để trở thành nhân tài hoặc thiên tài thì cũng phải rất khổ công học tập, rèn luyện. Do đó, thiên tài không phải thời nào cũng có, mà có thể hàng trăm năm, thậm chí có thể tới nghìn năm mới xuất hiện thiên tài. Thiên tài luôn ở dạng tiềm ẩn, nếu chúng ta không khổ công phát hiện, đào tạo, tu dưỡng, thu hút nhân tài và có những chính sách sử dụng, đãi ngộ tốt thì không những chúng ta mất đi nhân tài, mà còn có thể cả thiên tài nữa [1], [40].

Năng khiếu thể thao môn Cờ Vua:

Từ khái niệm về năng khiếu thể thao nói chung, có thể đưa ra khái niệm năng khiếu thể thao môn Cờ Vua như sau: Năng khiếu thể thao môn Cờ Vua là sự kết hợp đặc biệt về chất những đặc điểm tâm - sinh lý, đặc biệt là đặc điểm của năng lực tư duy và một số năng lực chuyên môn phù hợp của từng cá thể, trên cơ sở đó có thể đạt thành tích cao ở môn Cờ Vua [8], [13], [14].

Tuyển chọn thể thao:

Tuyển chọn là tìm và chọn những cá nhân đáp ứng được tốt nhất với những yêu cầu của một loại hình hoạt động nhất định (của một môn thể thao). Tuyển chọn thể thao (tuyển chọn VĐV) là một quá trình dự báo, quá trình nghiên cứu khoa học, được tiến hành một cách tổng hợp. Quá trình này nhằm tìm kiếm tài năng thể thao thông qua sự phức tạp nhiều thành phần của tài năng nói chung và tài năng thể thao nói riêng. Theo quan điểm của các tác giả, tuyển chọn tài năng thể thao là tuyển chọn nhân tài ngay từ lứa tuổi nhỏ, có những điều kiện ưu việt bẩm sinh thích ứng với môn thể thao cụ thể nào đó, để đào tạo có mục đích, có hệ thống trở thành vận động viên đạt được thành tích thi đấu xuất sắc trong tương lai [1], [4], [5], [6], [22], [63].

Tuyển chọn Cờ Vua đó là quá trình “sử dụng các phương pháp sư phạm, xã hội, tâm lý và y - sinh nhằm phát hiện các tư chất năng khiếu của nhi đồng, thanh, thiếu niên để chuyên môn hoá trong môn Cờ Vua”. Nhiệm vụ chủ yếu của tuyển chọn Cờ Vua là nghiên cứu toàn diện và phát hiện các tư chất, năng khiếu phù hợp với đòi hỏi của môn Cờ Vua [8], [15], [17].

Dự báo tài năng thể thao:

Là quá trình nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố di truyền, hoặc là quá trình nghiên cứu, tìm kiếm những đặc tính đặc trưng cũng như sự ổn định của những đặc tính đó trong quá trình phát triển của đối tượng nghiên cứu. Trong hoạt động TDTT, để có được những VĐV thể thao tài năng người ta thường tiến hành dự báo và tuyển chọn năng khiếu thể thao [1], [5], [22], [24].

1.2. Cơ sở lý luận về tuyển chọn vận động viên môn Cờ Vua

Hệ thống tuyển chọn có hiệu quả các VĐV trẻ có triển vọng, có vai trò quan trọng trong đào tạo lực lượng hậu bị Cờ Vua. Phân tích các lần tham gia thi đấu của các VĐV Cờ Vua tại các đại hội Olympic và các cuộc thi đấu quốc tế khác đã cho thấy, chỉ những VĐV Cờ Vua có tài năng tuyệt vời kết hợp với trình độ phát triển cao của các phẩm chất và ý chí, có khả năng tư duy lớn, có kỹ thuật và chiến thuật Cờ Vua ở mức hoàn thiện, có mức độ ổn định cao trước những trở ngại trong thi đấu, mới giành được những thành tích cao. Vì vậy, cần thiết phải tuyển chọn đặc biệt những người có trình độ phát triển cao về những phẩm chất và năng lực nêu trên để chuyên môn hóa có kết quả trong hoạt động Cờ Vua.

Năng khiếu Cờ Vua là sự tổng hợp của nhiều đặc điểm đa dạng của con người (về hình thái, chức năng, tâm lý và những yếu tố chuyên môn khác) có quan hệ đến khả năng đạt được thành tích cao, thậm trí những kỷ lục quốc tế và khu vực [17], [20], [21], [48]. Năng khiếu Cờ Vua phụ thuộc rất lớn vào những tư chất mang tính di truyền có đặc điểm ổn định, ít thay đổi. Vì vậy, tuyển chọn - dự báo năng khiếu Cờ Vua cần chú ý trước đến những dấu hiệu tương đối ít thay đổi, những dấu hiệu có tác dụng chi phối thành công của hoạt động Cờ Vua trong tương lai. Vì vai trò của các dấu hiệu mang tính di truyền sẽ được lộ ra ở mức tối đa khi có những đòi hỏi cao đối với người tập, nên đánh giá khả năng của VĐV trẻ cần dựa vào các dấu hiệu đó là chủ yếu. Cùng với việc nghiên cứu các dấu hiệu có tính ổn định, việc tuyển chọn - dự báo năng khiếu Cờ Vua đòi hỏi phải làm rõ những chỉ số có thể thay đổi nhiều do ảnh hưởng của tập luyện. Trong đó, để nâng cao độ chính xác của tuyển chọn và dự báo cần chú ý đến cả mức khởi điểm của chúng. Do có sự phát triển không đồng thời của các chức năng cơ thể và các tố chất, nên có sự khác nhau nhất định trong cấu trúc biểu hiện năng khiếu của VĐV trong các thời kỳ lứa tuổi khác nhau [71], [73], [84], [93].

Hiện nay, hệ thống lý luận về công tác tuyển chọn tài năng Cờ Vua trẻ của Việt Nam còn chưa được xây dựng một cách cụ thể, đầy đủ và mang tính khoa học. Những kết quả có được của công tác này có thể chỉ được coi là sự đúc kết các kinh nghiệm qua các quá trình thực tiễn trưởng thành của phong trào Cờ Vua ở Việt Nam. Chính vì vậy, vào thời điểm hiện tại, việc xây dựng một hệ thống lý luận về công tác tuyển chọn tài năng Cờ Vua trẻ ở Việt Nam là cần thiết và phải được sự trợ giúp của các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau như: tâm lý học, sinh lý học, xã hội học, tổ chức quản lý, sư phạm... Tuy nhiên, để phục vụ cho việc thực hiện đề tài và giải quyết những vấn đề mà đề tài đã đặt ra, cho thấy phải dựa vào hệ thống lý luận về công tác này của một số các cường quốc Cờ Vua trên thế giới. Tuy nhiên, sự “phải dựa” này cần phải được chọn lọc, tìm tòi và chắt lọc những gì thích hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Qua phân tích nhiều nguồn tư liệu khác nhau về công tác tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ (của các cường quốc Cờ Vua như: Nga, Đức, Trung Quốc, Mỹ...) đã ghi nhận sự tồn tại nhiều phương pháp và cách thức khác nhau ứng dụng trong công tác tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua. Tuy nhiên có thể nói, hầu hết những hệ thống lý luận tuyển chọn đó đều xuất phát từ những quan điểm dựa dưới góc độ tâm lý học, sinh lý học, bởi đặc tính của môn thể thao Cờ Vua là môn thể thao hoạt động trí lực và khi lựa chọn các tài năng cho môn thể thao này chính là việc tìm kiếm các tài năng thoả mãn được những yêu cầu về mặt tâm lý, sinh lý học [86], [94], [102], [107]. Việc tuyển chọn VĐV trẻ có triển vọng là rất quan trọng, nếu việc tuyển chọn không đảm bảo chính xác sẽ không thể có thành tích thể thao và như vậy sẽ không đào tạo được lực lượng hậu bị cho các đội tuyển Cờ Vua các cấp. Qua các cuộc thi trong nước và quốc tế cho thấy, chỉ có những VĐV Cờ Vua có tài năng thực sự cộng với trình độ phát triển cao các phẩm chất và ý chí, có trình độ kỹ thuật, chiến thuật cao và ổn định, có khả năng tư duy tốt... mới đạt được thành tích cao. Vậy việc

tuyển chọn những VĐV có các phẩm chất, năng lực nêu trên để có được kết quả cao trong hoạt động Cờ Vua.

Năng khiếu Cờ Vua là tổng hợp những đặc điểm đa dạng của con người (về hình thái, chức năng tâm - sinh lý và các yếu tố về chuyên môn khác) có quan hệ chặt chẽ đến việc đạt được thành tích cao trong nước và quốc tế. Việc tuyển chọn (phát hiện) được những trẻ có năng khiếu Cờ Vua phải dựa trên những cơ sở khoa học, phương pháp và hệ thống tuyển chọn [17], [20], [46], [47]. Tuyển chọn về năng khiếu Cờ Vua là một quá trình sử dụng các phương pháp về sư phạm, về xã hội và tâm lý - y sinh nhằm phát hiện các tư chất năng khiếu của các VĐV và đào tạo. Nhiệm vụ cơ bản và chủ yếu của tuyển chọn là nghiên cứu một cách toàn diện để phát hiện các tư chất, năng khiếu phù hợp với yêu cầu môn Cờ Vua. Năng khiếu Cờ Vua phụ thuộc rất lớn vào những tư chất mang tính di truyền có đặc điểm ổn định, ít thay đổi. Chính vì vậy, tuyển chọn năng khiếu Cờ Vua cần chú ý đến những đặc điểm, dấu hiệu nêu trên, bởi nó có tác dụng chi phối thành công của hoạt động Cờ Vua trong tương lai. Các dấu hiệu mang tính di truyền sẽ được bộc lộ khi phải thực hiện các yêu cầu cao. Cho nên đánh giá khả năng của các VĐV trẻ cần dựa vào những dấu hiệu đó [21], [46], [73], [95], [96], [108].

Việc tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ cần phải được tiến hành đồng bộ, trên cơ sở áp dụng các phương pháp nghiên cứu sư phạm, y - sinh học, tâm lý học và xã hội học để đánh giá mức độ phát triển các tố chất thể lực, về trình độ và khả năng phối hợp kỹ - chiến thuật Cờ Vua, để xác định những đặc điểm hình thái chức năng, mức độ phát triển thể chất và tình trạng sức khỏe; để xác định và đánh giá các đặc điểm và trạng thái tâm lý ảnh hưởng đến quá trình thi đấu (giải quyết một nhiệm vụ của một tình huống hoặc đua tranh để thực hiện một nhiệm vụ trong một giai đoạn...); qua đó nắm bắt được sự say mê, hứng thú chơi cờ và từ đó xây dựng động cơ tập luyện để đạt được thành tích cao [64], [89], [90], [109].

Trong thực tiễn, công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua thông thường áp dụng các hình thức sau: [2], [9], [29], [37], [46], [47], [64]

- Thông qua các giải đấu.
- Qua kinh nghiệm của huấn luyện viên.
- Thông qua các lớp Cờ Vua nghiệp dư.
- Căn cứ vào kết quả các môn học tự nhiên.

Trước đây các hình thức tuyển chọn trên đã đạt được những thành quả nhất định, nhưng chưa có cơ sở khoa học. Việc tuyển chọn ở các nước có phong trào Cờ Vua phát triển mạnh, nhất là Nga, họ đã áp dụng hình thức tuyển chọn có đầy đủ cơ sở khoa học là các test. Song điều quan trọng là phải lựa chọn, xác định được các test chuẩn, có độ tin cậy, có tính thông báo và hệ thống đánh giá chuẩn xác, đồng thời phải phù hợp với đối tượng là VĐV Cờ Vua Việt Nam (lứa tuổi - giới tính). Các nhóm test sau thường được sử dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua:

- Nhóm test xác định khả năng chức phận (y - sinh học).
- Nhóm test xác định phát triển thể chất và năng lực vận động.
- Nhóm test xác định các năng lực đặc thù chuyên môn (về tâm lý - sự phạm) các chỉ tiêu tuyển chọn VĐV Cờ Vua phải có tính đặc trưng và quyết định đến năng lực vận động và TĐTL, các chỉ tiêu đó là: [3], [9], [38], [46]

1) Các chỉ tiêu về hình thái, tình trạng thể chất (chiều cao, cân nặng, chỉ số phát triển thể lực - chủ yếu là thể lực chung).

2) Các chỉ tiêu chức năng (hệ thần kinh thăng bằng, linh hoạt và hưng phấn, tuần hoàn hô hấp).

3) Các chỉ số đặc thù của môn Cờ Vua (năng lực tư duy - trí thông minh; tính độc lập, tự chủ và tính chặt chẽ của quá trình tư duy, khả năng biến thể và tốc độ của quá trình tư duy); trí nhớ - dung lượng ghi nhớ, độ sâu trí nhớ, độ bền vững và linh hoạt của trí nhớ; năng lực sáng tạo khả năng khái quát, năng lực sáng tạo tình huống, khả năng chuyển đổi ngôn ngữ.

Dự báo trình độ của VĐV Cờ Vua (chính là đánh giá TĐTL của VĐV Cờ Vua) là một việc làm không thể thiếu trong quá trình tuyển chọn, đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua, đòi hỏi phải phân tích tất cả các hoạt động chuyên môn và đánh giá đúng, chính xác các thử nghiệm - kiểm tra mà người học phải thực hiện và đó là các phương pháp dự báo. Đặc điểm hoạt động thi đấu Cờ Vua luôn gắn liền với quá trình xúc cảm - ý chí. Cho nên khi tiến hành dự báo trình độ VĐV Cờ Vua cần chú ý đến việc đánh giá chính xác cả đặc điểm tâm lý cá nhân của VĐV [2], [9], [29], [38], [46].

Ngày nay, để tiến hành dự báo trình độ VĐV Cờ Vua, ở các nước có phong trào mạnh như Anh, Pháp, Mỹ, Nga... họ tiến hành dự báo theo các quy trình, phương pháp đã được nghiên cứu và kiểm nghiệm qua thực tiễn công tác đào tạo VĐV Cờ Vua. Các phương pháp dự báo đó là:

- Đánh giá VĐV Cờ Vua qua thành tích thi đấu.
- Đánh giá VĐV Cờ Vua qua các test không chuyên môn (tâm, sinh lý).
- Đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua bằng chỉ số Elo, Rêiiting.
- Đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua dựa vào kinh nghiệm huấn luyện.
- Đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua bằng các test chuyên môn:
- Phương pháp ván đấu (hiểu được các thành phần cấu thành trình độ).
- Phương pháp phân tích tư duy bằng lời (chính là việc giải quyết các nhiệm vụ đã được định sẵn trong các thế cờ lựa chọn riêng).

1.3. Xu hướng trong tuyển chọn tài năng thể thao môn Cờ Vua và đặc điểm quy trình huấn luyện nhiều năm môn Cờ Vua

1.3.1. Xu hướng trong tuyển chọn tài năng thể thao môn Cờ Vua

Công tác đào tạo lực lượng VĐV kế cận và sự phát triển của khoa học TDTT trong những thập niên gần đây đã trải qua một số giai đoạn quan trọng. Bước đột phá nhiều dấu ấn nhất được tiến hành vào giữa những năm 2000 khi khoa học TDTT vấn đề ảnh hưởng của những nhân tố kế thừa đối với những khả năng thể thao đã được nghiên cứu trên cơ sở của các phương pháp đo

lượng thể thao. Ngay từ giai đoạn này đã có nhiều số liệu thực tế về mức độ phát triển năng lực tư duy được coi là yếu tố cơ bản của hoạt động chuyên môn Cờ Vua. Nhân tố động lực học chính là phương tiện đánh giá năng khiếu thể thao của VĐV.

Những thành tựu nghiên cứu trong những năm 1996 và đầu năm 2000 trong lĩnh vực tuyển chọn và dự báo năng khiếu VĐV Cờ Vua đã tạo ra cơ sở tốt không chỉ nhằm giải quyết một loạt những nhiệm vụ then chốt về phương pháp mà còn xây dựng những nền tảng cho việc dự báo triển vọng của các VĐV Cờ Vua trẻ. Một trong những kết luận mang tính nguyên tắc là sự cấp thiết của việc xác định các thuộc tính riêng biệt dưới tác động của những bài tập kiểm tra và mức độ phát triển trạng thái tâm lý phổ biến của VĐV trẻ trong các giai đoạn định hướng và hoàn thiện thể thao khác nhau.

Theo tác giả Guliev Sarhan (2003) của Đại học Batsford, London, Anh và các cộng sự phân tích 14 nghiên cứu về các đấu thủ Cờ Vua và nhạc sĩ, nhằm tìm hiểu vai trò của hoạt động tập luyện đối với trình độ của một người. Kết quả đã cho thấy, rèn luyện chăm chỉ giúp 1/3 số đối tượng đạt tới trình độ đỉnh cao, 2/3 số người còn lại đạt tới đỉnh cao nhờ trí thông minh, tài năng bẩm sinh, và độ tuổi mà người đó bắt đầu tham gia lĩnh vực của họ. Ngoài ra, các nghiên cứu trước còn cho thấy, khả năng ghi nhớ cũng đóng vai trò quyết định giữa trình độ giỏi và xuất sắc [80], [81], [82], [83].

Như vậy, một vấn đề hết sức rõ ràng là trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống tuyển chọn và định hướng thể thao hiện nay cần chú ý nhiều đến nguyên tắc cá thể hóa trong quá trình tìm kiếm tài năng thể thao và đào tạo họ. Những khả năng duy nhất trong lĩnh vực này là hình thành trên cơ sở những thành tựu của các môn khoa học cơ bản trải qua vài nghìn năm như: động lực học phân tử, tâm - sinh lý học vận động và y học lượng tử. Xuất phát từ những môn khoa học này đã hình thành những hệ thống các phương pháp về mặt nguyên tắc và có cơ sở khoa học chắc chắn dự báo những đặc điểm

tâm sinh lý, và năng lực tư duy của con người. Cụ thể là trên cơ sở phân tích những mẫu gen tổng hợp và sử dụng công nghệ ĐNK có thể xác định những tổ chất vận động được kế thừa bền vững, có ảnh hưởng lớn tới những đặc điểm tâm lý và khả năng bẩm sinh của con người [73], [76], [79].

Ngay từ những nghiên cứu đầu tiên về việc áp dụng vào thực tiễn và khoa học TDTT các phương pháp phân tích chuyển động của các phân tử, cụ thể là xác định mẫu gen của từng VĐV, căn cứ vào những kiểu gen có chứa men biến đổi Aghiôtêđin đã cho phép chứng minh rằng các VĐV có các kiểu gen chứa men biến đổi Aghiôtêđin (II, ID, DD) khác nhau thường có sự khác biệt về khả năng chịu đựng các hoạt động thể lực.

Các nghiên cứu chuyên đề được tiến hành dựa trên mối tương quan giữa các gen chứa men biến đổi Aghiôtêđin và mức độ sức bền thể lực tâm lý của các VĐV đã chỉ rõ về tính quyết định của hiệu suất ưa khí tối đa của cơ thể VĐV có các kiểu gen có chứa gen biến đổi Aghiôtêđin. Các cuộc thực nghiệm đối với các sinh viên chuyên sâu điền kinh của học viện TDTT mang tên P.E Lexgapht không những đã khẳng định quy luật nói trên, mà còn cho phép xác định những đặc điểm của sự tác động tương hỗ giữa nhân tố động lực học và “những ảnh hưởng trung gian” của quý trình học tập - tập luyện. Các số liệu thu được chứng tỏ rằng ảnh hưởng của nhân tố động lực học trong quá trình huấn luyện một năm của các VĐV có bị yếu đi, mặc dù vậy vẫn duy trì sự tác động có độ tin cậy thống kê cao đối với hoạt động thể thao. Những khả năng mới về nguyên tắc trong sự phát triển công nghệ tuyển chọn VĐV và hoàn thiện thể thao được mở ra nhờ sự ứng dụng những phương pháp lý - sinh và y học hiện đại. Trước hết phải kể đến công nghệ điện sinh học cho phép đánh giá khách quan những khả năng huy động năng lực tâm lý của VĐV và quá trình tự điều chỉnh tâm lý. Những nghiên cứu được tiến hành ở các nhóm thực nghiệm tại thành phố Sanh - Pêtecbuga cho phép nói rằng các mô hình về mức tiêu hao năng lượng thể hiện mối quan hệ cả với nhân tố

động lực học lẫn các nhân tố “trung gian”. Điều đó cũng phản ánh khả năng tiềm tàng về tải trọng tâm lý của VĐV. Cần nhấn mạnh rằng công nghệ điện sinh học cho phép nâng cao một bước mức độ chuẩn đoán chính xác về trạng thái tâm lý và đảm bảo việc đánh giá khả năng hoạt động chức năng tiềm ẩn của mỗi VĐV. Trên cơ sở đó có thể xây dựng quy trình tập luyện tối ưu và dự báo thành tích trong các cuộc thi đấu. Việc thực hiện hóa những quan điểm đổi mới trên đây trong hệ thống tuyển chọn VĐV và đào tạo lực lượng VĐV kế cận hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc tuyển chọn tích cực dựa trên những thành tựu khoa học TDTT thế giới. Nó tạo điều kiện tốt để nâng cao tính hiệu quả của việc tuyển chọn vận động viên và nâng cao sức khỏe trong quá trình đào tạo những VĐV tài năng trẻ [17], [32], [33], [85], [87], [88].

Như vậy tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua được nghiên cứu theo hai hướng chính: một là xây dựng những cơ sở lý luận trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua; hai là xác định các phương pháp có hiệu quả để phát hiện năng khiếu và dự báo tài năng môn Cờ Vua.

1.3.2. Đặc điểm quy trình huấn luyện nhiều năm môn Cờ Vua

Thành tích thể thao vừa là quá trình tự nhiên, vừa là quá trình xã hội. Ngày nay, khi trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ (trong đó có khoa học huấn luyện thể thao) phát triển ngày càng cao, thì việc phát hiện, khai thác, bồi dưỡng tiềm năng của con người (tuyển chọn và huấn luyện VĐV thể thao) đạt hiệu quả cao hơn. Thành tích thể thao phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: [1], [24], [40], [100], [101], [102]

- Điều kiện tự nhiên gồm: Yếu tố bẩm sinh, quy luật phát triển theo lứa tuổi, điều kiện ngoại cảnh ở nơi tập luyện và thi đấu.

- Điều kiện xã hội: Chế độ chính trị - xã hội, điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt (ăn, ở).

- Quá trình đào tạo: Kế hoạch, chương trình, giáo án huấn luyện, trình độ HLV, đối tượng tập luyện, trang thiết bị dụng cụ tập luyện...

Song, để có được thành tích thể thao cao, quá trình đào tạo VĐV phải được thực hiện trong nhiều năm. Để làm rõ được đặc điểm về độ tuổi và thời gian đào tạo VĐV Cờ Vua ở các giai đoạn huấn luyện khác nhau, luận án đã tiến hành tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả đã công bố ở trong và ngoài nước, đồng thời tiến hành điều tra, phân tích diễn biến tuổi thành tích của các VĐV Cờ Vua trong các giai đoạn đào tạo.

Theo kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước như Đàm Công Sử (1998) [47], Trần Mạnh Hưng (2019) [30] được trình bày tại các bảng 1.1 và bảng 1.2 cho thấy:

Bảng 1.1. Độ tuổi và số năm tập luyện của VĐV tại các giai đoạn đào tạo VĐV Cờ Vua Việt Nam hiện nay

Nội dung	Nguồn	Giai đoạn huấn luyện ban đầu	Giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu	Giai đoạn chuyên môn hoá sâu	Giai đoạn hoàn thiện thể thao
Độ tuổi của VĐV Cờ Vua Việt Nam tại các giai đoạn đào tạo	Đàm Công Sử (1998)	7 - 11 tuổi	9 - 13 tuổi	13 - 17 tuổi	Sau 17 tuổi
	Trần Mạnh Hưng (2019)	6 - 10 tuổi	10 - 15 tuổi	14 - 20 tuổi	Sau 20 tuổi
Số năm tập luyện của VĐV Cờ Vua tại các giai đoạn đào tạo	Đàm Công Sử (1998)	2 năm	4 năm	5 năm	Nhiều năm
	Trần Mạnh Hưng (2019)	4 năm	5 năm	6 năm	Nhiều năm

Bảng 1.2. Kết quả điều tra số năm tập luyện để đạt đẳng Cấp 1 và Kiện tướng của VĐV Cờ Vua Việt Nam hiện nay

Nguồn	Tuổi thành tích ($\bar{x}$)	
	Số năm tập luyện đạt đẳng Cấp I	Số năm tập luyện đạt đẳng cấp Kiện tướng
Đàm Công Sử (1998)	5.0 năm	3.0 năm
Trần Mạnh Hưng (2019)	4.5 ± 0.5 năm	4.0 ± 0.7 năm

- Về độ tuổi của VĐV tại các giai đoạn đào tạo VĐV Cờ Vua: Nhìn chung không có khác biệt lớn về độ tuổi bắt đầu vào giai đoạn huấn luyện ban

đầu của VĐV Cờ Vua hiện nay so với kết quả nghiên cứu của tác giả Đàm Công Sử (1998) [47] và Trần Mạnh Hưng (2019) [30], song ở các giai đoạn tiếp theo (giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu, giai đoạn chuyên môn hóa sâu và giai đoạn hoàn thiện thể thao), độ tuổi của VĐV Cờ Vua Việt Nam hiện nay đã có sự khác biệt so với năm 1998, cụ thể là độ tuổi tại các giai đoạn này của VĐV Cờ Vua Việt Nam hiện nay lớn hơn. Tương tự như vậy, số năm tập luyện tại các giai đoạn đào tạo VĐV Cờ Vua hiện nay nhìn chung nhiều hơn so với trước đây.

- Về số năm tập luyện đạt đẳng cấp VĐV Cờ Vua: Để đạt các đẳng cấp I và cấp Kiện tướng môn Cờ Vua hiện nay, đòi hỏi VĐV phải tập luyện với thời gian nhiều hơn so với trước đây (độ dao động rất lớn, của độ tuổi đạt cấp I là ± 4.3 năm, của kiện tướng là 5.4 năm). Rất nhiều VĐV đạt đẳng cấp I hoặc kiện tướng khi tuổi đời còn rất trẻ, hoặc ngược lại. Đặc biệt tại các giải vô địch quốc gia (giải vô địch đồng đội và cá nhân Cờ Vua toàn quốc), nhiều VĐV trẻ đã giành được những thứ hạng cao hơn các VĐV có độ tuổi lớn hơn. Kết quả này cho thấy, trong lĩnh vực Cờ Vua, mối quan hệ giữa độ tuổi và đẳng cấp VĐV (hay trình độ) không cao như các môn hoạt động thể lực.

Sự khác biệt trên do một số nguyên nhân khách quan sau:

- Thứ nhất: Do trình độ của các VĐV Cờ Vua hiện nay mạnh hơn, đồng đều hơn đã dẫn tới tỷ lệ các ván đấu có kết quả hoà cao hơn và việc đạt được lợi thế về điểm số khó khăn hơn. Vì vậy, đạt đẳng cấp VĐV Cờ Vua, đặc biệt là cấp Kiện tướng hiện nay khó khăn hơn so với thời điểm trước kia (thời điểm năm 1998 trở về trước).

- Thứ hai: Do lượng kiến thức của môn Cờ Vua rất lớn cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các ứng dụng trong môn Cờ Vua (như các phần mềm Cờ Vua, các hệ thống máy chủ Cờ Vua trên Internet...) cũng đã dẫn tới dung lượng các ván đấu, các nước đi mới nhiều hơn, đòi hỏi VĐV phải “làm việc” nhiều hơn [3], [8], [15].

Theo kết quả nghiên cứu của một số công trình của Bogdanovich G.G. (2004), Ủy ban Văn hóa Thể thao St. Petersburg (2020), tác giả L.G.Mau (2020) và các cộng sự trình bày tại các bảng 1.3 cho thấy: [92], [98], [100]

Bảng 1.3. Số năm tập luyện của VĐV Cờ Vua tại các giai đoạn huấn luyện và các thông số cơ bản của Liên bang Nga

TT	Các giai đoạn huấn luyện	Độ dài của các giai đoạn (năm)	Lứa tuổi tối thiểu để gia nhập nhóm	Số lượng VĐV tối thiểu của nhóm	Số lượng VĐV tối đa của nhóm
1.	Chuẩn bị ban đầu	2	7	10	≤ 1 năm/ >1 năm: 15/20
2.	Chuyên môn hóa	4	8	6	≤ 2 năm/ >2 năm: 14/12
3.	Hoàn thiện thể thao	Không hạn chế	9	2	
4.	Thể thao thành tích cao	Không hạn chế	12	1	

Độ dài của các giai đoạn huấn luyện VĐV Cờ Vua về cơ bản cũng có sự tương đồng so với các VĐV Việt Nam (giai đoạn huấn luyện ban đầu khoảng 2 năm, giai đoạn chuyên môn hóa 4 năm).

Về lứa tuổi tối thiểu để bắt đầu tham gia huấn luyện ở các giai đoạn sớm hơn so với các VĐV Việt Nam (giai đoạn chuẩn bị ban đầu 7 tuổi, giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa 8 tuổi, giai đoạn hoàn thiện thể thao 9 tuổi và giai đoạn đạt thể thao thành tích cao 12 tuổi).

Ngày nay, các công trình khoa học đều hướng tới việc hoàn thiện cơ sở lý luận và phương pháp của qui trình tuyển chọn ban đầu cho các câu lạc bộ hay các trường năng khiếu thể thao. Quy trình tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ có năng khiếu giữ vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo VĐV. Quá trình tuyển chọn trẻ em vào trường năng khiếu hay câu lạc bộ thể thao thường được các nhà chuyên môn chia thành 4 giai đoạn chủ yếu. Nhìn chung, các nhà chuyên môn đều có sự thống nhất khá cao về giai đoạn, đối tượng dự tuyển, mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp ứng dụng. Tuy nhiên, về mức độ chi tiết

trong nội dung trình bày cũng có những sự khác biệt nhất định. Giai đoạn tuyển chọn ban đầu thường bắt đầu từ tuổi học sinh cấp Tiểu học (và sớm hơn nữa ở một số môn thể thao - ví dụ môn Cờ Vua, Thể dục dụng cụ) và chuyển sang giai đoạn tiếp theo khi lựa chọn được môn thể thao chuyên sâu. Thời điểm bắt đầu chuyên môn hóa sâu thể thao trước tiên phụ thuộc vào đặc điểm vận động đặc trưng của các môn thể thao. Một số môn thể thao (như các môn thể dục, một số môn bơi lội, Cờ Vua) giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu bắt đầu từ tuổi học sinh cấp Tiểu học, trong khi các môn thể thao khác (chạy cự li trung bình, cử tạ, chèo thuyền, bóng đá...) giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu bắt đầu muộn hơn nhiều. Như vậy, trong thực tiễn quy trình huấn luyện nhiều năm, nhiều VĐV trẻ tương lai thường được thử sức mình trong nhiều môn thể thao khác nhau. Dưới góc độ nhìn nhận và dưới sự chỉ đạo của nhà sư phạm, các nhà chuyên môn sẽ định hướng lựa chọn cho các VĐV một môn thể thao chuyên sâu phù hợp (để bước vào giai đoạn chuyên môn hóa). Giai đoạn này thường kéo dài từ 1 - 2 năm.

Nghiên cứu về vấn đề tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ đã trở thành chiến lược trong công tác phát hiện và đào tạo các tài năng Cờ Vua ở các nước trên thế giới. Tuyển chọn và huấn luyện thể thao là hai mặt hữu cơ của quá trình đào tạo VĐV Cờ Vua cấp cao. Các giai đoạn tuyển chọn đều phải tương ứng với độ tuổi tập luyện Cờ Vua và các giai đoạn đào tạo. Qua tham khảo các tài liệu có liên quan cho thấy, công tác tuyển chọn và đào tạo VĐV Cờ Vua trẻ được chia làm 4 giai đoạn: [4], [5], [22], [50], [51], [59], [67]

- Giai đoạn tuyển chọn định hướng được bắt đầu đối với các em nhỏ từ 5 - 6 tuổi. Thời gian này kéo dài khoảng 2 năm với mục đích chính là để các em làm quen và tạo ra hứng thú chơi Cờ Vua theo nguyên tắc “học mà chơi, chơi mà học”. Thông qua giai đoạn này, các em nhỏ sẽ bộc lộ những tư chất bẩm sinh phù hợp với môn Cờ Vua, từ đó các HLV sẽ sớm phát hiện ra các em có năng khiếu để tuyển chọn và đào tạo ở giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu dành cho các em nhỏ lứa tuổi 6 - 10 với thời gian huấn luyện 4 năm. Trong giai đoạn này, năng khiếu của các em được thể hiện rõ nét nhất thông qua các hoạt động tư duy, tâm lý, kỹ - chiến thuật đơn giản. Công tác tuyển chọn được tiến hành theo một định mức chặt chẽ về khoa học theo các chỉ số về tư duy, tâm lý và khả năng tính toán.

- Giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu với thời gian huấn luyện 5 năm, đối tượng tập luyện là các em thanh - thiếu niên lứa tuổi 10 - 15 đã kinh qua giai đoạn tập luyện chuyên môn hóa ban đầu. Ở giai đoạn này, năng khiếu Cờ Vua của các em không còn ở giai đoạn tiềm ẩn nữa, mà đã trở thành năng lực chuyên môn thực sự, bởi sự tích lũy kinh nghiệm sau nhiều năm tập luyện Cờ Vua có hệ thống. Đây là giai đoạn bước ngoặt quan trọng, bước đột phá trong công tác tuyển chọn VĐV để tuyển đào tạo thành các tài năng Cờ Vua trẻ. Nếu như ở cuối giai đoạn này, các năng lực chuyên môn không được bộc lộ hoặc không đáp ứng được yêu cầu thì các VĐV trẻ đó sẽ bị đào thải bởi họ không có khả năng để trở thành các VĐV cấp cao được. Do đó, việc nghiên cứu các nội dung hay các tiêu chuẩn có định mức chặt chẽ để tuyển chọn của các VĐV trẻ lứa tuổi 11 - 12 có một ý nghĩa quan trọng trong hệ thống đào tạo dài hạn các VĐV Cờ Vua cấp cao ở Việt Nam.

- Giai đoạn hoàn thiện thể thao dành cho các tài năng Cờ Vua trẻ lứa tuổi 14 - 20 với thời gian huấn luyện từ 6 năm trở lên.

Tuyển chọn VĐV Cờ Vua được dựa trên cơ sở những nguyên tắc tuyển chọn dài hơi và nguyên tắc đồng bộ, đồng thời phải xem xét đến nhiều yếu tố thành phần khác nhau như: yếu tố tâm lý, thể lực và yếu tố chuyên môn... Tuy nhiên, do đặc thù của môn Cờ Vua đòi hỏi VĐV phải có đầy đủ các yếu tố về tư duy, thể lực cũng như các yếu tố về tâm lý, do đó để tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ, cần thiết phải tìm kiếm sự phối hợp ổn định của tất cả các nhóm yếu tố thành phần nêu trên.

1.4. Quy trình tuyển chọn vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu

Quy trình tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua giữ vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo và huấn luyện nhiều năm. Quá trình tuyển chọn VĐV vào trường năng khiếu, Trung tâm Huấn luyện thể thao hay vào các Câu lạc bộ Cờ Vua chuyên nghiệp thường được các nhà chuyên môn chia thành 4 giai đoạn chủ yếu sau [4], [5], [22], [24], [39], [40] [43], [44], [52], [53]: 1) Giai đoạn tuyển chọn ban đầu (sơ tuyển); 2) Giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa ban đầu; 3) Giai đoạn tuyển chọn chuyên môn hóa sâu; 4) Giai đoạn tuyển chọn đội tuyển (giai đoạn hoàn thiện thể thao). Do đặc điểm tập luyện và thi đấu Cờ Vua, các VĐV tập luyện bắt đầu từ 5 - 6 tuổi, đến lứa tuổi 11 - 12 các VĐV bước vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (theo quan điểm của tác giả Đàm Công Sử - 1998 [47]), độ tuổi của VĐV Cờ Vua Việt Nam tại các giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu là 6 - 10 tuổi, giai đoạn đào tạo - huấn luyện chuyên môn hóa sâu là từ 10 - 15 tuổi). Căn cứ vào luận điểm đó, luận án đề cập khái quát về quy trình tuyển chọn VĐV Cờ Vua ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

1. Đối tượng, địa điểm và thành phần tuyển chọn.

- Đối tượng tuyển chọn: Là các VĐV đã qua tuyển chọn chuyên môn hóa ban đầu và được tập luyện 4 - 5 năm (kết thúc giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu).

- Nơi tổ chức tuyển chọn: Tại các cơ sở đào tạo - huấn luyện, các đội tuyển trẻ, các trận thi đấu, các cuộc thi đấu thể thao, phòng thí nghiệm, cơ sở y tế học đường...

- Thời điểm tuyển chọn: Thời điểm kết thúc giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu. Tuy nhiên, công việc này cũng có thể diễn ra trong toàn bộ thời kỳ hoạt động thể thao (trong quá trình huấn luyện có đào thải và tuyển chọn bổ sung).

- Thành phần tham gia tuyển chọn: HLV, bác sỹ đội, các trọng tài, các chuyên gia thể thao, trong đó nhất thiết phải có chuyên gia tâm lý, sinh lý, nhân trắc, thần kinh...

2. Mục tiêu tuyển chọn: Tuyển chọn VĐV trẻ đáp ứng được các yêu cầu của chuyên môn trong giai đoạn chuyên môn hóa sâu theo 1 môn thể thao hay vị trí trong các môn thể thao tập thể và tuyển vào nhóm huấn luyện chuyên môn hóa; dự báo theo các dấu hiệu phát dục và cấu trúc hình thái, năng lực chức năng cơ thể, và thành tích thể thao; xác định nhịp tăng trưởng của các chỉ tiêu.

3. Nhiệm vụ tuyển chọn: Đánh giá trạng thái sức khỏe và dự báo trong tương lai; đánh giá được các chỉ tiêu có độ di truyền cao, có ảnh hưởng hàng đầu đến tập luyện môn Cờ Vua; xác định mức độ đạt được của các chỉ tiêu tuyển chọn và nhịp tăng trưởng của các dấu hiệu phản ánh năng lực tương ứng với VĐV hàng đầu; đánh giá mức độ và nhịp tăng trưởng thể chất, khả năng thích nghi, khả năng hồi phục, chức năng thần kinh - tâm lý, năng lực chuyển hóa năng lượng; đánh giá mức độ thích ứng với môn thể thao lựa chọn thông qua các chỉ tiêu chuyên môn; thiết kế và điều chỉnh kế hoạch huấn luyện [14], [17], [21], [78].

4. Phương pháp và kết quả tuyển chọn: Đánh giá toàn diện tình trạng sức khỏe với các phương pháp kiểm tra y học sâu; phân tích và đánh giá hoạt động thể thao và thành tích thi đấu thể thao; đánh giá mức độ chuẩn bị thể lực chuyên môn và nhịp tăng trưởng của các tổ chất thể lực và năng lực đặc trưng (thông qua hệ thống các test thử nghiệm); đánh giá nhịp tăng trưởng về độ chín sinh học (tuổi sinh học) để xác định hình thức; kiểm tra - đánh giá một cách hệ thống và định kỳ (6 tháng 1 lần) nhịp tăng trưởng các chỉ tiêu hình thái: chiều cao, tỷ lệ các thành phần cơ thể; đánh giá một cách hệ thống mức độ phát triển và xác định nhịp tăng trưởng các chỉ tiêu chức năng sinh lý, sinh hóa, tâm lý; kiểm tra sinh hóa sâu về các chỉ tiêu máu, cơ, hệ mao mạch; đánh

giá tổng thể các chỉ tiêu để kết luận về khả năng thích ứng thể thao trong việc chuyên môn hóa hẹp.

5. Các bước tuyển chọn:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch và ra thông báo tuyển chọn.
- Bước 2: Nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển, lập danh sách VĐV.
- Bước 3: Thành lập Hội đồng tuyển chọn.
- Bước 4: Xét chọn hồ sơ VĐV dự tuyển theo các test quy định.
- Bước 5: Tổ chức thi đấu tuyển chọn (nếu cần); hoặc tiến hành kiểm tra các VĐV theo các test, tiêu chuẩn tuyển chọn về năng lực tư duy, năng lực trí tuệ và các yếu tố chuyên môn khác quy định.
- Bước 6: Lập danh sách VĐV đạt yêu cầu trình Hội đồng thẩm định, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận VĐV trúng tuyển.
- Bước 7: Cơ sở đào tạo - huấn luyện ra văn bản triệu tập các VĐV tham gia đào tạo, huấn luyện theo chương trình, kế hoạch đã xây dựng (ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu).

1.5. Những quy luật phát triển thành tích thể thao nhằm dự báo thành tích của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12

1.5.1. Quy luật độ tuổi với sự phát triển thành tích thể thao của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12

Để đạt được thành tích thể thao cao, cần thiết phải nắm vững những quy luật phát triển thành tích thể thao của VĐV theo từng độ tuổi. Thành tích kỷ lục ngày càng cao, buộc các nhà chuyên môn phải thường xuyên xem xét lại và điều chỉnh những tiêu chuẩn tuyển chọn và yêu cầu định ra trước đây, đổi mới thời hạn đào tạo và hoàn thiện, bao gồm cả độ tuổi đạt được thành tích thể thao. Cách nhìn biện chứng như vậy cho phép chúng ta năng động hơn, khắc phục tệ bảo thủ, kinh nghiệm chủ nghĩa [5], [22], [43], [44].

Lý thuyết thể thao hiện đại chia quá trình phát triển thành tích thể thao thành ba vùng thành tích thể thao: vùng thành tích cao bước đầu, vùng thành

tích cao nhất và vùng duy trì thành tích. Trong quá trình xây dựng kế hoạch nhiều năm, cần phải tính đến thời gian tập luyện cần thiết để đạt thành tích thể thao cao nhất của từng môn. Những VĐV có năng khiếu thường đạt thành tích thể thao cao ban đầu sau 4 - 6 năm tập luyện và đạt thành tích cao nhất sau 7-9 năm đào tạo chuyên sâu. Nhưng trong tất cả các nhóm tuổi, nhịp độ phát triển cao nhất thường thấy ở 2 năm đầu tập luyện chuyên sâu [49], [58].

Để tuyển chọn được chính xác và xây dựng hợp lý quá trình hoàn thiện thể thao, điều quan trọng là cần phải biết được nhịp độ phát triển thành tích thể thao theo thời gian, đồng thời cần nắm vững thời gian tập luyện cần thiết để đạt được những thành tích thể thao cao như kiện tướng quốc gia hoặc kiện tướng, đại kiện tướng quốc tế... và khả năng duy trì thành tích cao đó được bao lâu [58], [60], [61], [62], [65].

Theo các nghiên cứu đã công bố, độ tuổi của những VĐV và các nhà vô địch tham dự 17 Đại hội Olympic từ 1896 đến 1972 cho thấy: hơn một nửa (55% - 59%) số VĐV tham dự Đại hội Olympic từ 25 tuổi trở lên, 29 - 31% từ 20 - 25 tuổi, và 12% từ 16 - 20 tuổi [56], [110]. Như vậy, mặc dù có sự phát triển rõ rệt về thành tích kỷ lục trong những năm gần đây, song độ tuổi đạt thành tích cao nhất lại là một đại lượng tương đối ổn định và trong phần lớn các môn thể thao thường rơi vào độ tuổi tương đối trưởng thành.

Tóm lại, độ tuổi đạt thành tích thể thao chủ yếu phản ánh những tiềm năng của cơ thể, mức độ phát triển những khả năng về chức phận và hình thái, cũng như độ chín muồi về sinh học của cơ thể, trong đó đối với VĐV Cờ Vua là năng lực tư duy và năng lực trí tuệ. Vì vậy, nghiên cứu thời gian tập luyện cần thiết để đạt thành tích cao trong quá trình hoàn thiện cho phép xây dựng cơ sở khoa học của các giai đoạn tuyển chọn, định hướng và chuyên môn hóa thể thao đúng và kịp thời, dự báo hiệu quả và xây dựng kế hoạch huấn luyện hợp lý, giữ cho VĐV không rơi vào trạng thái bệnh lý tập luyện quá sức, không sử dụng LVD tập luyện và thi đấu gây căng thẳng quá mức.

1.5.2. Quy luật về thời gian tập luyện với sự phát triển thành tích thể thao của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12

Thời gian đạt được cấp bậc VĐV tương đối ổn định. Nói chung, thời gian trung bình để chuyển cấp bậc (đăng cấp) này sang cấp bậc khác thường là 1.0 - 2.5 năm. Thời gian để 1 VĐV Cờ Vua đạt từ cấp dự bị kiện tướng đến kiện tướng và từ kiện tướng đến kiện tướng quốc tế đòi hỏi lâu hơn cả (từ 2.5 - 4.5 năm) [10], [18], [19]. Hiện nay, thời gian tập để đạt tiêu chuẩn kiện tướng thể thao ngày càng ngắn hơn. Chẳng hạn, VĐV bơi lội nam muốn đạt danh hiệu kiện tướng trước đây (1971) phải mất khoảng 7.3 năm, nhưng gần đây, chỉ cần 5.3 năm. Đối với môn thể dục dụng cụ, trước đây trung bình cần 9.3 năm, nhưng hiện nay chỉ còn 7.7 năm; VĐV cử tạ trước đây 8.7 năm, nhưng nay chỉ còn 6.9 năm [52]. Tuy nhiên thực tiễn huấn luyện cho thấy, ngay cả những VĐV Cờ Vua có năng khiếu và nhịp độ phát triển thành tích cao nếu muốn đạt được đỉnh cao cũng phải tập luyện từ 5 - 10 năm hoặc có thể lâu hơn. Nếu đào tạo VĐV cứng nhắc, nóng vội muốn nâng thành tích lên đỉnh cao ngay, thường dẫn đến căng thẳng quá mức về thần kinh và thể chất, rất dễ buộc phải từ giã từ sớm sự nghiệp thể thao đỉnh cao của mình.

1.5.3. Vấn đề dự báo tài năng thể thao của vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12

Trong công tác tuyển chọn và huấn luyện, đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua là cơ sở cho dự báo trình độ VĐV. Dự báo trình độ là một việc làm không thể thiếu trong quá trình tuyển chọn, đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua. Đây là quá trình đòi hỏi phải phân tích tất cả các hoạt động chuyên môn và đánh giá đúng, chính xác các thử nghiệm - kiểm tra mà người học phải thực hiện và đó là các phương pháp dự báo. Đặc điểm hoạt động thi đấu Cờ Vua luôn gắn liền với quá trình xúc cảm - ý chí. Cho nên khi tiến hành dự báo trình độ VĐV Cờ Vua cần chú ý đến việc đánh giá chính xác cả đặc điểm tâm lý cá nhân của VĐV [14], [17], [47], [48], [65].

Ngày nay, để tiến hành dự báo trình độ VĐV Cờ Vua, ở các nước có phong trào mạnh như Anh, Pháp, Mỹ... và Liên Xô (cũ) họ tiến hành dự báo theo các quy trình, phương pháp đã được nghiên cứu và kiểm nghiệm qua thực tiễn công tác đào tạo VĐV Cờ Vua. Các phương pháp dự báo đó là:

1) Phương pháp đánh giá năng lực chuyên môn thông qua:

- Đánh giá VĐV Cờ Vua qua thành tích thi đấu.
- Đánh giá VĐV Cờ Vua qua các test không chuyên môn (tâm sinh lý).
- Đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua bằng chỉ số Rêiiting, hệ số Elo.
- Đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua dựa vào kinh nghiệm huấn luyện.
- Đánh giá trình độ VĐV Cờ Vua bằng các test chuyên môn.

2) Phương pháp ván đấu (hiểu được các thành phần cấu thành trình độ).

3) Phương pháp phân tích tư duy bằng lời (chính là việc giải quyết các nhiệm vụ đã được định sẵn trong các thế cờ lựa chọn riêng).

1.6. Đặc điểm tâm sinh lý trong tập luyện thi đấu môn Cờ Vua và cơ sở tâm, sinh lý trong tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua

1.6.1. Đặc điểm tâm sinh lý trong tập luyện và thi đấu môn Cờ Vua

Đặc điểm tâm lý:

Cờ Vua là một môn thể thao trí lực, lượng vận động trong Cờ Vua chủ yếu là LVĐ tâm lý, tác động trực tiếp vào quá trình tư duy của người tập. Trong quá trình học và tập luyện Cờ Vua, khả năng tư duy và trực giác được phát triển, trí nhớ linh hoạt hơn, bền vững hơn và dung lượng ghi nhớ lớn hơn. Khả năng tập trung chú ý được phát triển và hoàn thiện. Tập luyện Cờ Vua giúp đẩy mạnh việc tập trung suy nghĩ, khả năng lựa chọn quyết định, góp phần tạo nên ý chí, tính quyết đoán và độ ổn định về cảm xúc [8], [17], [18], [45]. Trong các môn thể thao khác (đặc biệt trong thời kỳ tiến hành thi đấu), sự căng thẳng về cảm xúc được kết hợp với việc tăng cường hoạt động cơ bắp và hoạt động cơ bắp sẽ bảo vệ cơ thể khỏi ảnh hưởng không có lợi của sự căng thẳng về cảm xúc lên trạng thái chức năng của hệ thần kinh và hệ tim

mạch. Song đối với tập luyện và thi đấu Cờ Vua, không đòi hỏi hoạt động cơ bắp mạnh mẽ nhưng với sự căng thẳng về cảm xúc thần kinh cao độ có thể ảnh hưởng không tốt đến tình trạng sức khỏe. Nhưng bản thân những căng thẳng cảm xúc đó chính là điều kiện cần thiết cho quá trình tư duy sáng tạo của VĐV Cờ Vua. Việc không có khả năng duy trì và chịu đựng những căng thẳng cảm xúc ở mức độ cao là một trong những nguyên nhân làm giảm khả năng thi đấu của VĐV - nghĩa là làm mất đi trạng thái sung sức thể thao của VĐV Cờ Vua [33], [42]. Thực tiễn huấn luyện VĐV Cờ Vua, yếu tố thể lực về cơ bản đã được hoàn thiện ở giai đoạn huấn luyện ban đầu. LVĐ tâm lý trong Cờ Vua chính là sự căng thẳng về cảm xúc và thần kinh do mật độ, độ khó của bài tập cờ, tình huống cờ cũng như thời gian thực hiện bài tập, tình huống đó. Các tác nhân tâm lý (cường độ cảm xúc, sự căng thẳng về ý chí...) có tác động mạnh thì hoặc làm tăng cường hoặc làm giảm sút khả năng chức phận của cơ thể [17], [42], [91], [97], [99].

LVĐ tâm lý trong Cờ Vua mối quan hệ biện chứng với sức bền tâm lý. Sức bền tâm lý của VĐV Cờ Vua là năng lực của hệ thống tâm thể VĐV chịu được lượng vận động cao trong tập luyện và thi đấu, duy trì được sự cân bằng cần thiết trong hệ thống đó. Mức độ căng thẳng tâm lý trong hoạt động tập luyện và thi đấu của VĐV Cờ Vua được xác định bằng: [88], [93], [94]

- Mức cảm xúc của VĐV: Trạng thái này có rất nhiều nguyên nhân bên trong cũng như bên ngoài như: Trình độ chuyên môn của VĐV, trình độ của đối phương, mục đích tập luyện và thi đấu...

- Đặc tính kỹ thuật, chiến thuật của các bài tập, tính chất hoạt động của cơ quan phân tích, mức độ tư duy chiến thuật, đặc điểm của sự tập trung chú ý, điều kiện hoạt động có đối kháng...

- Độ lớn của nỗ lực ý chí của VĐV.

Sự căng thẳng tâm lý cao nhất được biểu hiện trong các cuộc thi đấu quan trọng. Một đặc điểm nữa của môn Cờ Vua, đó là các trở ngại tâm lý

trong quá trình hoạt động thi đấu Cờ Vua. Những trở ngại tâm lý này làm hạn chế khả năng tư duy, tập trung suy nghĩ của VĐV Cờ Vua, cản trở việc đạt thành tích thể thao cao và cao nhất của VĐV Cờ Vua trong quá trình thi đấu [20], [32], [33], [99]. Những trở ngại trong quá trình thi đấu là những yếu tố tác động lên VĐV trong thời gian thi đấu, ngăn cản tập trung suy nghĩ nước đi, đôi khi còn đưa VĐV ra khỏi trạng thái bình thường, như thái độ của đối thủ, những cảm xúc không liên quan trực tiếp tới ván đấu, sự không thành công trong các ván đấu trước, sai lầm mắc trong ván đang chơi, những điều phải bận tâm trong cuộc sống hàng ngày... Các thông tin gắn với các sự kiện này luôn được não xử lý, lưu giữ (ngoài chủ định). Đôi khi các thông tin này ngẫu nhiên thâm nhập vào thần kinh đang xử lý các thông tin thuần túy phục vụ ván đấu của VĐV Cờ Vua. Hơn nữa, những mệt mỏi về thể chất cũng dẫn tới mệt mỏi thần kinh, tâm lý. Kết quả là việc tư duy nước đi của VĐV có thể bị phá vỡ và là nguyên nhân của các sai lầm mắc phải trong thi đấu [33], [42].

Các chỉ số tâm lý đặc trưng cho năng lực hoạt động Cờ Vua bao gồm:

- Loại hình thần kinh phù hợp, phẩm chất đạo đức tốt.
- Mức độ bền vững, linh hoạt của quá trình tâm lý.
- Có trí nhớ tốt.
- Năng lực tư duy của VĐV tốt (đặc biệt là tư duy sáng tạo).
- Có nỗ lực ý chí cao, khắc khục khó khăn trở ngại bên trong cũng như bên ngoài để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ tập luyện và thi đấu...

Trong các chỉ số này, đặc điểm tâm lý trội nhất của môn Cờ Vua là năng lực tư duy của VĐV [20], [27], [28], [41], [99].

Đặc điểm sinh lý:

Vấn đề giá trị sinh lý của ván đấu Cờ Vua luôn thu hút sự quan tâm lớn của các nhà khoa học Cờ Vua, bởi lẽ thiếu giá trị này sẽ rất khó khăn trong chuẩn hoá lượng vận động trong thi đấu và dự báo thành tích của VĐV Cờ Vua. Những năm 1980 - 1987, tại khoa Cờ Vua Trường Đại học TDTT

Matxcova đã tiến hành nghiên cứu đề tài: *“Nghiên cứu quá trình quyết định trong điều kiện stress với thời gian hạn hẹp (model Cờ Vua)”*. Kết quả nghiên cứu của đề tài này và kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học khác đã chỉ ra với LVĐ thi đấu lớn và không quen thuộc sẽ dẫn tới một mối tương đối nhanh và hậu quả là một số VĐV Cờ Vua xuất hiện các “khoảng tối” trong việc nhìn nhận các thế cờ. Nghĩa là việc định vị được trong trí nhớ chỉ một phần nào đó của bàn cờ, nơi diễn ra các sự kiện quan trọng hơn cả [90], [104]. Trong quá trình thử nghiệm đã sử dụng tổ hợp các phương pháp tâm - sinh lý bao gồm: ghi các dòng điện sinh vật của não (điện não đồ), ghi điện tâm đồ, xác định huyết áp tối đa và huyết áp tối thiểu, xác định tần số hô hấp và tần số mạch đập.

Những kết quả thu được từ điện não đồ trong quá trình thử nghiệm đã chứng tỏ: Sự biến đổi hoạt lực điện sinh vật của não trong quá trình thực hiện ván đấu cho phép đánh giá độ khó của nhiệm vụ mà VĐV Cờ Vua phải giải quyết. Khi chơi trong giai đoạn khai cuộc với phương án quen thuộc, việc lựa chọn nước đi dường như là tự động không khó khăn thì giá trị sinh lý của ván đấu không cao. Trong giai đoạn trung cuộc và tàn cuộc, khi phần lớn các ván đấu được xác định bởi sự tính toán căng thẳng thì giá trị sinh lý của ván đấu đạt cao nhất. Các thử nghiệm cho thấy, giá trị sinh lý của ván đấu còn đạt mức cao nhất trong những tình thế thiếu thời gian (xêinốt), trong những tình thế sau khi thực hiện nước đi không chính xác, hoặc sau những nước đi bất ngờ của đối phương [8], [17], [93].

Đồng thời với những thay đổi trên điện não đồ, khi thực hiện lượng vận động thi đấu đã làm tăng tần số mạch đập và huyết áp. Những biến đổi đó thể hiện ở phần lớn các VĐV ở mức độ vừa phải. Những thử nghiệm trong điều kiện hạn hẹp thời gian ở các đối tượng nghiên cứu cho thấy, sự tăng có tính quy luật của cả tần số hô hấp và tần số mạch đập, chúng được đánh giá như “stress phản ứng chuẩn” với LVĐ cảm xúc.

Đặc điểm lượng vận động:

Đặc trưng cơ bản của môn Cờ Vua là ván đấu. Một ván đấu Cờ Vua được chia làm 3 giai đoạn: khai cuộc, trung cuộc và tàn cuộc. Mỗi giai đoạn lại gồm lượng kiến thức rất lớn, ví dụ giai đoạn khai cuộc, được chia làm 3 hệ thống khai cuộc là hệ thống khai cuộc thoáng, nửa thoáng và hệ thống khai cuộc kín. Mỗi hệ thống lại gồm hàng chục dạng khai cuộc, mỗi dạng khai cuộc có hàng trăm phương án, mỗi phương án lại được chia thành hàng trăm biến nhỏ khác nhau... [12], [103], [106]. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, các phần mềm Cờ Vua trên máy tính, các hệ thống máy chủ Cờ Vua trực tuyến trên Internet ngày càng phong phú và có tính năng mạnh hơn. Vì vậy, việc lưu trữ và phân tích các ván đấu, các tình huống cờ trên máy đã cho phép đánh giá chính xác hơn bản chất của thế cờ. Từ đó, việc xác định kế hoạch và lựa chọn phương án chơi tiếp theo chuẩn xác hơn. Nhiều nước cờ, phương án trước kia được coi là yếu, thì nay với sự trợ giúp của máy tính thông qua các chương trình Cờ Vua được xác định lại là phương án, nước đi mạnh, là những nước đi mới trong Cờ Vua [20], [33], [35], [36], [75], [77]. Như vậy trong quá trình đào tạo, đòi hỏi VĐV Cờ Vua phải thường xuyên tiếp cận với những kiến thức mới song song với việc củng cố kiến thức cũ, hình thành kỹ năng, kỹ xảo và phát triển các năng lực chuyên môn. Điều đó cho thấy lượng kiến thức phục vụ ván đấu trong Cờ Vua là rất lớn, đòi hỏi VĐV phải được đào tạo một cách bài bản, có hệ thống, có sự trợ giúp đặc lực của các phương tiện công nghệ thông tin như máy chơi cờ, các phần mềm chuyên khảo về Cờ Vua, các thông tin lấy từ hệ thống các máy chủ Cờ Vua trên mạng Internet và phải được thường xuyên tham gia thi đấu, cọ sát với các VĐV trong khu vực, châu lục và thế giới.

LVD trong tập luyện và thi đấu Cờ Vua đa phần mang xu hướng tâm lý (LVD tâm lý), đó chính là những tác động có hướng đích từ bên ngoài vào quá trình tư duy của VĐV nhằm gây ra những biến đổi thích nghi bên trong

cơ thể. Dưới những tác động có hướng đích đó những khả năng chuyên môn Cờ Vua được hình thành, đồng thời nâng cao được mức độ hoạt động của các mối liên hệ nhiều thành phần, hoàn thiện các cơ chế sinh lý, sinh hóa và đặc biệt là cơ chế tâm lý [8], [20], [25], [26], [74]. Để xác định độ lớn của LVĐ trong tập luyện và thi đấu Cờ Vua cần thiết phải căn cứ vào các chỉ số tâm - sinh lý, hoặc các dấu hiệu xuất hiện trên cơ thể VĐV khi thực hiện các nhiệm vụ tập luyện và thi đấu. Những kết quả nghiên cứu của tác giả Malkin V.B (1996) đã đưa ra những kết quả thử nghiệm trên điện não đồ, khi thực hiện LVĐ thi đấu đã làm tăng tần số mạch đập và huyết áp đối với các VĐV có đẳng cấp khác nhau như sau (bảng 1.4) [99].

Bảng 1.4. Kết quả thử nghiệm về chức năng của hệ tuần hoàn

(Theo Malkin, 1996)

TT người TN	Đẳng cấp	Trước ván đấu		Sau 2 ván đấu		Sau 5- 6 ván đấu		Sau 9-10 ván đấu	
		Mạch (l/min)	HA (mmHg)	Mạch (l/min)	HA (mmHg)	Mạch (l/min)	HA (mmHg)	Mạch (l/min)	HA (mmHg)
1.	DBKT	94	115/75	114	120/70	114	140/80	156	140/80
2.	DBKT	83	140/90	108		150	160/110	120	150/100
3.	KT	70	105/55	60	120/70	66	110/70	72	110/60
4.	DBKT	78	120/75	64		75		88	140/60
5.	DBKT	80	115/70	78		96	130/85	92	130/80
6.	DBKT	80	120/65	80	130/70	92		86	140/80
7.	DBKT	84	130/80	100		100	150/80	104	140/90
8.	DBKT	68	120/75	80		82	130/90	90	135/80
9.	DBKT	80	115/60	86	120/70	78		88	130/80
10.	DBKT	82	95/55	120	120/70	116		120	130/70
11.	DBKT	90	120/70	88		90		98	120/75
12.	CI	104	110/60	120		128		120	125/70

- LVĐ sau 9 - 10 ván đấu: đối với VĐV KT mạch đập 72 lần/phút; huyết áp 110/60 mmHg; đối với VĐV DBKT mạch đập từ 88 - 156 lần/phút, huyết áp từ 120/75 - 150/100 mmHg; đối với VĐV đẳng cấp 1 mạch đập 120 lần/phút, huyết áp 125/70 mmHg.

- LVD sau 5 - 6 ván đấu: đối với VĐV KT mạch đập 66 lần/phút; huyết áp 110/70 mmHg; đối với VĐV DBKT mạch đập từ 75 - 150 lần/phút, huyết áp từ 130/85 - 160/110 mmHg; đối với VĐV đẳng cấp 1 mạch đập 128 lần/phút.

- LVD sau 2 ván đấu: đối với VĐV KT mạch đập 60 lần/phút; huyết áp 120/70 mmHg; đối với VĐV DBKT mạch đập từ 64 - 120 lần/phút, huyết áp từ 120/75 - 130/70 mmHg; đối với VĐV đẳng cấp 1 mạch đập 120 lần/phút. Như vậy, với LVD nhỏ (sau 2 ván đấu) đã không gây ra những biến đổi đáng kể về các chỉ số mạch đập và huyết áp của VĐV.

Ngoài việc định mức lượng vận động thông qua những chỉ số và các dấu hiệu nêu trên, còn có thể sử dụng các phong điện não cùng với việc phân tích sự biến đổi của nhịp α khi VĐV tham gia tập luyện, thi đấu, hoặc xác định gián tiếp thông qua các test y sinh - tâm lý - sư phạm [85], [87], [90].

1.6.2. Cơ sở tâm, sinh lý trong tuyển chọn tài năng môn Cờ Vua

Cơ sở tâm lý: Cờ Vua là môn thể thao trí lực, tính chất phức tạp và phong phú của hoạt động tập luyện và thi đấu Cờ Vua, đòi hỏi VĐV phải có năng lực tâm lý chung và chuyên môn. Thông qua năng lực xử lý thông tin, biểu thị đặc tính các khả năng cảm giác vận động và trí tuệ con người, trong các điều kiện ít thời gian và lượng tín hiệu lớn cần phải điều chỉnh và trả lời chính xác [35], [36]. Tính linh hoạt của hệ thần kinh là một tính chất độc lập biểu thị tốc độ chuyển đổi các phản xạ có điều kiện hay các dấu hiệu có kích thích. Theo tác giả Phạm Ngọc Viễn (1990) thì: Thử nghiệm sự chuyển đổi tín hiệu là một tổ hợp phức tạp các chức năng của hệ thần kinh, mà phần lớn các chức năng đó là sự xuất hiện các mặt khác nhau của tính linh hoạt [67], [68], [69], [70].

Theo quan điểm tâm lý học, tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu, thì đây là thời kỳ hình thành nhân cách của trẻ nên những tác động tâm lý quá mức hoặc lệch lạc sẽ gây những ảnh hưởng

không tốt đến nhân cách của trẻ. Trong huấn luyện thể thao, việc khắc phục những LVD cao cũng đem lại sự căng thẳng rất lớn đối với trẻ. Có thể khẳng định rằng, thể thao là hoạt động có tác động nhiều nhất đối với sự phát triển tâm lý của trẻ em và thanh niên. Đặc trưng chung đối với VĐV trẻ là phát triển mạnh mẽ sự tự ý thức, xu hướng tự giáo dục, rèn luyện những phẩm chất nhân cách quý báu như: ý chí, đạo đức, lòng dũng cảm, say mê tập luyện, tinh thần đoàn kết tập thể... [21], [33], [41], [102], [106]

Cũng giống như năng lực trí tuệ, khả năng vận động tâm lý có tồn tại ngưỡng sai lệch các biệt [27], [28], [72]. Có những VĐV có khả năng tư duy trừu tượng rất cao, nhưng khả năng vận động tâm lý tương đối là có thể kém một chút; có VĐV lại có khả năng tư duy trừu tượng và khả năng vận động tâm lý đều cao. Cùng một VĐV, nhưng sự phát triển của khả năng vận động tâm lý lại không phải hoàn toàn cân bằng. *Ví dụ:* có VĐV tính ổn định tương đối tốt, có VĐV lại có tính tốc độ tốt. Để tuyển chọn và đào tạo VĐV Cờ Vua ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu, các bài kiểm tra được tạo ra đúng lúc để có thể kiểm tra khả năng vận động tâm lý. Vì vậy, việc chú trọng việc bồi dưỡng và phát triển khả năng vận động tâm lý có ý nghĩa thực tế đối với việc phát triển năng lực tư duy của VĐV trong quá trình tập luyện. Mặt khác, một thuộc tính tâm lý rất quan trọng khác đó là động cơ tập luyện thể thao (bao gồm động cơ thi đấu và động cơ thành tích, hoặc có thể là động cơ bên trong và động cơ bên ngoài). Động cơ tập luyện thể thao có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy VĐV thực hiện tốt các mục tiêu tập luyện và thi đấu, vì vậy yếu tố động cơ tập luyện thể thao là một yếu tố không thể coi nhẹ trong quá trình tuyển chọn VĐV.

Cơ sở sinh lý: Quá trình tuyển chọn và đào tạo VĐV thông thường có 4 giai đoạn có tầm quan trọng như nhau, trong đó đào tạo VĐV trẻ chiếm tới 3 giai đoạn đó là: Giai đoạn huấn luyện ban đầu, giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu và giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Đây là quá

trình phát hiện và khai thác tối ưu tiềm năng vốn có của VĐV. Quá trình này thường được tổ chức rất công phu và khoa học nhằm tuyển chọn và bồi dưỡng có hiệu quả nhất những VĐV trẻ có triển vọng đạt thành tích thể thao cao. Quá trình đào tạo VĐV trẻ thường từ 7 - 10 năm tùy thuộc vào từng môn thể thao, từ tuổi nhi đồng đến hết tuổi thiếu niên [74], [99], [100], [106].

Dưới góc độ sinh lý thì đây là giai đoạn mà cơ thể, các cơ quan chức năng sinh lý của VĐV đang trong thời kỳ phát triển và dần hoàn thiện, do vậy việc tác động bằng lượng vận động tập luyện cũng cần đặc biệt lưu ý để không gây những ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể chất của trẻ mà vẫn tạo nên sự phát triển thành tích tối ưu.

Các yếu tố chức năng sinh lý quy định hoạt động thể lực của cơ thể. Khả năng chức phận của các cơ quan trong cơ thể là năng lực tiềm ẩn của mỗi người được phát triển, hoàn thiện nhờ quá trình giáo dục, rèn luyện và bộc lộ ra bên ngoài bằng tổ chất thể lực, năng lực vận động của cơ thể. Kiểm tra chức năng sinh lý nhằm nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể VĐV, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc đánh giá trình độ thể lực hay năng lực hoạt động thể lực của VĐV. Bởi vì, quá trình phát triển TĐTL có liên quan chặt chẽ với sự phát triển các cơ quan và hệ cơ quan của cơ thể. *Ví dụ:* Tần số hô hấp, dung tích sống, tần số mạch đập là những chỉ tiêu được sử dụng đánh giá chức năng hô hấp, tuần hoàn. Những chỉ số này được biến đổi dưới tác động của quá trình tập luyện TĐTT và nó là chỉ số quan trọng trong tuyển chọn VĐV [5], [6], [25], [26], [107], [108].

Chức năng của cơ thể còn được đánh giá thông qua các hoạt động định lượng, phản ứng của cơ thể thể hiện một phần TĐTL của VĐV đó. *Ví dụ:* Trong trạng thái hoạt động định lượng, VĐV có TĐTL cao hơn thường có tần số mạch đập tăng chậm hơn so với VĐV có TĐTL thấp. Chức năng hô hấp, tim mạch của VĐV có trình độ cao, thường thích nghi với hoạt động cơ bắp tốt hơn so với VĐV có trình độ thấp. Chính vì vậy, việc xác định các chỉ số

chức năng sinh lý ở trạng thái hoạt động định lượng là những thông tin có giá trị để so sánh và đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu nhằm tuyển chọn, dự báo khả năng của VĐV.

1.7. Khái quát về phong trào tập luyện và thành tích môn Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội

Có thể khẳng định rằng, Cờ Vua Việt Nam đang tiến rất nhanh, vững chắc, với tiềm năng và triển vọng to lớn. Đặc biệt, về phong trào, đây đang là môn thể thao thu hút số lượng người tập luyện thường xuyên rất đông đảo, tổng số lên tới trên 700 nghìn người. Phong trào chơi cờ rộng khắp, gắn với các địa bàn và đối tượng cụ thể, với hàng loạt CLB Cờ Vua hoạt động thường xuyên, hiệu quả trên khắp cả nước. Trên phương diện thể thao thành tích cao, các bộ môn Cờ cũng đã đi đầu và sớm hoàn thành mục tiêu chiến lược mà thể thao Việt Nam đang phấn đấu “vươn lên tầm châu Á”. Hiện tại, Cờ Vua Việt Nam đang dẫn đầu khu vực Đông Nam Á. Riêng ở khâu đào tạo tài năng trẻ, Cờ Vua Việt Nam luôn có mặt ở nhóm 10 đoàn đầu đầu, từng có bốn kỳ thủ đăng quang ở các nhóm tuổi như Lê Quang Liêm, Nguyễn Ngọc Trường Sơn, Nguyễn Anh Khôi, Nguyễn Lê Cẩm Hiền...

Hà Nội là một trong những địa phương có phong trào Cờ Vua phát triển mạnh so với các địa phương khác trên cả nước. Cho đến nay, phong trào tập luyện Cờ Vua tại Hà Nội đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở khu vực nội thành, với sự tham gia của nhiều CLB Cờ Vua, Trung tâm, Học viện Cờ Vua được thành lập sau khi chủ trương xã hội hóa công tác đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua được Ngành Thể dục thể thao và Liên đoàn Cờ Việt Nam triển khai thực hiện. Cho đến nay, ngoài các Trung tâm TDTT thuộc các quận/huyện của Hà Nội, còn có khoảng 100 CLB trên khắp địa bàn thành phố Hà Nội tham gia công tác đào tạo, huấn luyện VĐV Cờ Vua ở các tuyến khác nhau, nhằm cung cấp lực lượng VĐV Cờ Vua cho các đội tuyển tham gia thi đấu các giải cấp tỉnh/thành, cấp quốc gia và quốc tế. Các đơn vị tham gia đào

tạo - huấn luyện như CLB Cờ Vua Kiện tướng Tương lai, CLB Cờ Vua Olympia Chess, Armychess Clup, Babychess, Caissa Chess School, Olympia Chess, Thông Minh Chess Club, CLB gia đình Cờ Vua; CLB Ngôi sao Cờ Vua, CLB Cờ Vua tài năng trẻ... đã trang bị và cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, chương trình đào tạo - huấn luyện một cách bài bản và chuyên nghiệp cho các đối tượng VĐV từ các lớp phong trào đến các tuyển VĐV năng khiếu nhằm hướng tới các giải thi đấu quốc gia và quốc tế.

Với đặc thù chuyên môn của môn Cờ Vua, các CLB cũng đa dạng hóa các hình thức tập luyện và sinh hoạt. Nhiều CLB vừa duy trì phòng học offline, vừa phát triển lớp học online, giúp học viên và các VĐV linh hoạt ôn luyện, thi thử, học chiến thuật qua nền tảng số. Song song đó, các buổi giao lưu offline cuối tuần tại CLB, quán cà phê hay công viên cũng rất phổ biến, tạo không khí cởi mở, kết nối nhiều độ tuổi và trình độ khác nhau.

Về các giải thi đấu Cờ Vua trên địa bàn Hà Nội cũng đã thường xuyên được tổ chức với chất lượng chuyên môn cao, thu hút rất đông các VĐV tham dự, có thể kể đến như: Giải Cờ Vua học sinh do Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng tổ chức cuối năm 2024 thu hút hàng trăm học sinh từ các trường tiểu học, trung học trên địa bàn Hà Nội với nội dung cờ nhanh, cờ tiêu chuẩn phân theo nhóm tuổi; giải Cờ Vua Nhanh Hà Nội mở rộng thường quy thu hút hơn 2.400 kỳ thủ tham gia, phá kỷ lục quốc gia, với nhiều bảng đấu từ U5 đến không giới hạn tuổi và chia theo phong trào - nâng cao - chuyên nghiệp; giải đấu Hà Nội IM Chess Tournament - nội dung chuẩn quốc tế diễn ra tháng 6/2025, tổ chức tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin Hồ Gươm, mở cơ hội đạt chuẩn IM với hệ số Elo ~2280 cho các VĐV tham dự thi đấu.

Như vậy có thể thấy, mặc dù không có con số thống kê một cách đầy đủ về số lượng người tập luyện Cờ Vua thường xuyên, cũng như các VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội đang tham gia tập luyện và thi đấu. Nhưng với con số VĐV đăng ký tham dự các giải thi đấu Cờ Vua khu vực Hà Nội đã

cho thấy phong trào Cờ Vua ở Hà Nội đang phát triển đa dạng ở cả khía cạnh thi đấu, đào tạo và sinh hoạt cộng đồng. Từ giải học sinh đến lớp chuyên sâu, từ offline đến online, tất cả đang cùng chung tay làm nên một “thủ phủ” Cờ Vua năng động và kết nối. Phong trào Cờ Vua ở Hà Nội đang phát triển tích cực, với nhiều hoạt động đa dạng, tuy nhiên vẫn còn những thách thức cần được giải quyết để lan tỏa hơn nữa phong trào này đến mọi khu vực và đối tượng, đặc biệt là ở khu vực ngoại thành.

1.8. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan

1.8.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam hiện nay, có rất nhiều các đề tài ở các cấp các tác giả đã nghiên cứu và lựa chọn được các test tuyển chọn phù hợp với thực tiễn ở địa phương và với trình độ của đội ngũ huấn luyện viên hiện có, các tác giả đã xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu, các test ứng dụng trong công tác tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua bao gồm hai nhóm: 1) Nhóm đánh giá trình độ phát triển thể chất và thể lực; 2) Nhóm đánh giá khả năng chuyên môn.

Đã có một số tác giả đã quan tâm nghiên cứu vấn đề này như: Phạm Hồng Minh (1997), Nguyễn Huy Thuỷ (1998), Đàm Công Sử (1998), Đặng Văn Dũng (1998, 2006), Dương Minh Tuệ (2008), Nguyễn Hồng Dương (2008), Hà Minh Dịu (2015)...

Tác giả Đặng Văn Dũng (1999) với đề tài: *“Nghiên cứu ứng dụng các test đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cờ Vua các đẳng cấp khác nhau tại Việt Nam”* [11]. Tác giả đã tiến hành lựa chọn được 10 test thuộc các nhóm test tâm lý, y sinh để đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cờ Vua. Đối tượng nghiên cứu là 30 VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ ở độ tuổi 8 - 10, qua quá trình nghiên cứu đã lựa chọn được các test đánh giá trình độ tập luyện của VĐV năng khiếu Cờ Vua đảm bảo tính khoa học, phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

Các công trình nghiên cứu của các tác giả Đàm Công Sử (1998) với đề tài: *“Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống test dự báo thành tích VĐV Cờ Vua trẻ*

lứa tuổi 10 - 12 của tỉnh Bắc Ninh” [47]; tác giả Phạm Hồng Minh (2009) với đề tài: *“Nghiên cứu lựa chọn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 13 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá”* [37]; tác giả Nguyễn Huy Thuỷ (1998) với đề tài: *“Nghiên cứu ứng dụng các test tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ lứa tuổi 8 - 10 trên địa bàn tỉnh Hà Tây”* [55], Dương Minh Tuệ (2008) với đề tài: *“Nghiên cứu nội dung, tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 13 tỉnh Lạng Sơn”* [64]. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trên đã đề cập đến công tác tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện cho VĐV Cờ Vua trẻ giai đoạn huấn luyện chuyên môn hoá ban đầu và giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

Khi tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả trên cho thấy: Để đánh giá mức độ phát triển thể chất và thể lực chung, hầu hết các tác giả tập trung sử dụng các test: chiều cao đứng (cm); cân nặng (kg); chạy 30m xuất phát cao (s); bật xa tại chỗ (cm); chạy 300 m (s); nhảy dây 2 phút (lần). Qua tìm hiểu thực tiễn lựa chọn các test này cho thấy một điều, việc sử dụng các bài thử này của các tác giả trên đối tượng tuyển chọn đều hướng đến việc đánh giá các năng lực sức nhanh, sức mạnh, sức bền của các VĐV. Để đánh giá năng lực chuyên môn, các tác giả đã lựa chọn các chỉ tiêu, các test sau: Tepping test (lần); soát vòng hở Landolt (bit/s); Test Raven (điểm); trí nhớ động (điểm); trí nhớ tĩnh (điểm); tương quan số học (điểm); đờn phối hợp (điểm); cờ tàn (điểm). Từ việc lựa chọn các test phù hợp với thực tiễn, các tác giả đã xây dựng các tiêu chuẩn tuyển chọn VĐV Cờ Vua. Qua quá trình kiểm tra các test ở các giai đoạn huấn luyện các tác giả đã cho thấy các test đó thể hiện độ tin cậy cao, đồng thời giữa các nhóm yếu tố thể lực và năng lực trí tuệ có một mối quan hệ chặt chẽ ở giai đoạn tuyển chọn ban đầu. Các đề tài nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn thông qua thang điểm đánh giá cho từng test dựa vào các giá trị $\bar{x} \pm \sigma$ và xây dựng bảng điểm tổng hợp, bảng phân loại theo quy tắc 2 xích ma. Điều đó có nghĩa là, nếu mỗi đối tượng dự tuyển có

giá trị lập test kém ở nội dung này thì có thể bù lại ở nội dung khác, song tổng giá trị của các test kiểm tra không được thấp hơn tổng điểm ấn định.

Cũng đối với với công trình nghiên cứu của tác giả Đặng Văn Dũng (2006) với đề tài: *“Lượng vận động tập luyện thi đấu của vận động viên Cờ Vua trong chu kỳ chuẩn bị năm”* [12], khi phân tích và tổng hợp cho thấy: kết quả nghiên cứu của tác giả đã xác định được lượng vận động cơ bản của VĐV Cờ Vua theo các chu kỳ chuẩn bị năm. Qua đó, làm căn cứ để xây dựng chương trình, nội dung huấn luyện phù hợp.

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Dương (2008) với đề tài: *“Xác định các yếu tố chuyên môn cơ bản cấu thành năng lực tư duy Cờ Vua và hệ thống bài tập nâng cao năng lực tư duy của nam VĐV Cờ Vua Việt Nam”* [16]. Nghiên cứu đã xác định được các yếu tố chuyên môn cơ bản cấu thành năng lực tư duy Cờ Vua, đó là các thành phần của 5 nhóm yếu tố: trí tuệ, năng lực tư duy logic, năng lực tư duy khái quát, năng lực chuyển đổi tư duy ngôn ngữ và năng lực tư duy sáng tạo. Tác giả đã xác định được ảnh hưởng của các nhóm yếu tố cấu thành năng lực tư duy Cờ Vua đến thành tích thi đấu. Ngoài ra, nghiên cứu đã xác định được hệ thống các bài tập nâng cao năng lực tư duy Cờ Vua.

Công trình nghiên cứu của tác giả Hà Minh Diệu (2015) với đề tài: *“Ứng dụng các chỉ số tâm lý và chuyên môn (sư phạm) trong đánh giá trình độ tập luyện vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 8 - 10 trên địa bàn các tỉnh phía Bắc Việt Nam”* [9]. Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đã lựa chọn được hệ thống các test đánh giá trình độ tập luyện và xây dựng được tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện cho nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 8 - 10.

Công trình nghiên cứu của tác giả Tạ Hữu Minh (2019) với đề tài: *“Nghiên cứu ảnh hưởng của tập luyện Cờ Vua tới sự phát triển các thành phần của năng lực trí tuệ ở học sinh năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 8 - 9 thành phố Hà Nội”* [38]. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã lựa chọn được 02 nhân

tổ cấu thành năng lực trí tuệ của VĐV Cờ Vua (test tâm lý gồm 06 test và test chuyên môn gồm 8 test) để đánh giá ảnh hưởng của tập luyện Cờ Vua tới sự phát triển các thành phần năng lực trí tuệ của học sinh năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 8 - 9 thành phố Hà Nội. Qua kết quả và phân tích thực trạng thành phần năng lực trí tuệ của học sinh năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 8 - 9 của thành phố Hà Nội ở 3 cơ sở đào tạo cho thấy: Hầu hết kết quả thu được từ các test tâm lý, chuyên môn của học sinh năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 8 - 9 thành phố Hà Nội đều ở ngưỡng trung bình.

Về giới tính: Yếu tố tâm lý của VĐV tại Cung Thiếu nhi Hà Nội có sự khác biệt về kết quả trung bình theo giới tính là nhiều nhất ở các test tâm lý khi tiến hành kiểm tra (5/6 test), tiếp đến là ở Câu lạc bộ cờ Kiện tướng tương lai (2/6 test), cuối cùng là ở Công ty cổ phần học cờ cùng kiện tướng (1/6 test); về yếu tố chuyên môn thì tất cả các test chuyên môn (8/8 test) đều cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình theo giới tính của học sinh ở Cung Thiếu nhi Hà Nội và Câu lạc bộ cờ Kiện tướng tương lai. Có 2/8 test chuyên môn (chiến lược chơi trong khai cuộc; đòn phối hợp) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa nam và nữ khi tiến hành kiểm tra, và 6/8 test chuyên môn không cho thấy có sự khác biệt theo giới tính của học sinh ở Công ty Học cờ cùng kiện tướng. Hầu hết kết quả trung bình thu được từ các test tâm lý, test chuyên môn không có sự khác biệt giữa các cơ sở đào tạo. Qua quá trình thực nghiệm cho thấy, Cờ Vua có ảnh hưởng đến sự phát triển các thành phần năng lực trí tuệ của học sinh năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 8 - 9 thành phố Hà Nội, bao gồm các yếu tố tâm lý, các yếu tố chuyên môn. Các thành phần trí tuệ đều có sự phát triển phù hợp với đặc điểm, quy luật phát triển của cá nhân.

1.8.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu nước ngoài

Trên thế giới, tại các quốc gia có thành tích môn Cờ Vua phát triển hàng đầu thế giới, cũng như có hệ thống lý luận hàng đầu về công tác tuyển

chọn VĐV đã có những công trình nghiên cứu về hệ thống lý luận tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ. Dưới đây luận án tổng hợp tóm tắt một số công trình nghiên cứu lớn trình bày tương đối đầy đủ về vấn đề này.

Trước hết có thể kể đến công trình nghiên cứu của Dlotnhic (1996) và cộng sự: “*Cờ Vua - khoa học - kinh nghiệm - trình độ*” [10], đây là một công trình nghiên cứu khoa học tổng hợp các kết quả nghiên cứu khoa học Cờ Vua trong những năm gần đây của Nga và nhiều quốc gia khác trên thế giới. Công trình gồm 3 phần:

- Phần thứ nhất của công trình: Phân tích về cơ sở khoa học - phương pháp của Cờ Vua trong đó bao gồm những vấn đề y - sinh học trong Cờ Vua, quá trình sử dụng môn Cờ Vua trong việc phát triển tư duy, tuyển chọn - dự báo trình độ VĐV Cờ Vua, vấn đề phân loại các kiến thức Cờ Vua và phương pháp học các kiến thức đó. Cuối cùng là những vấn đề về chương trình, kế hoạch trong huấn luyện - giảng dạy Cờ Vua.

- Phần thứ hai của công trình: Trình bày những kết quả nghiên cứu về những vấn đề huấn luyện - giảng dạy Cờ Vua với các đối tượng khác nhau.

- Phần thứ ba của công trình: Phần liên quan đến vấn đề tuyển chọn - đào tạo - hoàn thiện của các VĐV Cờ Vua nổi tiếng ở Nga và thế giới.

Đây là những kết quả nghiên cứu trong nhiều năm dài với sự đóng góp của nhiều chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau của môn Cờ Vua như: V.B Mankin; B.A Dlotnhic; M.I Dvoretzki; A.N Coxchiev; La.B Extrin; M.M Bôtvinnhic; V.V Xmuxlop; M.N Tal... Tất cả các tác giả nêu trên đều đưa ra một cách cụ thể những kết quả nghiên cứu của mình trong nhiều năm dài, và đưa ra những chỉ dẫn hết sức cụ thể về cách thức và phương pháp thực hiện trong từng trường hợp khác nhau.

Tiếp đến có thể kể đến công trình nghiên cứu của các tác giả N.G Alekseev và B.A Dlotnhic (1984): “*Những vấn đề tuyển chọn tài năng Cờ Vua trẻ*” [89]. Trong công trình nghiên cứu này, các tác giả đã trình bày kết

quả nghiên cứu được đúc rút từ thực tiễn nhiều năm làm công tác tuyển chọn, đào tạo và dự báo thành tích VĐV Cờ Vua trẻ của Nga. Nội dung của công trình bao gồm 5 phần:

- Những nguyên tắc chung của công tác tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua. Nội dung cơ bản của phần này hoàn toàn tương tự như các nguyên tắc chung trong tuyển chọn năng khiếu thể thao. Các tác giả lưu ý đến đặc thù chuyên môn Cờ Vua và đề xuất những nguyên tắc mang tính đặc thù của môn Cờ Vua trong quá trình tuyển chọn.

- Xây dựng hệ thống test tuyển chọn chuyên môn: Theo quan điểm, Cờ Vua là môn thể thao trí tuệ - phần nào được hiểu như môn thể thao “tĩnh”, mang xu hướng tâm lý - nên các test phải được xây dựng theo nhiều nhóm, toàn diện các mặt: 1) Nhóm các test đánh giá mức độ phát triển thể lực; 2) Nhóm các test đánh giá năng lực tâm lý; 3) Nhóm các test kiểm tra và đánh giá mức độ thích nghi của cá thể (nhóm các test y sinh).

- Các phương pháp tuyển chọn: Các tác giả trình bày nhiều phương pháp khác nhau kết hợp kiểm tra, đánh giá từ nhiều góc độ với nhiều biện pháp (theo dõi ngang, theo dõi dọc...). Song, một trong những phương pháp cơ bản là kiểm tra định kỳ, thường xuyên sau một quãng thời gian nhất định trong suốt tiến trình đào tạo VĐV.

- Mô hình theo dõi quá trình tư duy của VĐV Cờ Vua.

- Xử lý kết quả nghiên cứu cụ thể.

Như vậy, trong nội dung 5 phần của công trình, các tác giả đã trình bày hết sức rành mạch, rõ ràng về những vấn đề có liên quan tới công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua, đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho từng vấn đề, nêu ra những kết quả nghiên cứu dựa trên các test đã xác định trước cho từng biện pháp đã áp dụng trong thực tiễn tuyển chọn. Tuy nhiên, nếu áp dụng một cách chủ quan, áp đặt máy móc những chỉ tiêu cũng như nội dung tuyển chọn đó vào điều kiện thực tiễn ở Việt Nam sẽ không phù hợp. Công trình nghiên cứu

này cung cấp đầy đủ nhất về hệ thống lý luận, khoa học khi xem tuyển chọn và dự báo thành tích của VĐV Cờ Vua như một quá trình tổng thể bao gồm nhiều mặt, và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác tuyển chọn.

Công trình nghiên cứu của tác giả B.A Dlotnhic (1989): *“Hệ thống các phương pháp dự báo trong Cờ Vua”* [94], công trình nghiên cứu rất quan trọng này bao gồm 3 phần:

- Trong phần một, tác giả phân tích sâu sắc bản chất về hoạt động dự báo thành tích của VĐV Cờ Vua và vai trò của người HLV (với vai trò đặc biệt quan trọng là nhà sư phạm) trong hoạt động này. Từ đó, tác giả đề xuất cách thức xây dựng hệ thống các phương pháp dự báo thành tích một cách hợp lý nhất với nội dung chủ yếu dựa trên các test chuyên biệt.

- Trong phần hai, các tác giả đã trình bày phương pháp xử lý kết quả thu nhận được (bằng bảng biểu, đồ thị trực quan...) sau khi đã tiến hành các cuộc kiểm tra trong quá trình tuyển chọn - dự báo bằng test chuyên môn, trong đó đặc biệt phải kể đến những luận điểm về mối liên hệ qua lại giữa kết quả kiểm tra với trình độ hiện tại của VĐV. Ngoài ra, còn đề cập đến tính “vừa sức” của các test kiểm tra, không ngoài mục đích đạt được hiệu quả dự báo đến mức tối đa.

- Phần cuối của công trình nghiên cứu này - tuy không thật “sát” với vấn đề nghiên cứu của luận án, song cũng rất bổ ích dưới góc độ tham khảo. Nội dung phần này đề cập đến công tác giảng dạy cho sinh viên khoa Cờ Vua ở các trường Đại học TDTT - những HLV Cờ Vua tương lai về công tác tuyển chọn và dự báo thành tích VĐV Cờ Vua trẻ.

Như vậy, từ việc phân tích và tổng hợp ở các phần nêu trên của các công trình nghiên cứu cho thấy, các tác giả đã trình bày kết quả hết sức cụ thể về những vấn đề liên quan đến công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua, và đồng thời các tác giả đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho từng vấn đề này, nêu những kết quả nghiên cứu cũng như xác định được các chỉ tiêu của từng biện pháp

mà họ ứng dụng trong thực tiễn công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ. Có thể nói, đây là những chỉ dẫn hết sức quý báu cần thiết phải được áp dụng trong thực tiễn công tác tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ ở Việt Nam nói chung và tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu nói riêng. Song cần thiết phải kiểm nghiệm một cách kỹ lưỡng để xác định mức độ phù hợp và tính thực tiễn trong từng trường hợp cụ thể. Nhìn chung, đã có nhiều công trình, nhiều nhà khoa học trên thế giới cũng như ở Việt Nam quan tâm, nghiên cứu các vấn đề về tâm lý, trí tuệ, Cờ Vua... Tuy nhiên, hầu hết các công trình mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu các test tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện hoặc đưa ra các test để đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cờ Vua. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập nghiên cứu sâu hơn về công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Do đó, các công trình nghiên cứu của các tác giả sẽ là cơ sở, là tư liệu tham khảo có giá trị, nhằm định hướng trong việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Kết luận chương

Từ những kết quả phân tích và tổng hợp nêu trên, có thể đi đến một số nhận xét sau:

1. Nghiên cứu về vấn đề tuyển chọn VĐV Cờ Vua giai đoạn chuyên môn hóa sâu đã trở thành chiến lược trong công tác phát hiện và đào tạo các tài năng Cờ Vua ở các nước trên thế giới. Tuyển chọn và huấn luyện là hai mặt hữu cơ của quá trình đào tạo VĐV Cờ Vua cấp cao. Các giai đoạn tuyển chọn đều phải tương ứng với độ tuổi tập luyện và các giai đoạn huấn luyện.

2. Qua tham khảo các tài liệu có liên quan cho thấy, công tác tuyển chọn và đào tạo VĐV Cờ Vua trẻ được chia làm 4 giai đoạn gồm: Giai đoạn tuyển chọn định hướng được bắt đầu đối với các em nhỏ từ 5 - 6 tuổi; giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa ban đầu dành cho các em nhỏ lứa tuổi 6 -

10 với thời gian huấn luyện 4 năm; giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu với thời gian huấn luyện 5 năm. Đối tượng tập luyện là các VĐV ở lứa tuổi thanh - thiếu niên (lứa tuổi 10 - 15) đã kinh qua giai đoạn tập luyện chuyên môn hóa ban đầu; giai đoạn hoàn thiện thể thao dành cho các tài năng Cờ Vua trẻ lứa tuổi 14 - 20 với thời gian huấn luyện từ 6 năm trở lên.

3. Tuyển chọn VĐV Cờ Vua dựa trên cơ sở những nguyên tắc tuyển chọn dài hơi và nguyên tắc đồng bộ, đồng thời phải xem xét đến nhiều yếu tố khác nhau như: Yếu tố tâm lý, thể lực và yếu tố chuyên môn... Tuy nhiên, do đặc thù của môn Cờ Vua đòi hỏi VĐV phải có đầy đủ các yếu tố về tư duy, thể lực cũng như các yếu tố về tâm lý, do đó để tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ, cần thiết phải tìm kiếm sự phối hợp ổn định của tất cả các nhóm nhân tố trên.

4. Đã có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về tuyển chọn VĐV Cờ Vua, tuy nhiên các công trình nghiên cứu ít đề cập đến giai đoạn tuyển chọn ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu, qua đó không thể áp dụng một cách máy móc trên đối tượng nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay. Chính vì vậy, các công trình nghiên cứu này sẽ là tư liệu tham khảo quan trọng nhằm xác định cơ sở lý luận, thực tiễn khi triển khai các nội dung nghiên cứu của luận án, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Sử dụng phương pháp này là việc thông qua quá trình tham khảo các tài liệu chung và chuyên môn có liên quan đến vấn đề tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của VĐV các môn thể thao nói chung và VĐV Cờ Vua nói riêng. Việc sử dụng phương pháp này trong quá trình nghiên cứu là phục vụ chủ yếu cho việc giải quyết các mục tiêu nghiên cứu của luận án. Các tài liệu chuyên môn có liên quan được lấy từ các nguồn tài liệu khác nhau, nhằm tìm hiểu các luận cứ khoa học phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và những vấn đề liên quan đến công tác tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12. Ngoài ra cũng thông qua các nguồn tài liệu, luận án tiến hành xác định hệ phương pháp, lựa chọn các chỉ tiêu, các test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

Khi sử dụng phương pháp nghiên cứu này, luận án tiến hành tham khảo nhiều nguồn tư liệu khác nhau, chủ yếu là các nguồn tư liệu thuộc thư viện trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, thư viện trường Đại học TDTT Bắc Ninh, thư viện Viện Khoa học Thể dục thể thao và các tư liệu mà cá nhân thu thập được trong quá trình nghiên cứu, bao gồm 110 tài liệu tham khảo hoặc là công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước, hoặc là công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đã được dịch sang tiếng Việt, hoặc là các tạp chí chuyên ngành, các kỷ yếu của các Hội nghị khoa học TDTT..., cũng như các tài liệu mang tính lý luận phục vụ mục đích nghiên cứu của luận án.

2.1.2. Phương pháp phỏng vấn tọa đàm

Là phương pháp được sử dụng trong quá trình tham khảo ý kiến các chuyên gia hiện đang làm công tác tuyển chọn và huấn luyện các VĐV Cờ

Vua trẻ tại các Trung tâm Huấn luyện thể thao, các Câu lạc bộ Cờ Vua tại các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Quảng Ninh, Bắc Giang, các giảng viên tại các trường Đại học TDTT... dưới hình thức phiếu phỏng vấn gián tiếp.

Đối tượng phỏng vấn của luận án gồm 30 HLV, giáo viên, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua trẻ tại các trung tâm thể thao mạnh trên toàn quốc như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Quảng Ninh, Bắc Giang... Những vấn đề mà luận án quan tâm khi sử dụng phương pháp này là:

- Thực trạng các hình thức tuyển chọn.
- Thực trạng về các nhóm test, tiêu chuẩn ứng dụng trong tuyển chọn.
- Các test ứng dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12.

2.1.3. Phương pháp quan sát sự phạm

Là phương pháp được sử dụng trong quá trình điều tra, khảo sát các hình thức và các phương pháp tuyển chọn tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại một số đơn vị đào tạo - huấn luyện VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nội dung quan sát sự phạm của luận án gồm:

- Các hình thức tuyển chọn VĐV tại các buổi kiểm tra - đánh giá nhằm tuyển chọn VĐV tại các đơn vị.
- Các phương pháp tuyển chọn VĐV tại các buổi kiểm tra - đánh giá nhằm tuyển chọn VĐV tại các đơn vị (kiểm tra bằng các test chuyên môn, kiểm tra thông qua các giải thi đấu tuyển chọn...

2.1.4. Phương pháp kiểm tra tâm lý

Là phương pháp được sử dụng trong việc kiểm tra các test tâm lý nhằm kiểm tra, đánh giá một số thành phần của năng lực trí tuệ, thuộc tính nhân cách dưới góc độ tâm lý học của VĐV Cờ Vua trẻ. Các test, trắc nghiệm tâm lý được sử dụng trong quá trình nghiên cứu của luận án bao gồm:

1. Test cộng trừ số học (lần/2 phút):

Mục đích: Đánh giá tốc độ tư duy của VĐV, đây là một yếu tố quan trọng của con người nói chung và đặc biệt của VĐV Cờ Vua. Cộng trừ số học đã được V.B.Malkin và cộng sự (1996) sử dụng nhằm đánh giá tốc độ tư duy của VĐV Cờ Vua.

Dụng cụ: Biên bản kiểm tra, bút viết, đồng hồ bấm giờ.

Cách tiến hành: Người thực hiện theo lệnh phải lần lượt trừ đi 3 từ 1000, hết 1 phút thực hiện cộng thêm 7 vào số ghi cuối cùng khi trừ trong 1 phút tiếp theo. Thời gian thực hiện trong 2 phút.

Đánh giá: Tính tổng số lần thực hiện được (cả cộng và trừ). Kết quả càng cao thì tốc độ tính toán các thành phần đơn lẻ càng tốt.

2. Test soát vòng hồ Landont (bis/s):

Mục đích: Đánh giá tốc độ thu nhận và xử lý thông tin của VĐV, đây là một thành phần cơ bản của năng lực trí tuệ cá nhân, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với các môn thể thao, đặc biệt là các hoạt động trí lực như môn Cờ Vua.

Dụng cụ: Biên bản kiểm tra (có in sẵn bảng vòng tròn Landont), đồng hồ bấm giây và bút viết.

Cách tiến hành: Kiểm tra trong 2 lượt (2 xêri), mỗi lượt ở 1 vị trí khác nhau và có đoạn cắt ở vị trí khác nhau. Yêu cầu soát tất cả các vòng tròn có đoạn cắt lúc 12 giờ ở hướng thứ nhất và các vòng tròn có đoạn cắt lúc 6 giờ ở hướng thứ 3, soát và gạch từng dòng từ trái sang phải, sau đó ghi lại tổng số ở bên lề. Thực hiện xong, báo cho người kiểm tra biết để ghi lại thời gian, sau đó nhanh chóng chuyển sang hướng thứ 3 và tiếp tục tìm các vòng tròn ở hướng 6 giờ (thực hiện như hướng thứ nhất).

Đánh giá: Tốc độ thu nhận và xử lý thông tin được tính theo công thức:

$$S = \frac{358,8 - 2,807n}{t}$$

Trong đó: S: Tốc độ thu nhận và xử lý thông tin (bis/s).

n: Số lỗi (gạch sai vòng tròn quy định hoặc bỏ sót).

t: Thời gian hoàn thành test (s).

Giá trị S càng cao thì năng lực thu nhận và lý thông tin càng tốt.

3. Test trắc nghiệm Raven (điểm):

Mục đích: Trắc nghiệm khuôn hình tiếp diễn chuẩn do J.C Raven (người Anh) xây dựng năm 1936. Đây thuộc loại trắc nghiệm phi ngôn ngữ, dùng để xác định năng lực tư duy (năng lực trí tuệ) trên bình diện rộng nhất, bao gồm những năng lực sau: năng lực trí tuệ, năng lực hệ thống hoá, năng lực tư duy logic và năng lực vạch ra những mối liên hệ tồn tại giữa các sự vật và hiện tượng.

Dụng cụ: Quyển trắc nghiệm (gồm 60 bài tập), tờ ghi kết quả, bảng khoá chấm điểm, bút, đồng hồ bấm giờ.

Nội dung trắc nghiệm: Gồm 60 bài tập, chia làm 5 loạt (A, B, C, D, E), mỗi loạt 12 bài tập. Mỗi loạt đều bắt đầu từ dễ đến khó, các bài tập từ loạt này đến loạt kia cũng tăng dần độ phức tạp như vậy.

Trong các bài trắc nghiệm, năm loạt bài (A, B, C, D, E) được cấu trúc theo các nguyên tắc sau:

Loạt A: Tính liên tục trọn vẹn của cấu trúc.

Loạt B: Sự giống nhau, tương đồng giữa các khuôn hình.

Loạt C: Tính tiếp diễn logic của sự biến đổi cấu trúc.

Loạt D: Sự thay đổi logic vị trí các hình.

Loạt E: Phân tích cấu trúc các bộ phận trắc nghiệm.

Cách tiến hành: Người kiểm tra phát tờ ghi và yêu cầu ghi lại thông tin cá nhân, sau đó giải thích cách thức thực hiện. Ví dụ: “trên trang A1 có 1 hình với một mẫu bị cắt, hãy chọn 1 trong 6 hình cho trước ở dưới sao cho phù hợp với hình mẫu. Ghi lại kết quả lựa chọn của bản thân vào tờ ghi kết quả. Thời gian thực hiện là 60 phút.

Đánh giá: Mỗi bài tập thực hiện đúng được 1 điểm.

4. Test tương quan số học (điểm):

Mục đích: Đánh giá tốc độ và độ chính xác của tư duy của VĐV khi giải quyết các nhiệm vụ logic qua xác định mối tương quan về độ lớn theo các điều kiện cho trước.

Dụng cụ: Biên bản kiểm tra, bút viết, đồng hồ bấm giờ.

Cách tiến hành: Mỗi VĐV được phát 1 biên bản, trong đó có 10 cặp đại lượng cần so sánh. Yêu cầu trong 10 phút, xác định mối tương quan giữa các cặp đại lượng đó. Ví dụ: A lớn hơn B 7 lần và B lại nhỏ hơn C 2 lần, vậy tương quan giữa A và C như thế nào?

Đánh giá: Mỗi đại lượng xác định đúng được 1 điểm, tổng điểm đạt được là 10.

5. Test cảm giác thời gian (s):

Mục đích: Đánh giá năng lực cảm giác thời gian trong khoảng thời gian ngắn của VĐV Cờ Vua. Đây là năng lực chuyên môn quan trọng của VĐV trong tập luyện và thi đấu.

Dụng cụ: Biên bản kiểm tra, bút viết, đồng hồ bấm giờ.

Cách tiến hành: Giới thiệu nội dung, yêu cầu khi thực hiện test. Yêu cầu tự xác định khoảng thời gian 1 phút không sử dụng đồng hồ hay bất kỳ cách gì tương tự. Sau đó thông báo với người kiểm tra biết, ghi lại thời gian thực VĐV tự xác định là 1 phút (qua theo dõi của người kiểm tra) vào biên bản. Xác định sự chênh lệch về thời gian mà VĐV xác định là 1 phút với thời gian thực tế 1 phút.

Đánh giá: Sự chênh lệch tức hiệu số giữa khoảng thời gian thực tế mà VĐV cho là 1 phút cả chiều hơn (+) và chiều kém (-) với thời gian cần tri giác là 1 phút càng nhỏ càng tốt.

2.1.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Là phương pháp được sử dụng khi tiến hành lựa chọn, kiểm định cơ sở khoa học của các test (độ tin cậy, tính thông báo); xây dựng và ứng dụng các tiêu chuẩn đã xây dựng để đánh giá hiệu quả công tác tuyển chọn các VĐV

Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, cũng như xác định tính thích hợp của các tiêu chuẩn đã xây dựng. Đối tượng kiểm tra của luận án gồm 150 VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 tại các Trung tâm TDTT, các Câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các test sư phạm được sử dụng trong quá trình nghiên cứu của luận án bao gồm 13 test sau:

1. Test cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực tính toán thế biến phức tạp của VĐV.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 7 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thế cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu xác định lời giải và ghi lại kết quả vào biên bản kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

2. Test tính toán phương án (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực tính toán các thế biến đòi hỏi sự tập trung căng thẳng kéo dài của VĐV Cờ Vua.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 15 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thế cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu VĐV xác định lời giải và ghi lại vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

3. Test đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực lựa chọn phương án tối ưu trong tình huống cờ cụ thể. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp VĐV tính toán chính xác hơn, tiết kiệm thời gian và công sức khi tính toán.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 15 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ và nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu VĐV xác định lời giải và ghi lại kết quả vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

4. Test phân tích thể trận (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực phân tích thể trận của VĐV.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu phân tích chính xác bản chất của thể cờ và ghi lại vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

5. Test đánh giá thể trận (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực đánh giá thể trận của VĐV.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu đánh giá chính xác bản chất của thể cờ, ghi lại vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

6. Test lập kế hoạch (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực lập kế hoạch trong ván đấu của VĐV.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 15 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu lập kế hoạch chơi tiếp theo cho 2 bên, ghi lại vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

7. Test đòn phối hợp, yêu cầu diễn giải bằng lời (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực chuyển đổi tư duy ngôn ngữ của VĐV khi tính toán các phương án.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu xác định lời giải và trình bày bằng lời nói về quá trình tính toán, xác định lời giải của mình.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải được ghi âm lại của VĐV theo thang điểm 10.

8. Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực chuyển đổi tư duy ngôn ngữ của VĐV khi phân tích, đánh giá ván cờ.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, phần mềm Cờ Vua, máy vi tính, bút viết.

Thời gian thực hiện: 20 phút.

Cách tiến hành: Lựa chọn 1 ván đấu của các đấu thủ trong dữ liệu ván đấu, di chuyển các nước đó trên phần mềm máy tính. Yêu cầu phân tích, đánh giá ván đấu và trình bày kết quả đánh giá ván đấu của mình bằng lời nói.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải được ghi âm lại của VĐV theo thang điểm 10.

9. Test phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (yêu cầu phải diễn giải bằng lời nói (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực cảm nhận tình thế của VĐV.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu đánh giá đúng bản chất thể cờ, xác định lời giải và trình bày bằng lời nói quá trình đánh giá, tính toán của mình.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải được ghi âm lại của VĐV theo thang điểm 10.

10. Test cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực chuyển tri thức vào hoàn cảnh mới của VĐV Cờ Vua.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bàn cờ, quân cờ, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu xác định lời giải và ghi lại vào phiếu kiểm tra. Hết thời gian (hoặc giải xong), xếp thể cờ tiếp theo và thực hiện như cũ cho đến hết.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

11. Test cờ tàn phối hợp (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực nhận ra chức năng mới của đối tượng quen của VĐV Cờ Vua.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bàn cờ, quân cờ, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thể cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu suy nghĩ, xác định lời giải và ghi lại lời giải vào phiếu kiểm tra. Hết thời gian (hoặc giải xong), xếp thể cờ tiếp theo và thực hiện như cũ cho đến hết.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên biên bản kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

12. Test xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực lựa chọn cách giải quyết tốt nhất trong nhiều cách giải quyết.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bàn cờ, quân cờ, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn thế cờ, nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu xác định chiến lược chơi, phương án tiếp theo mạnh nhất và ghi lại vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

13. Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm):

Mục đích: Đánh giá năng lực tìm kiếm và quyết định phương thức giải quyết độc đáo của VĐV Cờ Vua trong giai đoạn khai cuộc.

Dụng cụ: Phiếu kiểm tra, bàn cờ, quân cờ, bút viết.

Thời gian thực hiện: 10 phút.

Cách tiến hành: Phát phiếu kiểm tra (có in sẵn nội dung yêu cầu thực hiện). Yêu cầu xác định lời giải và ghi lại vào phiếu kiểm tra.

Đánh giá: Chấm điểm kết quả lời giải ghi lại trên phiếu kiểm tra của VĐV theo thang điểm 10.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu luận án còn tiếp tục kiểm tra sự phạm nhằm theo dõi, kiểm nghiệm trong thực tiễn công tác tuyển chọn, cũng như kiểm tra tính thực tiễn, tính khả thi của các tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng. Quá trình tổ chức kiểm tra sự phạm được tiến hành trong thời gian 12 tháng trên các nhóm khách thể (nhóm kiểm tra sự phạm và nhóm kiểm chứng). Tất cả các VĐV thuộc các nhóm đều được tập luyện theo chương trình huấn luyện chuyên môn hóa sâu (chương trình huấn luyện 5 năm) do Liên đoàn Cờ Việt Nam hướng dẫn xây dựng.

2.1.6. Phương pháp toán học thống kê

Là phương pháp được sử dụng trong việc phân tích, xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của luận án. Các tham số và các thuật toán thống kê áp dụng trong quá trình xử lý số liệu được lấy từ các cuốn tài liệu chuyên môn như: “Đo lường thể thao”, “Giáo trình đo lường và đánh giá TDTT”, “Phương pháp thống kê trong TDTT”. Các tham số đặc trưng mà luận án sử dụng trong quá trình nghiên cứu bao gồm: $\bar{x}$, t , σ , r , C_V , ε , W , R , β , thang điểm đánh giá theo thang độ C, phân loại theo quy tắc 2 xích ma... và được tính bằng các công thức sau: [7], [31], [34], [66], [105]

Giá trị trung bình cộng:

$$\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

Phương sai:

$$\sigma^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n} \quad (\text{Với } n > 30)$$

Độ lệch chuẩn:

$$\sigma = \sqrt{\sigma^2}$$

Hệ số biến sai:

$$C_V = \frac{\sigma_x}{\bar{x}} \times 100\%$$

So sánh 2 số trung bình quan sát:

$$t = \frac{\bar{x}_A - \bar{x}_B}{\sqrt{\frac{\sigma_A^2}{n_A} + \frac{\sigma_B^2}{n_B}}} \quad (\text{Với } n_A > 30 \text{ và } n_B > 30)$$

So sánh 2 số trung bình tự đối chiếu:

$$t = \frac{\bar{x}_d}{\frac{\sigma_d}{\sqrt{n}}}$$

Trong đó: $\bar{x}_d = \frac{\sum d}{n}; \sigma_d^2 = \frac{\sum d^2}{n} - \left(\frac{\sum d}{n}\right)^2$

Hệ số tương quan tuyến tính:

$$r = \frac{\sum (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y})}{\sqrt{\sum (x_i - \bar{x})^2 \sum (y_i - \bar{y})^2}}$$

Hệ số tương quan thứ bậc (Spirmen):

$$r = 1 - \frac{6}{n(n^2 - 1)} \sum (A_i - B_i)^2$$

Trong đó: A_i, B_i : Là các chỉ số xếp hạng tương ứng.

Sai số tương đối của giá trị trung bình.

$$\varepsilon = \frac{t_{0.05} \times \sigma_{\bar{x}}}{\bar{x}} \text{ với } \sigma_{\bar{x}} = \frac{\sigma_x}{\sqrt{n}}$$

Trong đó: - $t_{0.05}$: Là giá trị giới hạn chỉ số t-student ứng với $P = 5\%$.

- $\sigma_{\bar{x}}$: Là sai số của số trung bình cộng.

- $\bar{x}$: Là giá trị trung bình của tập hợp mẫu.

Chỉ tiêu W (Shapyyro - Winki)

$$W = \frac{b^2}{(n-1)\sigma^2}$$

Trong đó: - b : Là tổng độ lệch giữa các cặp giá trị của tập hợp mẫu.

- σ^2 : Là phương sai của tập hợp mẫu.

- n : Là số lượng mẫu.

Nhịp độ tăng trưởng (chỉ số Brody):

$$W = \frac{100 \times (V_2 - V_1)}{0,5 \times (V_1 + V_2)} \%$$

Trong đó: - W : Nhịp độ phát triển (%).

- V_1 : Kết quả kiểm tra lần trước của các test.

- V2: Kết quả kiểm tra lần sau của các test.
- 100 và 0,5: Các hằng số.

Điểm theo thang độ C:

$$C = 5 + 2z \text{ với } z = \frac{x_i - \bar{x}}{\sigma}$$

So sánh khi bình phương (χ^2):

$$\chi^2 = \sum \frac{(Q_i - L_i)^2}{L_i}$$

- Trong đó:
- Q_i : Tần số quan sát.
 - L_i : Tần số lý thuyết.

Công thức tính hệ số tương quan đa nhân tố:

$$R = \sqrt{\beta_2 r_{1.2} + \beta_3 r_{1.3} + \dots + \beta_n r_{1.n}}$$

Công thức tính hệ số ảnh hưởng:

$$\begin{cases} r_{1.2} = \beta_2 + \beta_3 r_{3.2} + \dots \\ r_{1.3} = \beta_2 r_{2.3} + \beta_3 + \dots \\ \dots \\ r_{1.n} = \beta_2 r_{2.n} + \beta_3 r_{3.n} + \dots \end{cases}$$

- Trong đó:
- β_2 : Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ.
 - β_3 : Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn.

Các công thức tính hiệu quả tuyển chọn và hệ số tuyển chọn: [5], [47]

Hiệu quả tuyển chọn (S_t):

$$S_t = \frac{I}{I + IV}$$

Hiệu quả tuyển chọn ban đầu (S_0):

$$S_0 = \frac{I + III}{I + II + III + IV}$$

Hệ số tuyển chọn (P):

$$P = \frac{I + IV}{I + II + III + IV}$$

Thang đo Likert:

Thang đo Likert (Likert Scale) để đánh giá mức độ phù hợp và tính khả thi các biện pháp nghiên cứu. Ở đây, luận án sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (hay còn gọi là thang đo Likert 5 điểm) được áp dụng theo các mức sau:

Mức 1: Rất không quan trọng (1 điểm).

Mức 2: Không quan trọng (2 điểm).

Mức 3: Quan trọng (3 điểm).

Mức 4: Khá quan trọng (4 điểm).

Mức 5: Rất quan trọng (5 điểm).

Thang điểm theo giá trị trung bình của thang đo Likert sử dụng trong việc khảo sát chuyên gia và phương pháp tính như sau:

Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5 - 1)/5 = 0.8

Giá trị trung bình ý nghĩa như sau:

1.00 - 1.80: Rất không quan trọng.

1.81 - 2.60: Không quan trọng.

2.61 - 3.40: Quan trọng.

3.41 - 4.20: Khá quan trọng.

4.21 - 5.00: Rất quan trọng.

Trên cơ sở các số liệu thu thập và cập nhật vào máy tính, việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu của luận án được xử lý bằng các phần mềm SPSS 22.0, Microsoft Excel đã được xây dựng trên máy vi tính.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Thời gian nghiên cứu

Toàn bộ luận án được nghiên cứu từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2025 và được tiến hành theo các các đoạn nghiên cứu sau:

- **Giai đoạn 1:** Từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2022 - Là giai đoạn xác định các vấn đề nghiên cứu, tiến hành thu thập các tài liệu liên quan đến những vấn đề nghiên cứu của luận án, xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu, bảo vệ đề cương nghiên cứu.

- **Giai đoạn 2:** Từ tháng 12/2022 đến 12/2024 - Là giai đoạn tiến hành giải quyết các mục tiêu nghiên cứu của luận án. Trong giai đoạn nghiên cứu này, luận án tiến hành xác định các cơ sở lý luận về công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu, các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện năng khiếu của đối tượng nghiên cứu, đồng thời tiến hành điều tra thực trạng việc sử dụng các chỉ tiêu, các test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu. Cũng trong giai đoạn nghiên cứu này, luận án cũng sẽ tiến hành khảo sát, phỏng vấn các chuyên gia, HLV, các nhà chuyên môn thuộc các Trung tâm thể thao mạnh trên phạm vi toàn quốc, các trường Đại học TDTT về thực tiễn công tác tuyển chọn, đánh giá trình độ tập luyện của nam VĐV Cờ Vua trẻ. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của giai đoạn này là việc xác định được cơ sở lý luận và thực tiễn, những căn cứ khoa học cho việc lựa chọn các test, xây dựng và kiểm nghiệm hiệu quả tiêu chuẩn ứng dụng trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

- **Giai đoạn 3:** Từ tháng 01/2025 đến 11/2025 - Là giai đoạn xử lý các số liệu thu được trong quá trình nghiên cứu, phân tích các kết quả nghiên cứu, viết và hoàn thiện kết quả nghiên cứu. Chuẩn bị và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước Hội đồng khoa học đánh giá luận án cấp cơ sở và Hội đồng khoa học đánh giá luận án cấp Trường.

2.2.2. Địa điểm nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu tại:

- Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.
- Một số Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Một số Câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:
 - + Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Hoài Đức.
 - + Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Thanh Trì.
 - + Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao quận Ba Đình.
 - + Câu lạc bộ Cờ Vua Kiện tướng tương lai.
 - + Câu lạc bộ Cờ Vua Olympia Chess.
 - + Câu lạc bộ gia đình Cờ Vua.
 - + Câu lạc bộ Ngôi sao Cờ Vua.
 - + Câu lạc bộ Cờ Vua tài năng trẻ.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng và xác định hệ thống các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.1. Đánh giá thực trạng công tác tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trong công tác đào tạo VĐV thể thao nói chung và VĐV Cờ Vua nói riêng, khâu tuyển chọn và thải loại VĐV luôn đóng vai trò rất quan trọng, hay có thể nói là khâu then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện VĐV. Công tác tuyển chọn có được thực hiện một cách khắt khe, chất lượng tuyển chọn VĐV được nâng cao thì mới tuyển được những tài năng và nhân tài thật sự, ngược lại sẽ gây lãng phí trong quá trình đào tạo - huấn luyện, dẫn đến những “mất mát” không thể bù đắp được về thời gian và tài chính... Bản chất của công tác tuyển chọn là tuyển được đúng những VĐV có khả năng tiềm tàng để huấn luyện trở thành tài năng thể thao, đồng thời thải loại một cách chính xác những VĐV không có khả năng tiến xa trong tương lai.

Với mục đích tìm hiểu thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án tiến hành khảo sát thực trạng công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua tại các đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng khảo sát là 30 HLV, các nhà chuyên môn trực tiếp tham gia công tác tuyển chọn, đào tạo, HLV các VĐV Cờ Vua. Các vấn đề luận án quan tâm gồm:

- Vai trò và tầm quan trọng của công tác tuyển chọn, thải loại VĐV.
- Các hình thức và phương pháp tuyển chọn VĐV.
- Lứa tuổi tuyển chọn VĐV Cờ Vua giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.1 đến 3.3.

Từ kết quả thu được ở bảng 3.1 cho thấy: Khi tìm hiểu về vai trò và ý nghĩa của công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong công tác huấn luyện, đại đa số các HLV, các nhà chuyên môn đều cho

rằng, công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện có vai trò rất quan trọng (27/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 90.00%); còn lại 03 ý kiến cho rằng công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện có vai trò quan trọng (03/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 10.00%). Như vậy có 100% các ý kiến được hỏi đều xác định là công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu có vai trò từ quan trọng đến rất quan trọng.

Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn về vai trò và thực trạng công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (n = 30)

TT	Nội dung	Kết quả		
		Mức độ	n	Tỷ lệ %
1.	Vai trò và ý nghĩa của công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12	Rất quan trọng	27	90.00
		Quan trọng	3	10.00
		Không quan trọng	0	0.00
2.	Sự quan tâm đến công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12	Rất quan tâm	24	80.00
		Quan tâm	6	20.00
		Ít quan tâm	0	0.00

Khi tìm hiểu thực trạng về sự quan tâm đến công tác tuyển chọn, thải loại nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong thực tiễn huấn luyện, kết quả cho thấy, đa số các ý kiến đều cho rằng trong thực tế đã rất quan tâm (24/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 80.00%); còn lại 06 ý kiến cho rằng công tác tuyển chọn và thải loại VĐV trong thực tiễn huấn luyện đã được quan tâm trong huấn luyện (06/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 20.00%).

Như vậy, qua khảo sát thực tiễn công tác tuyển chọn/thải loại các VĐV trong huấn luyện cho thấy, các HLV, các nhà chuyên môn đều cho rằng công tác này có vai trò rất quan trọng và luôn quan tâm trong thực tiễn huấn luyện.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực trạng về vai trò và sự quan tâm đến công tác tuyển chọn/thải loại trong thực tiễn huấn luyện, luận án tiến hành

khảo sát thực trạng về những hình thức và phương pháp tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong thực tiễn huấn luyện. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.2.

Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn về thực trạng các hình thức và phương pháp tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	Tỷ lệ %
	Các hình thức tuyển chọn:		
1.	Tổ chức thi tuyển chọn tại đơn vị đào tạo	23	76.67
2.	Tổ chức thi tuyển chọn tại các cơ sở trực thuộc	3	10.00
3.	Tuyển chọn thông qua các giải thi đấu	3	10.00
4.	Tuyển chọn thông qua liên kết với các đơn vị khác	1	3.33
5.	Các hình thức tuyển chọn khác	0	0.00
	Các phương pháp tuyển chọn:		
1.	Tuyển chọn dựa vào kết quả học tập văn hóa	8	26.67
2.	Tuyển chọn dựa vào kết quả thi đấu và kinh nghiệm	10	33.33
3.	Tuyển chọn dựa vào các tiêu chuẩn đã xây dựng	4	13.33
4.	Tuyển chọn kết hợp tiêu chuẩn và kinh nghiệm	4	13.33
5.	Tuyển chọn thông qua hệ số ELO của VĐV	4	13.33

Từ kết quả thu được ở bảng 3.2 cho thấy:

Về hình thức tuyển chọn: Các đơn vị chủ yếu sử dụng hình thức thi tuyển chọn tại đơn vị đào tạo (tại các câu lạc bộ hoặc Trung tâm TDTT - có 23/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 76.67%); tiếp đến là các hình thức thi tuyển chọn tại các cơ sở trực thuộc và tuyển chọn thông qua các giải thi đấu (03/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 10.00%), còn lại 01/30 ý kiến lựa chọn hình thức tuyển chọn thông qua liên kết với các đơn vị khác (01/30 ý kiến, chiếm tỷ lệ 3.33%).

Về phương pháp tuyển chọn: Có đến 10/30 ý kiến lựa chọn phương pháp tuyển chọn dựa vào kết quả thi đấu và kinh nghiệm của các nhà chuyên môn (chiếm tỷ lệ 33.33%); 08/30 ý kiến lựa chọn phương pháp tuyển chọn

dựa vào kết quả học tập văn hóa (chiếm tỷ lệ 26.67%); các phương pháp tuyển chọn còn lại gồm: tuyển chọn dựa vào các tiêu chuẩn đã xây dựng, tuyển chọn kết hợp tiêu chuẩn và kinh nghiệm, tuyển chọn thông qua hệ số ELO của VĐV đều có 04/30 ý kiến lựa chọn (chiếm tỷ lệ 13.33%).

Như vậy, qua khảo sát về hình thức và phương pháp tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy: hầu hết các đơn vị đều tiến hành tuyển chọn VĐV tại chính đơn vị đào tạo, đồng thời phần lớn đều sử dụng phương pháp tuyển chọn thông qua kết quả học tập văn hóa và dựa vào kết quả thi đấu kết hợp kinh nghiệm của các nhà chuyên môn trong thực tiễn huấn luyện. Thực tiễn cho đến nay, phương pháp tuyển chọn VĐV các môn thể thao thông qua tiêu chuẩn kết hợp với kinh nghiệm đều được phần lớn các nhà chuyên môn, các HLV triển khai áp dụng ở nhiều môn thể thao khác nhau, bởi phương pháp tuyển chọn này cho đến nay có thể đạt được những hiệu quả nhất định.

Bảng 3.3. Kết quả khảo sát về lứa tuổi và thời điểm tuyển chọn/thải loại/bổ sung VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu (n = 30)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		n	Tỷ lệ %
	Độ tuổi tuyển chọn:		
1.	Từ 10 - 11 tuổi	2	6.67
2.	Từ 11 - 12 tuổi	24	80.00
3.	Từ 13 - 14 tuổi	3	10.00
4.	Từ 14 - 15 tuổi	1	3.33
5.	> 15 tuổi	0	0.00
	Thời điểm tuyển chọn/thải loại/bổ sung:		
1.	Sau từ 3 - 6 tháng	12	40.00
2.	Sau từ 6 - 12 tháng	6	20.00
3.	Sau từ 12 - 18 tháng	5	16.67
4.	Sau từ 18 - 24 tháng	5	16.67
5.	Trên 24 tháng	2	6.67

Về lứa tuổi và thời điểm triển khai công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua tại các đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội được trình bày ở bảng 3.3 cho thấy: có đến 24/30 ý kiến lựa chọn độ tuổi 11 - 12 để tuyển chọn VĐV Cờ Vua vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu; đồng thời công việc tuyển chọn/thải loại/bổ sung được đa số đơn vị thực hiện định kỳ sau từ 3 - 6 tháng tập luyện (chiếm tỷ lệ 40.00%), từ 6 đến 12 tháng chiếm tỷ lệ 20.00%, số ít ý kiến lựa chọn thời điểm sau từ 12 đến 18 và từ sau 18 đến 24 tháng (chiếm tỷ lệ từ 6.67% đến 16.67%). Như vậy có thể thấy, về độ tuổi tuyển chọn của các đơn vị cũng có sự tương đồng với định hướng nghiên cứu của luận án.

3.1.2. Lựa chọn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.2.1. Cơ sở lý luận lựa chọn test

Cho đến nay, môn Cờ Vua đã không ngừng phát triển mạnh mẽ và luôn thu hút sự quan tâm của nhiều chuyên gia, nhiều nhà khoa học trong các lĩnh vực khác nhau như: y - sinh học, tâm lý học, giáo dục học... Mọi nghiên cứu xung quanh vấn đề tuyển chọn và dự báo tài năng VĐV năng khiếu Cờ Vua, đều xoay quanh những đặc điểm đặc trưng trong hoạt động của môn thể thao này. Với đặc điểm là một môn thể thao trí lực (không sử dụng những nỗ lực của cơ bắp), song cơ thể VĐV luôn luôn chịu đựng sự tác động lớn của lượng vận động tâm lý dẫn đến những căng thẳng lớn về mặt tâm lý (stress). Do vậy, ngay từ giai đoạn tuyển chọn ban đầu, các chuyên gia, các nhà chuyên môn đều hướng đến những đặc điểm mang tính đặc thù này của môn Cờ Vua.

Theo quan điểm của tác giả Malkin V.B (1981) cho thấy: Tuyển chọn các VĐV Cờ Vua đều phải căn cứ vào mô hình tổng hợp mang đặc thù của môn Cờ Vua. Qua nhiều thử nghiệm nghiên cứu, tác giả đã xây dựng một mô hình đặc trưng của VĐV Cờ Vua bao gồm 3 yếu tố chính: [99]

- *Nhóm các yếu tố thể lực đặc thù:* Mặc dù là môn thể thao hoạt động trí lực, ít sử dụng sự nỗ lực của cơ bắp, song vấn đề thể lực luôn là một yếu tố

có ý nghĩa quyết định tới khả năng thi đấu của VĐV Cờ Vua. Ngày nay, không mấy ai còn hoài nghi về sự chịu đựng dẻo dai phi thường của các VĐV Cờ Vua trước những ván đấu căng thẳng kéo dài 8 - 12 tiếng, hoặc trước những cuộc “marathon” Cờ Vua kéo dài 15 ngày liên tục không nghỉ.

- *Nhóm các yếu tố tâm lý - ý chí*: Là một trong những đặc thù quan trọng của môn thể thao. Hoạt động thi đấu Cờ Vua luôn được coi là một hoạt động sáng tạo ở mức cao, nó đòi hỏi ở VĐV sự nỗ lực lớn về cảm xúc - ý chí trước trước những tình huống liên tục biến đổi và đầy kịch tính. Song đó chính là cái đẹp của cuộc chiến Cờ Vua.

- *Nhóm các yếu tố sinh lý - y học*: Qua việc theo dõi liên tục nhiều năm quá trình thi đấu của các VĐV Cờ Vua các đẳng cấp khác nhau, các chuyên gia trong lĩnh vực Cờ Vua đều đưa ra luận điểm: *LVD trong các hoạt động thi đấu Cờ Vua luôn có tác động lớn tới các cơ quan chức phận của cơ thể* [90], [95], [96], [97], [98], [99]. Hoạt động trí lực trong thời gian dài với sự căng thẳng lớn về thần kinh dễ gây cho các VĐV Cờ Vua một số những biến đổi về tim mạch, đặc biệt sự thay đổi liên tục ở mức cao của thông số mạch và huyết áp trong các tình huống căng thẳng, hoặc có yếu tố bất ngờ của ván đấu đã cho thấy sự tác động thực sự lớn của môn thể thao này tới cơ quan chức phận của cơ thể VĐV.

Trên cơ sở mô hình hoạt động đặc trưng nêu trên, tác giả Malkin V.B (1996) đã đưa ra các nguyên tắc lựa chọn các bài tập cần áp dụng trong quá trình huấn luyện và ngay cả trong quá trình tuyển chọn VĐV Cờ Vua ở các thời kỳ khác nhau. Tác giả cũng đưa ra quan điểm, các bài tập lựa chọn cần phải đánh giá đầy đủ được 3 yếu tố thuộc 3 nhóm đặc trưng trên, và phải được lựa chọn một cách có chọn lọc [99]. Đây có thể coi là 3 nguyên tắc và 3 cơ sở cần thiết phải tính đến và phải luôn thực hiện nghiêm ngặt trong quá trình tuyển chọn VĐV Cờ Vua. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu của các chuyên gia hàng đầu về tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua, luận án đã xác định được 5

phương pháp tuyển chọn cơ bản mà các chuyên gia, các nhà chuyên môn trên địa bàn thành phố Hà Nội sử dụng trong thực tiễn huấn luyện (kết quả như trình bày ở bảng 3.2), có thể nói đây cũng là các phương pháp tuyển chọn năng khiếu Cờ Vua trên thế giới và ở Việt Nam thường sử dụng, đồng thời là các phương pháp tuyển chọn thông dụng, đã được sử dụng ở nhiều nước trên thế giới và đúng với lứa tuổi nghiên cứu mà luận án quan tâm (lứa tuổi 11 - 12). Các phương pháp bao gồm: 1) Tuyển chọn dựa vào kết quả học tập văn hóa; 2) Tuyển chọn dựa vào kết quả thi đấu và kinh nghiệm; 3) Tuyển chọn dựa vào các tiêu chuẩn đã xây dựng; 4) Tuyển chọn kết hợp tiêu chuẩn và kinh nghiệm; 5) Tuyển chọn thông qua hệ số ELO của VĐV. Đồng thời, căn cứ vào cấu trúc quá trình tư duy của VĐV Cờ Vua, căn cứ vào mô hình cấu trúc thành tích Cờ Vua, và căn cứ vào mô hình đào tạo VĐV năng khiếu thể thao trẻ, luận án cũng đã lựa chọn 2 yếu tố quan trọng cần lưu tâm trong quá trình tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ giai đoạn chuyên môn hóa sâu, bao gồm: 1) Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ; 2) Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn.

Sự lựa chọn trên đây, đầu sao cũng chỉ là việc căn cứ vào những cơ sở lý luận mà luận án đã nêu ở trên. Điều quan trọng là phải kiểm chứng mức độ phù hợp của chúng trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam, và mức độ phù hợp của chúng đối với lứa tuổi, địa bàn của đối tượng nghiên cứu (lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội). Vì vậy, căn cứ vào các kết quả khảo sát về thực trạng công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội (như đã trình bày ở các bảng 3.1 đến 3.3), luận án tiến hành khảo sát ý kiến chuyên gia lựa chọn các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luận án đã tiến hành các bước nghiên cứu sau:

1) Tổng hợp các tài liệu chung và chuyên môn có liên quan đến vấn đề nghiên cứu, cơ sở thực tiễn tại các đơn vị nhằm xác định hệ thống các test chuyên môn ứng dụng trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

2) Khảo sát ý kiến chuyên gia lựa chọn các test thông qua hình thức hội thảo và phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi.

3) Kiểm tra sự phạm, tâm lý trên đối tượng nghiên cứu nhằm xác định độ tin cậy, tính thông báo của các test lựa chọn đối với đối tượng nghiên cứu.

3.1.2.2. Căn cứ ý kiến chuyên gia lựa chọn test

Qua tham khảo các tư liệu chuyên môn và tìm hiểu thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại các Trung tâm TDTT, các câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đã xác định được 18 test chuyên môn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các test được lựa chọn đều đáp ứng được các yêu cầu trên về góc độ sự phạm và chuyên môn, cho phép xác định được những năng lực chung và chuyên môn cần thiết đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của các VĐV, bao gồm các test thuộc các nhóm năng lực trí tuệ và chuyên môn. Các test bao gồm:

- Nhóm các test đánh giá năng lực trí tuệ (05 test):

- 1) Cộng trừ số học (lần/2 phút)
- 2) Soát vòng hồ Landon (bis/s)
- 3) Trắc nghiệm Raven (điểm)
- 4) Tương quan số học (điểm)
- 5) Cảm giác thời gian (s)

- Nhóm các test đánh giá năng lực chuyên môn (13 test):

- 6) Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)
- 7) Tính toán phương án (điểm)
- 8) Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)
- 9) Phân tích thế trận (điểm)
- 10) Đánh giá thế trận (điểm)
- 11) Lập kế hoạch (điểm)
- 12) Đòn phối hợp (điểm)

- 13) Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)
- 14) Phối hợp đánh giá thế trận, đòn phối hợp (điểm)
- 15) Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)
- 16) Cờ tàn phối hợp (điểm)
- 17) Xác định chiến lược chơi khai cuộc (điểm)
- 18) Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)

Với mục đích lựa chọn các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với điều kiện thực tiễn ở các đơn vị, luận án đã tiến hành phỏng vấn các chuyên gia về các test thường được áp dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 thông qua hình thức phỏng vấn. Thời điểm phỏng vấn là vào tháng 01/2023 và Hội thảo chuyên gia vào thời điểm tháng 03/2023. Đối tượng phỏng vấn, Hội thảo của luận án là 30 chuyên gia, HLV tại các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Số phiếu phát ra 30 phiếu, số phiếu thu về 30 phiếu (đạt tỷ lệ 100.00%).

Trên cơ sở đó, luận án đã tiến hành phỏng vấn và hội thảo với các chuyên gia về mức độ ưu tiên sử dụng các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luận án đã sử dụng thang đo Likert. Thang điểm này sẽ là cơ sở để đánh giá mức độ đồng nhất của các ý kiến, với các mức áp dụng sau:

- Mức 1: Rất không quan trọng (1 điểm).
- Mức 2: Không quan trọng (2 điểm).
- Mức 3: Quan trọng (3 điểm).
- Mức 4: Khá quan trọng (4 điểm).
- Mức 5: Rất quan trọng (5 điểm).

Kết quả phỏng vấn và Hội thảo chuyên gia lựa chọn các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội được trình bày ở bảng 3.4 và bảng 3.5 cho thấy:

Bảng 3.4. Kết quả phỏng vấn lần 1 lựa chọn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)

TT	Các test	Kết quả phỏng vấn xếp theo mức độ ưu tiên										Điểm trung bình
		Mức 5 (5 đ)		Mức 4 (4 đ)		Mức 3 (3 đ)		Mức 2 (2 đ)		Mức 1 (1 đ)		
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	24	80.00	3	10.00	1	3.33	2	6.67	0	0.00	4.63
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	25	83.33	4	13.33	0	0.00	1	3.33	0	0.00	4.77
4.	Tương quan số học (điểm)	25	83.33	5	16.67	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.83
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	24	80.00	5	16.67	0	0.00	1	3.33	0	0.00	4.73
7.	Tính toán phương án (điểm)	26	86.67	2	6.67	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.77
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	24	80.00	3	10.00	1	3.33	2	6.67	0	0.00	4.63
9.	Phân tích thế trận (điểm)	26	86.67	2	6.67	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.77
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	24	80.00	3	10.00	1	3.33	2	6.67	0	0.00	4.63
11.	Lập kế hoạch (điểm)	25	83.33	4	13.33	0	0.00	1	3.33	0	0.00	4.77
12.	Đòn phối hợp (điểm)	25	83.33	5	16.67	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.83
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	25	83.33	4	13.33	0	0.00	1	3.33	0	0.00	4.77
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	25	83.33	5	16.67	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.83
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	24	80.00	5	16.67	0	0.00	1	3.33	0	0.00	4.73
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	26	86.67	2	6.67	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.77

Bảng 3.5. Kết quả phỏng vấn lần 2 lựa chọn các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)

TT	Các test	Kết quả phỏng vấn xếp theo mức độ ưu tiên										Điểm trung bình
		Mức 5 (5 đ)		Mức 4 (4 đ)		Mức 3 (3 đ)		Mức 2 (2 đ)		Mức 1 (1 đ)		
		n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	24	80.00	4	13.33	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.70
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	25	83.33	4	13.33	1	3.33	0	0.00	0	0.00	4.80
4.	Tương quan số học (điểm)	26	86.67	4	13.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.87
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	24	80.00	4	13.33	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.70
7.	Tính toán phương án (điểm)	26	86.67	2	6.67	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.77
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	24	80.00	4	13.33	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.70
9.	Phân tích thế trận (điểm)	26	86.67	2	6.67	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.77
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	24	80.00	4	13.33	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.70
11.	Lập kế hoạch (điểm)	25	83.33	4	13.33	1	3.33	0	0.00	0	0.00	4.80
12.	Đòn phối hợp (điểm)	26	86.67	4	13.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.87
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	25	83.33	4	13.33	1	3.33	0	0.00	0	0.00	4.80
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	26	86.67	4	13.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	4.87
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	30	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5.00
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	24	80.00	4	13.33	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.70
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	26	86.67	2	6.67	1	3.33	1	3.33	0	0.00	4.77

Ở lần phỏng vấn thứ nhất (bảng 3.4), hầu hết các ý kiến đều lựa chọn 18 test đưa ra, đồng thời đều xếp mức độ ưu tiên các test ở mức 5 - mức rất quan trọng (với số ý kiến lựa chọn từ 80.00% trở lên). Ở mức độ ưu tiên 4 (mức khá quan trọng) thì có từ 6.67% đến 16.67% ý kiến lựa chọn; các mức độ ưu tiên 3, ưu tiên 2 và ưu tiên 1 chỉ có rất ít các ý kiến lựa chọn. Như vậy ở lần phỏng vấn thứ nhất, với 18 test đưa ra đã có từ 90.00% trở lên ý kiến lựa chọn và đều xếp ở mức độ ưu tiên 4 và mức ưu tiên 5 (từ mức độ khá quan trọng đến mức rất quan trọng ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Ở lần phỏng vấn thứ hai (bảng 3.5) cũng có kết quả và diễn biến tương tự. Hầu hết các ý kiến đều lựa chọn 18 test đưa ra và đều xếp ở mức độ ưu tiên 4 đến ưu tiên 5, chiếm tỷ lệ từ 93.33% đến 100.00% (từ mức độ khá quan trọng đến mức rất quan trọng ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội). Chỉ còn lại rất ít các ý kiến lựa chọn và xếp ở các mức độ ưu tiên 3, ưu tiên 2 và ưu tiên 1 (chiếm tỷ lệ dưới 10.00%).

Như vậy, từ kết quả thu được qua 2 lần phỏng vấn và Hội thảo chuyên gia cho thấy, các ý kiến lựa chọn của các chuyên gia là tương đối đồng nhất về sự lựa chọn ở cả 2 lần phỏng vấn và Hội thảo (thể hiện qua kết quả lựa chọn và xếp loại mức độ ưu tiên của các test kiểm tra).

Trên cơ sở kết quả 2 lần phỏng vấn và Hội thảo chuyên gia lựa chọn các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, từ các kết quả thu được ở bảng 3.1 và bảng 3.2, để khẳng định mức độ đồng nhất và mức độ tin cậy giữa kết quả 2 lần phỏng vấn và Hội thảo về các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án tiến hành so sánh kết quả giữa 2 lần phỏng vấn về kết quả lựa chọn và xếp loại mức độ ưu tiên sử dụng của các test lựa chọn. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.6 cho thấy:

Bảng 3.6. So sánh kết quả qua 2 lần phỏng vấn xác định mức độ phù hợp của các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 30)

TT	Test	Điểm TB		So sánh		P
		Lần 1	Lần 2	$\chi^2_{\text{tính}}$	$\chi^2_{\text{bảng}}$	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	5.00	5.00	0.000	7.815	>0.05
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	4.63	4.70	0.476		>0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	4.77	4.80	2.000		>0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	4.83	4.87	0.131		>0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	5.00	5.00	0.000		>0.05
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	4.73	4.70	1.111		>0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	4.77	4.77	0.000		>0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	4.63	4.70	0.476		>0.05
9.	Phân tích thế trận (điểm)	4.77	4.77	0.000		>0.05
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	4.63	4.70	0.476		>0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	4.77	4.80	2.000		>0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	4.83	4.87	0.131		>0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.00	5.00	0.000		>0.05
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	4.77	4.80	2.000		>0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	4.83	4.87	0.131		>0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	5.00	5.00	0.000		>0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	4.73	4.70	1.111		>0.05
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	4.77	4.77	0.000		>0.05

Không có sự khác biệt rõ rệt giữa kết quả phỏng vấn lần thứ nhất và lần thứ hai về mức độ ưu tiên sử dụng các test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội mà luận án đã lựa chọn và xin ý kiến chuyên gia. Điểm trung bình ở lần phỏng vấn thứ nhất (theo thang đi Likert) từ 4.63 đến 5.00 điểm; tương tự như vậy, ở lần phỏng vấn thứ hai điểm trung bình đạt từ 4.67 đến 5.00 điểm. Kết quả so sánh $\chi^2_{\text{tính}}$ đều $< \chi^2_{\text{bảng}}$ với $P > 0.05$. Như vậy, kết quả giữa 2 lần phỏng vấn các chuyên gia, các nhà chuyên môn, các HLV Cờ Vua đều có sự đồng nhất về ý kiến trả lời trong việc lựa chọn các test, do đó luận án đã lựa chọn cả 18 test nêu trên để tiếp tục kiểm định cơ sở khoa học ở các bước tiếp theo (xác định độ tin cậy, tính thông báo của test).

Bảng 3.7. Kết quả xác định độ tin cậy các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Lứa tuổi 11 (n = 75)		Hệ số tương quan (r)	Lứa tuổi 12 (n = 75)		Hệ số tương quan (r)
		Lần 1 $\bar{x} \pm \sigma$	Lần 2 $\bar{x} \pm \sigma$		Lần 1 $\bar{x} \pm \sigma$	Lần 2 $\bar{x} \pm \sigma$	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	31.65±0.81	0.823	31.87±0.83	31.94±0.84	0.821
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.51±0.07	1.51±0.07	0.804	1.54±0.05	1.54±0.05	0.816
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	45.64±2.03	0.826	46.17±2.09	47.05±2.12	0.897
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	6.09±0.27	0.882	6.27±0.29	6.22±0.29	0.861
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	9.05±0.22	0.872	8.86±0.23	8.97±0.23	0.807
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.11±0.24	5.17±0.24	0.801	5.24±0.23	5.30±0.23	0.814
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	6.21±0.30	0.806	6.28±0.30	6.36±0.30	0.807
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	6.30±0.28	0.853	6.31±0.21	6.39±0.21	0.887
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	5.17±0.21	0.855	5.19±0.22	5.25±0.22	0.877
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	6.66±0.29	0.884	6.69±0.22	6.77±0.22	0.993
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	5.30±0.23	0.881	5.33±0.24	5.39±0.24	0.991
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	5.17±0.22	0.875	5.20±0.23	5.26±0.23	0.876
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	5.56±0.23	0.863	5.58±0.25	5.65±0.25	0.823
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	5.39±0.21	0.844	5.42±0.21	5.49±0.21	0.846
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	6.49±0.26	0.883	6.50±0.19	6.58±0.19	0.854
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	6.35±0.26	0.851	6.38±0.22	6.46±0.22	0.842
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	5.98±0.23	0.865	5.99±0.21	6.06±0.21	0.862
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	6.63±0.29	0.876	6.67±0.17	6.75±0.17	0.857

Như vậy, căn cứ ý kiến chuyên gia, luận án đã lựa chọn được 18 test thuộc 02 nhóm yếu tố thành phần ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm:

Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ (05 test).

Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn (13 test).

3.1.3. Xác định độ tin cậy, tính thông báo các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.3.1. Xác định độ tin cậy của các test

Nhằm xác định độ tin cậy của các test đã qua phỏng vấn các chuyên gia để tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đã tiến hành kiểm tra 2 lần trong điều kiện quy trình, quy phạm như nhau tại cùng một thời điểm (sử dụng phương pháp Retest). Kết quả thu được trình bày ở bảng 3.7 cho thấy, cả 18 test lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đã qua kiểm tra tính thông báo ở cả 02 lứa tuổi 11 và 12 đều có hệ số tin cậy giữa 2 lần kiểm tra ở mức rất cao với $r > 0.800$. Điều đó cho thấy các test trên thể hiện hệ số tin cậy rất cao giữa kết quả 2 lần lập test, và phù hợp đối tượng nghiên cứu và điều kiện thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu.

3.1.3.2. Xác định tính thông báo của các test

Để xác định tính thông báo của các test đã qua khảo nghiệm độ tin cậy, luận án đã tiến hành xác định mối tương quan thứ bậc giữa các test đã lựa chọn với thành tích thi đấu của các VĐV (thành tích thi đấu của các VĐV được lấy từ Giải vô địch Cờ Vua nhanh Hà Nội mở rộng năm 2023 - được lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu thành tích thi đấu dùng chung theo quy định của Liên đoàn Cờ thế giới FIDE).

Luận án đã tiến hành kiểm tra trên đối tượng 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại các Trung tâm TDTT, các CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội (gồm 75 nam VĐV lứa tuổi 11 và 75 nam VĐV lứa tuổi 12). Qua

đó tiến hành xác định hệ số tương quan thứ bậc giữa kết quả lập test với thành tích thi đấu. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.8 cho thấy, cả 18/18 test thuộc 02 nhóm yếu tố năng lực trí tuệ và chuyên môn đã lựa chọn đều thể hiện tương quan mạnh có đầy đủ tính thông báo với (với $P < 0.05$) nên có thể ứng dụng trong thực tiễn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12.

Bảng 3.8. Kết quả xác định hệ số thông báo các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Kết quả kiểm tra theo lứa tuổi			
		Lứa tuổi 11 (n = 75)		Lứa tuổi 12 (n = 75)	
		$\bar{x} \pm \sigma$	r	$\bar{x} \pm \sigma$	r
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	0.801	31.87±0.83	0.822
2.	Soát vòng hồ Landon (bis/s)	1.51±0.07	0.811	1.54±0.05	0.820
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	0.803	46.17±2.09	0.852
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	0.884	6.27±0.29	0.835
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	0.781	8.86±0.23	0.805
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.11±0.24	0.744	5.24±0.23	0.759
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	0.679	6.28±0.30	0.777
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	0.708	6.31±0.21	0.794
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	0.718	5.19±0.22	0.824
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	0.674	6.69±0.22	0.822
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	0.753	5.33±0.24	0.874
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	0.707	5.20±0.23	0.872
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	0.701	5.58±0.25	0.819
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	0.709	5.42±0.21	0.822
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	0.743	6.50±0.19	0.828
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	0.747	6.38±0.22	0.835
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	0.852	5.99±0.21	0.803
18.	Đòn chiến thuật trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	0.828	6.67±0.17	0.815
	$r_{0.5}$	0.2319		0.2319	

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu nêu trên, luận án đã lựa chọn được 18 test thuộc 2 nhóm yếu tố: nhóm yếu tố năng lực trí tuệ và nhóm yếu tố năng lực chuyên môn. Hệ thống các test này đều đảm bảo đủ độ tin cậy, đủ tính

thông báo ở ngưỡng xác suất thống kê cần thiết, có thể sử dụng để tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tóm tắt: Qua quá trình nghiên cứu chặt chẽ, luận án đã xác lập được một hệ thống các test chuyên môn đặc trưng đảm bảo độ tin cậy và giá trị thông báo cao nhằm ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với giai đoạn chuyên môn hóa sâu, bao gồm 18 test thuộc 02 nhóm yếu tố thành phần, bao gồm:

- Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test.
- Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn: 13 test.

Bằng việc xác định mối tương quan giữa 2 lần kiểm tra, xác định mối tương quan giữa kết quả kiểm tra với thành tích thi đấu của VĐV, nghiên cứu đã chứng minh được cả 18 test lựa đã chọn đều đảm bảo đủ độ tin cậy, tính thông báo, có thể ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

3.1.4. Bàn luận về thực trạng công tác tuyển chọn và lựa chọn hệ thống test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1.4.1. Về thực trạng công tác tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả nghiên cứu của luận án đã xác định được thực trạng công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả khảo sát về cơ bản là phù hợp với những nhận định ban đầu của luận án. Công tác tuyển chọn VĐV hiện nay tại các đơn vị hiện nay chủ yếu được các HLV căn cứ vào kết quả học tập văn hoá, kết quả thi đấu của VĐV tại một số giải thi đấu, đồng thời dựa theo kinh nghiệm của các nhà chuyên môn (chiếm tỷ lệ từ 26.67% đến 33.33%). Các VĐV được tuyển chọn, sau khi cho tập luyện một cách thường xuyên với khoảng thời gian từ 3 - 6 tháng (chiếm tỷ lệ 40.00%), nếu có sự phát triển về khả năng tư duy, thành tích thi đấu, nhận

thức chiến thuật thì tiếp tục giữ lại đào tạo. Về cách thức và phương pháp tuyển chọn này chủ yếu chỉ phù hợp ở giai đoạn huấn luyện ban đầu (giai đoạn sơ tuyển). Đối với giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, phương pháp tuyển chọn cần căn cứ vào các cơ sở khoa học (bởi tại thời điểm này, năng khiếu của các VĐV đã dần được bộc lộ, nhiệm vụ giai đoạn này là tìm kiếm những VĐV có khả năng thích ứng với môn Cờ Vua và huấn luyện các em trở thành những VĐV có thành tích cao).

Vấn đề phát hiện năng khiếu Cờ Vua đối với các VĐV ở giai đoạn này là điều cực kỳ cấp thiết, vì ở các VĐV trẻ cùng với sự hình thành và phát triển của cơ thể, thì các năng khiếu về trí tuệ, về tinh thần và văn hóa, những biểu hiện khác nhau trở nên ít liên hệ qua lại với nhau hơn và thiên hướng với hoạt động Cờ Vua nhất định bộc lộ ngày càng rõ nét. Hệ thống tuyển chọn và định hướng Cờ Vua hợp lý sẽ cho phép phát hiện đúng lúc những tư chất và năng khiếu trẻ của VĐV, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển đầy đủ nhất những khả năng tiềm tàng đạt tới sự hoàn thiện về tư chất và tinh thần.

Để phát hiện năng khiếu Cờ Vua chỉ có thể đánh giá khách quan các khả năng cá nhân của VĐV trẻ trên cơ sở khảo sát toàn diện đối với các VĐV thông qua các nội dung, tiêu chuẩn đánh giá có đủ cơ sở khoa học, vì năng khiếu Cờ Vua không được đánh giá bằng tiêu chuẩn riêng biệt nào đó. Các chỉ tiêu về hình thái chức năng, về sự phạm, tâm lý được xem xét riêng lẻ là không đầy đủ cơ sở khoa học để tiến hành tuyển chọn VĐV Cờ Vua. Chỉ trên cơ sở áp dụng các phương pháp tổng hợp để phát hiện các thiên hướng (tư chất do di truyền) và các năng khiếu cần thiết cho việc chiếm lĩnh những đỉnh cao tài nghệ Cờ Vua mới có thể phát hiện năng khiếu Cờ Vua.

Cho đến nay, về cơ bản đã hình thành việc xây dựng những cơ sở khoa học về phương pháp và tổ chức của hệ thống tuyển chọn VĐV năng khiếu thể thao. Tuy nhiên với đặc thù của môn Cờ Vua, hệ thống lý luận về phương pháp tuyển chọn vẫn còn nhiều hạn chế nhất định. Điều đó phản ánh thực tiễn

về công tác tuyển chọn VĐV ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu mà kết quả khảo sát của luận án đã xác định. Việc tuyển chọn VĐV vào các Trung tâm huấn luyện, các Câu lạc bộ Cờ Vua là một bộ phận quan trọng của quá trình đào tạo, là giai đoạn mở đầu có tác dụng chi phối rất lớn đối với toàn bộ quá trình hoàn thiện Cờ Vua sau này. Nhiệm vụ chủ yếu của tuyển chọn Cờ Vua là nghiên cứu toàn diện và phát hiện các tư chất, năng khiếu phù hợp với đòi hỏi của môn Cờ Vua.

3.1.4.2. Về kết quả lựa chọn hệ thống test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Hiệu quả tuyển chọn năng khiếu thể thao nói chung và năng khiếu Cờ Vua nói riêng cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và xem xét ứng dụng. Muốn đạt hiệu quả tốt, trước tiên ta phải làm sáng tỏ mô hình VĐV cấp cao môn Cờ Vua. Đây là vấn đề rất khó khăn, nhiều khi chưa thể có đầy đủ các dữ liệu để minh chứng. Nhưng tối thiểu, người ta phải xác định được xu thế phát triển tất yếu ở từng môn thể thao, thiếu những căn cứ khoa học này, ta sẽ khó có định hướng chuẩn để xác định năng khiếu của VĐV trẻ ở từng môn thể thao. Từ định hướng đúng, người ta xem xét tới khả năng phát triển năng lực thể thao ở từng cá thể để đạt tới mức độ tài năng thể thao hoặc thiên tài thể thao. Dự báo khả năng phát triển năng lực thể thao là một quá trình, qua từng năm, từng giai đoạn huấn luyện. Thông thường khi kết thúc giai đoạn huấn luyện chuyên môn hoá sâu mới có khả năng dự báo về tài năng thể thao tương đối chính xác. Suốt trong quá trình này, sự đào thải và tuyển chọn bổ sung thường diễn ra. Số VĐV không có năng lực thể thao thực sự và bị đào thải thường chiếm tỷ lệ lớn, đặc biệt là ở các quốc gia chậm phát triển về khoa học công nghệ thể thao và trình độ thể thao thấp [33], [88], [89]. Ví dụ: Ngay ở Cộng hòa Liên bang Đức, từ 20 vạn trẻ em được kiểm tra hàng năm, người ta chọn khoảng 5 vạn em vào tập luyện ban đầu, và tiếp đó là khoảng 2.5 vạn em được tuyển vào các trường thể thao (18 - 20 môn thể

thao), và chỉ không quá 20 VĐV trẻ hàng năm trở thành các VĐV có trình độ thể giới. Sau khi bước vào giai đoạn hoàn thiện thành tích thể thao, người ta vẫn tiếp tục tuyển chọn tài năng thể thao để thi đấu cho từng giải cụ thể hoặc để tham gia vào đội hình của môn thể thao tập thể. Ngay ở giai đoạn này, tuyển chọn tài năng Cờ Vua cho đội tuyển vẫn có nhiều khó khăn. Có thể nói, đối với môn Cờ Vua, tuyển chọn năng khiếu ở trình độ cao cũng diễn ra rất phức tạp, rất khó chính xác. Vì thế trong Cờ Vua cũng như trong các môn thể thao khác, người ta đều chú ý tới quy luật bù trừ. Một đặc điểm nào đó ở VĐV rất nổi trội về năng khiếu có thể bù trừ lại cho một nhược điểm nào đó hơi yếu kém. Chẳng hạn, năng lực tư duy, năng lực trí tuệ rất tốt có thể bù cho yếu tố thể lực chỉ đạt ở mức trung bình [3], [8], [10], [14], [16].

Tổng hợp cơ sở lý luận từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau về tuyển chọn VĐV nói chung và VĐV Cờ Vua trẻ nói riêng cho thấy, đa số các quan điểm đều đề cập đến nội dung của công việc đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu. Tuy nhiên, nội dung cụ thể của các quan điểm khác nhau là có sự khác nhau. Trên cơ sở tiến hành phân tích và tổng hợp các tài liệu chuyên môn có liên quan đã thu thập được các nội dung cơ bản cần được tiến hành trong công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trẻ. Nhưng cũng cần biết rằng không nên tuyển chọn quá sớm. Độ tin cậy của dự báo khả năng chỉ đạt chính xác cao trong khoảng 2 - 3 năm trở lại. Do vậy tuyển chọn là một quá trình và phải có kiểm tra. Điều căn bản là phải tích lũy đầy đủ số liệu liên tục, từ đó cho phép đánh giá, dự báo theo lứa tuổi và mức độ trưởng thành của đối tượng [10], [13].

Phân tích yếu tố năng lực tư duy của trẻ em và sự biến đổi của chúng trong quá trình huấn luyện có hệ thống cho thấy, trẻ em càng bé càng ít năng lực tư duy. Cùng với sự tăng tiến về lứa tuổi thì sự phát triển các đặc tính của các hình thức năng lực tư duy sẽ được diễn ra. Huấn luyện ở các môn thể thao không chu kỳ (các môn bóng, các môn đối kháng cá nhân...) có sự khác biệt lớn so với việc huấn luyện ở các môn thể thao trí lực. *Ví dụ:* Với các em tập

cùng ở độ tuổi 11 - 12, nếu tập quyền anh sẽ có 12 yếu tố, các em ở các môn Cờ Vua là 10, bơi lội là 9, còn ở các em không tập thể thao chỉ có 8 yếu tố.

Xuất phát từ quan điểm trên, qua phân tích, tổng hợp các tài liệu có liên quan, thông qua việc tổng hợp các tài liệu có liên quan, phỏng vấn các chuyên gia, xác định độ tin cậy, tính thông báo đã tiến hành xác định được 18 test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là test thuộc các nhóm yếu tố năng lực trí tuệ (y sinh, tâm lý) và nhóm yếu tố năng lực chuyên môn (sư phạm), trong đó:

Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test.

Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn: 13 test.

Trong quá trình nghiên cứu, 3 nguyên tắc được sử dụng trong quá trình xây dựng các nội dung, tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu đã đáp ứng được các yêu cầu:

Đánh giá toàn diện về các mặt năng lực trí tuệ và năng lực chuyên môn, phù hợp đặc điểm tâm - sinh lý của các nam VĐV ở lứa tuổi 11 - 12 và phù hợp với giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu.

Hệ thống test đánh giá có đủ hàm lượng khoa học cần thiết như: tính thông báo, độ tin cậy và giá trị thông tin cao.

Hệ thống các test đảm bảo tính khách quan trên cơ sở đảm bảo xây dựng được thang điểm chuẩn có định tính và định lượng.

Kết quả nghiên cứu của luận án về lựa chọn các test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu về cơ bản cũng trùng lặp với các kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Khi đề cập đến vấn đề này ở các VĐV Cờ Vua trẻ, thông qua nghiên cứu các công trình đã công bố của các nhà chuyên môn trong và ngoài nước cũng thu được những kết quả tương tự. Theo tài liệu của N.G Alekseev (1984); Dlotnchic (1984, 1989, 1996); Extrin (1995); Alekhine (1991); V.Malkin (1981) có 11 nội dung tuyển chọn được đưa ra làm test đánh giá năng khiếu của VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 13; Evans L.

(2001) đưa ra 10 test cho VĐV lứa tuổi 13 - 14; Đặng Văn Dũng (2006) đưa ra 13 test, trong đó có 5 test về yếu tố tâm lý và năng lực trí tuệ; Nguyễn Hồng Dương (2008) đưa ra 17 test cho nam VĐV CI và 18 test cho nam VĐV KT. Tất nhiên, người ta không thể phát hiện ra các tài năng trên cơ sở một số test qua một lần đo đạc, mặc dù nó phản ánh kết quả của một quá trình tập luyện và thi đấu. Việc phát hiện và tuyển chọn các tài năng do vậy mà không thể tách rời khỏi việc quan sát sự tiến bộ về mặt các yếu tố năng lực tư duy, năng lực trí tuệ trong các giai đoạn đào tạo khác nhau.

Theo kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học nước ngoài: Dłotnhić (1996), Extrin (1995), Alekhine (1991), Evans L (2001)... tuyển chọn định hướng vào môn Cờ Vua cần bao gồm những nội dung liên quan đến những đặc điểm của hoạt động thần kinh cao cấp, năng lực tư duy và đặc tính của năng lực trí tuệ... Những thông số có ảnh hưởng quyết định đến kết quả hoạt động của VĐV môn Cờ Vua (Evans L - 2001) bao gồm: 1) Loại hình thần kinh mạnh, thăng bằng, linh hoạt; 2) Yếu tố về thể chất; 3) Yếu tố về năng lực trí tuệ; 4) Yếu tố về năng lực tư duy [10], [17], [33], [45], [61], [77], [90].

Như vậy, kết quả nghiên cứu thông qua việc đánh giá tính khả thi và độ tin cậy (hệ số tương quan) của các test đã được sử dụng để tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đã lựa chọn được một hệ thống gồm 18 test bao hàm đầy đủ các test về năng lực trí tuệ và năng lực chuyên môn của đối tượng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này cũng đồng nhất với quan điểm của các tác giả đã nêu ở trên. Cụ thể đối với từng nhóm test đã lựa chọn như sau:

Về yếu tố năng lực trí tuệ:

Năng lực trí tuệ là chỉ chất lượng biểu hiện về các thành phần của trí tuệ để giải quyết vấn đề đạt hiệu quả cao. Như vậy, khi đánh giá trí tuệ cũng như sự phát triển của nó cần đánh giá đầy đủ các yếu tố trên. Kết quả nghiên cứu của luận án đã xác định được 5 test:

- 1) Cộng trừ số học (lần/2 phút)
- 2) Soát vòng hờ Landon (bis/s)
- 3) Trắc nghiệm Raven (điểm)
- 4) Tương quan số học (điểm)
- 5) Cảm giác thời gian (s)

Đây là các test đều được hầu hết các tác giả sử dụng trong kiểm tra - đánh giá năng lực trí tuệ của VĐV Cờ Vua, các test được lựa chọn đều đánh giá là có tính thông báo cao trong môn Cờ Vua, có mối tương quan mạnh với thành tích thi đấu của VĐV. Song vấn đề là cần kiểm chứng trên đối tượng nghiên cứu của luận án. Kết quả xác định tính thông báo trên đối tượng nghiên cứu (nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội) đều đạt giá trị thông báo đủ độ tin cậy cần thiết, mối tương quan của các test đều ở mức tương quan mạnh ($r_{\text{tính}} > r_{\text{bảng}}$ với $P < 0.05$).

Đặc điểm hoạt động của môn Cờ Vua chủ yếu là hoạt động tâm lý mà chủ đạo là hoạt động tư duy, cách tiếp nhận và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Vậy, năng lực trí tuệ trong Cờ Vua là đặc điểm tâm lý riêng của cá nhân chi phối quá trình tiếp thu kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cũng như hiệu quả hoạt động. Nó được đặc trưng bởi những đặc điểm cá nhân liên quan đến lĩnh vực nhận thức, trước hết là tư duy, trí nhớ, tri giác, chú ý...

Trong thực tiễn tuyển chọn VĐV, theo quan điểm của tác giả Dương Nghiệp Chí (2004) [7]; Nguyễn Đức Văn (2008) [66]; Lê Văn Lâm, Phạm Xuân Thành (2015) [34] thì tính thông báo của test là mức độ chính xác của test trong đo lường để xác định một đặc trưng nào đó (chất lượng, khả năng, đặc tính...). Thông thường trong thực tiễn nếu hệ số thông báo của test không nhỏ hơn 0.3 thì có thể sử dụng được và nếu hệ số thông báo không nhỏ hơn 0.6 thì có thể sử dụng để dự báo thành tích của VĐV trong tương lai.

Kết quả nghiên cứu của luận án, khi kiểm định tính thông báo của các test, kết quả cho thấy $r_{\text{tính}}$ đều đạt từ 0.7 trở lên. Như vậy các test này đều đảm

bảo đủ cơ sở khoa học để ứng dụng trong tuyển chọn và dự báo thành tích cho VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong tương lai.

Trong thực tiễn tuyển chọn VĐV Cờ Vua đòi hỏi cần phải xác định các năng lực và các phẩm chất tâm lý cá nhân (cảm xúc, ý chí, trí tuệ, tính chất của hệ thần kinh...). Hoạt động trong lĩnh vực thể thao đòi hỏi ở các VĐV những năng lực thể chất và tâm lý cao. Năng lực tâm lý bao gồm năng lực trí tuệ, sức bền tâm lý, độ ổn định các quá trình tâm lý và độ tin cậy tâm lý của VĐV Cờ Vua trong điều kiện tập luyện với lượng vận động tâm lý rất lớn. Đồng thời năng lực tâm lý là năng lực của VĐV tri giác, ghi nhớ, thu nhận và xử lý các thông tin luôn thay đổi thông qua các giải pháp hành động, thực hiện và điều chỉnh các hành động để đạt được các mục đích nhất định [28], [29], [30], [33], [41]. Việc xây dựng hệ thống test tuyển chọn cho phù hợp với quy luật của quá trình đào tạo VĐV Cờ Vua mang ý nghĩa chiến lược quyết định tới thành tích thể thao. Mỗi loại test chỉ có giá trị thông tin ở một thời điểm nhất định [9], [13], [30], [37], [38], [46], [64].

Về yếu tố năng lực chuyên môn:

Kết quả nghiên cứu của luận án đã xác định được 13 test, gồm:

- 1) Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)
- 2) Tính toán phương án (điểm)
- 3) Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)
- 4) Phân tích thế trận (điểm)
- 5) Đánh giá thế trận (điểm)
- 6) Lập kế hoạch (điểm)
- 7) Đòn phối hợp (điểm)
- 8) Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)
- 9) Phối hợp đánh giá thế trận, đòn phối hợp (điểm)
- 10) Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)
- 11) Cờ tàn phối hợp (điểm)

12) Xác định chiến lược chơi khai cuộc (điểm)

13) Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)

Đây là các test được xác định nhằm đánh giá năng lực chuyên môn (gồm năng lực tư duy, năng lực tính toán, năng lực xử lý tính huống trong ván đấu, năng lực cảm giác không gian, thời gian...). Sở dĩ, luận án xác định gộp các năng lực chuyên môn chuyên biệt vào cùng nhóm yếu tố năng lực chuyên môn là bởi các nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đã bước vào giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Thời điểm này, các VĐV đã được tham gia tập luyện, thi đấu và hoàn thiện cơ bản các năng lực chuyên biệt ở giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu. Vấn đề cần đánh giá ở giai đoạn này để xác định tuyển chọn là mức độ biểu hiện năng khiếu chuyên biệt và khả năng đạt thành tích cao trong tương lai ở môn Cờ Vua của các VĐV. Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được tính thông báo của các test đảm bảo ở mức độ tương quan cao ($r_{\text{tính}}$ đều đạt từ 0.7 trở lên, đều lớn hơn $r_{\text{bảng}}$ với $P < 0.05$). Như vậy các test này cũng đều đảm bảo đủ cơ sở khoa học để ứng dụng trong tuyển chọn và dự báo thành tích cho VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trong tương lai.

Việc lựa chọn những test và phương pháp tuyển chọn trong các giai đoạn khác nhau của quy trình đào tạo nhiều năm cần phải dựa trên cơ sở phân tích cấu trúc của thành tích thể thao. Đánh giá năng lực thể thao là hệ thống các biện pháp tổ chức và phương pháp có tính chất đồng bộ về y sinh học, tâm lý học, xã hội học, giáo dục học... nhằm phát hiện những tư chất và năng lực của đối tượng phù hợp với đòi hỏi của hoạt động thể thao. Quá trình đánh giá sự phát triển năng lực chuyên môn nói chung và các năng lực chuyên môn chuyên biệt của VĐV Cờ Vua nói riêng cho thấy, các năng lực tư duy, năng lực tính toán, năng lực xử lý tính huống trong ván đấu, năng lực cảm giác không gian, thời gian... là những năng lực đều được thể hiện qua các thao tác như: khả năng tính toán, phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, qua đó đưa ra phương án (nước đi) phù hợp để đạt kết quả cao trong tập luyện và thi đấu Cờ

Vua. Thực tiễn của quá trình đào tạo VĐV xuất sắc trình độ đại kiện tướng thể giới cho thấy những năng lực chuyên môn này đã đưa các VĐV tài năng tới đỉnh cao thể thao nhanh và bền vững [9], [11], [13], [22], [30], [38].

Tuyển chọn VĐV Cờ Vua về mặt tâm lý cũng như các mặt y sinh, chức năng thường được tiến hành theo những mức độ khác nhau. Tùy thuộc vào mục đích đánh giá như: đánh giá để phát hiện năng lực chuyên môn, đánh giá trình độ chuẩn bị tâm lý của VĐV trong quá trình tập luyện hay đánh giá năng lực để tuyển chọn VĐV tham gia vào một cuộc thi đấu cụ thể mà các nhà chuyên môn xác định các test đánh giá cụ thể [22], [30], [37], [38], [46].

Công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua cũng rất khác nhau theo các giai đoạn huấn luyện. Một số tác giả đã nghiên cứu tuyển chọn VĐV Cờ Vua cho các đội tuyển. Các nghiên cứu này là tư liệu tham khảo để xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giai đoạn chuyên môn hóa sâu. Mặt khác, một số kết quả nghiên cứu của nước ngoài về vấn đề này cũng đã được công bố. Tuy nhiên, các nghiên cứu về tuyển chọn VĐV Cờ Vua đã được công bố đều chưa có điều kiện gắn với năng lực thi đấu của VĐV. Nhưng cũng phải thấy rằng, những sự hạn chế này không dễ khắc phục, vì hoạt động thi đấu Cờ Vua rất khác biệt so với các môn thể thao khác.

Từ phân tích các tài liệu có liên quan cho thấy, để đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 sẽ toàn diện và chính xác hơn khi gắn liền việc đánh giá qua các test năng lực trí tuệ với các test đánh giá năng lực chuyên môn. Kết quả trên cho thấy, các test đã lựa chọn đều có tính khả thi cao (mọi HLV Cờ Vua đều có thể tổ chức kiểm tra cho VĐV của mình trong thời gian ngắn, lại không đòi hỏi các thiết bị phức tạp, khó tìm), đều thích ứng trong mọi trường hợp kiểm tra. Sau khi kiểm nghiệm độ tin cậy, tính thông báo trên đối tượng nghiên cứu đã cho thấy tính ưu việt của các test đã được lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

3.2. Xác định đặc điểm, mối quan hệ giữa các nhóm test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.1. Xác định đặc điểm, diễn biến các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau 1 năm tập luyện

Nhằm xác định hiệu quả của các test đã lựa chọn nhằm ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, cũng như để đánh giá sự phát triển của mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 (thông qua 18 test lựa chọn) trên địa bàn hành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu trong quá trình huấn luyện 1 năm, luận án đã tiến hành theo dõi dọc trong thời gian 12 tháng (căn cứ theo kế hoạch huấn luyện năm) thông qua các phương pháp kiểm tra sư phạm và kiểm tra tâm lý. Quá trình theo dõi và kiểm tra được tiến hành vào 03 thời điểm: ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng tập luyện. Đối tượng kiểm tra là 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (VĐV Cờ Vua thuộc các Trung tâm TDTT, các câu lạc bộ Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó lứa tuổi 11 gồm 75 VĐV và lứa tuổi 12 gồm 75 VĐV).

Cả 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội đều được tập luyện theo chương trình huấn luyện ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Quá trình theo dõi và kiểm tra được tiến hành thông qua 18 test ứng dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua đã được quá trình nghiên cứu lựa chọn (thuộc 02 nhóm yếu tố: năng lực trí tuệ và yếu tố chuyên môn như đã nêu ở trên). Luận án tiến hành so sánh kết quả kiểm tra trên đối tượng nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo 3 giai đoạn kiểm tra: ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng. Trong đó, kết quả kiểm tra ban đầu, sau 6 tháng sẽ lần lượt được so sánh với các kết quả kiểm tra giai đoạn sau 6 tháng và sau 12 tháng nhằm đánh giá đặc điểm diễn biến của các test (đặc điểm mức độ biểu hiện năng khiếu của các VĐV trong quá trình huấn luyện năm). Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.9 và 3.10.

Bảng 3.9. Đặc điểm diễn biến các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội qua các giai đoạn kiểm tra (n = 75)

TT	Test	Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \sigma$)			So sánh			Nhịp tăng trưởng			P _{1,3}
		Ban đầu (1)	Sau 6 tháng (2)	Sau 12 tháng (3)	t _{1,2}	t _{2,3}	t _{1,3}	W _{1,2}	W _{2,3}	W _{1,3}	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	31.85±1.06	32.12±1.33	1.768	1.383	3.036	0.856	0.849	1.705	<0.05
2.	Soát vòng hở Landon (bis/s)	1.51±0.07	1.52±0.07	1.54±0.06	1.279	1.345	2.620	0.941	0.932	1.872	<0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	45.67±1.93	46.10±1.86	1.355	1.409	2.762	0.960	0.951	1.912	<0.05
4.	Trương quan số học (điểm)	6.14±0.27	6.20±0.26	6.25±0.26	1.274	1.303	2.576	0.901	0.893	1.794	<0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	9.01±0.30	9.08±0.38	1.606	1.228	2.712	0.772	0.766	1.538	<0.05
6.	Cờ thể chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.11±0.24	5.16±0.23	5.21±0.22	1.320	1.384	2.701	0.985	0.976	1.961	<0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	6.20±0.30	6.26±0.31	1.241	1.230	2.471	0.990	0.980	1.970	<0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	6.28±0.28	6.33±0.27	1.246	1.262	2.507	0.906	0.898	1.804	<0.05
9.	Phân tích thể trận (điểm)	5.11±0.21	5.16±0.23	5.20±0.25	1.293	1.184	2.465	0.906	0.898	1.804	<0.05
10.	Đánh giá thể trận (điểm)	6.58±0.29	6.64±0.30	6.69±0.31	1.188	1.158	2.344	0.862	0.855	1.717	<0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	5.29±0.23	5.33±0.22	1.218	1.240	2.457	0.861	0.854	1.715	<0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	5.15±0.22	5.20±0.21	1.231	1.246	2.476	0.856	0.849	1.705	<0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	5.54±0.23	5.58±0.24	1.198	1.183	2.380	0.822	0.815	1.636	<0.05
14.	Phối hợp đánh giá thể trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	5.38±0.22	5.44±0.23	1.507	1.447	2.950	0.985	0.976	1.961	<0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật-chiến lược (điểm)	6.41±0.26	6.46±0.29	6.52±0.32	1.207	1.091	2.284	0.841	0.834	1.676	<0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	6.32±0.27	6.38±0.27	1.252	1.218	2.468	0.856	0.849	1.705	<0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	5.96±0.26	6.01±0.29	1.307	1.167	2.454	0.882	0.874	1.756	<0.05
18.	Đòn chiến thuật trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	6.61±0.30	6.66±0.30	1.184	1.156	2.339	0.862	0.855	1.717	<0.05
	$\bar{W}$							0.891	0.884	1.775	

Bảng 3.10. Đặc điểm diễn biến các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội qua các giai đoạn kiểm tra (n = 75)

TT	Test	Kết quả kiểm tra ($\bar{x} \pm \sigma$)			So sánh			Nhịp tăng trưởng			P _{1,3}
		Ban đầu (1)	Sau 6 tháng (2)	Sau 12 tháng (3)	t _{1,2}	t _{2,3}	t _{1,3}	W _{1,2}	W _{2,3}	W _{1,3}	
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.87±0.83	32.11±1.06	32.35±1.30	1.555	1.250	2.724	0.757	0.751	1.509	<0.05
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	1.54±0.05	1.55±0.06	1.57±0.06	1.673	1.471	3.112	0.950	0.942	1.892	<0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	46.17±2.09	46.62±2.00	47.07±1.91	1.348	1.411	2.755	0.970	0.961	1.931	<0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	6.27±0.29	6.33±0.28	6.39±0.27	1.276	1.328	2.601	0.941	0.932	1.872	<0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.86±0.23	8.94±0.30	9.02±0.37	1.773	1.404	3.072	0.871	0.864	1.735	<0.05
6.	Cờ thể chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.24±0.23	5.29±0.24	5.34±0.25	1.323	1.278	2.599	0.960	0.951	1.912	<0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.28±0.30	6.34±0.29	6.40±0.28	1.270	1.312	2.580	0.970	0.961	1.931	<0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.31±0.21	6.37±0.24	6.43±0.27	1.635	1.441	3.046	0.950	0.942	1.892	<0.05
9.	Phân tích thể trận (điểm)	5.19±0.22	5.24±0.23	5.29±0.24	1.332	1.284	2.613	0.936	0.927	1.862	<0.05
10.	Đánh giá thể trận (điểm)	6.69±0.22	6.75±0.26	6.81±0.30	1.517	1.294	2.767	0.891	0.883	1.774	<0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.33±0.24	5.38±0.23	5.43±0.23	1.261	1.295	2.555	0.911	0.903	1.813	<0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.20±0.23	5.25±0.22	5.30±0.22	1.311	1.345	2.655	0.931	0.922	1.853	<0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.58±0.25	5.63±0.26	5.68±0.26	1.249	1.220	2.469	0.921	0.912	1.833	<0.05
14.	Phối hợp đánh giá thể trận và đòn phối hợp (điểm)	5.42±0.21	5.47±0.23	5.52±0.24	1.452	1.352	2.796	0.950	0.942	1.892	<0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật-chiến lược (điểm)	6.50±0.19	6.56±0.23	6.62±0.28	1.670	1.384	2.988	0.891	0.883	1.774	<0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.38±0.22	6.44±0.26	6.49±0.29	1.450	1.263	2.681	0.881	0.873	1.754	<0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.99±0.21	6.04±0.24	6.10±0.27	1.477	1.300	2.749	0.906	0.898	1.804	<0.05
18.	Đòn chiến thuật trong khai cuộc (điểm)	6.67±0.17	6.73±0.23	6.79±0.30	1.781	1.362	3.007	0.886	0.878	1.764	<0.05
	$\bar{W}$							0.915	0.907	1.822	

Từ kết quả thu được ở các bảng 3.9 và 3.10 cho thấy: Kết quả kiểm tra trên 18 test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu (theo các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12) qua các giai đoạn kiểm tra ban đầu và sau 6 tháng, cũng như sau 6 tháng đến sau 12 tháng không có khác biệt rõ rệt (với $|t_{\text{tính}}| \text{ đều } < t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$). Đồng thời nhịp tăng trưởng của các test cũng không tăng trưởng rõ, trung bình sau 6 tháng tăng 0.884% đến 0.915%.

Sau 12 tháng, kết quả kiểm tra 18 test so với thời điểm kiểm tra ban đầu đã có khác biệt rõ với $|t_{\text{tính}}| > t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Điều đó cho thấy, các nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (theo các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12), các test đều có sự tăng trưởng một cách ổn định trong quá trình huấn luyện. Mức độ tăng trưởng về kết quả lập test sau 12 tháng tập luyện đã có gia tăng rõ rệt so với thời điểm ban đầu. Nói một cách khác, các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có sự khác biệt và sự tăng trưởng rõ hơn sau 12 tháng tập luyện, với mức tăng trưởng trung bình đạt từ 1.775% đến 1.822%.

Từ kết quả phân tích nêu trên cho thấy, kết quả so sánh của các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có khác biệt đáng kể ở thời điểm kiểm tra ban đầu so với thời điểm sau 12 tháng tập luyện. Do đó, quá trình xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho VĐV, nghiên cứu sẽ tiến hành xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho thời điểm các VĐV đạt 11 tuổi và đạt 12 tuổi (tức là ứng với thời điểm kiểm tra ban đầu), đồng thời, không thể xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn chung cho cả 2 lứa tuổi 11 - 12, mà phải xây dựng tiêu chuẩn riêng cho từng lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12.

Như vậy, diễn biến kết quả kiểm tra sự phạm, tâm lý trên 18 test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội không có sự khác biệt về kết quả kiểm tra ở các thời điểm cách nhau 6 tháng. Sự khác biệt về các test tuyển chọn chỉ thể hiện rõ sau khi kết thúc quá trình theo dõi 12 tháng so với thời điểm kiểm tra ban đầu, và nhịp độ

tăng trưởng đã có sự tăng rõ rệt so với thời điểm ban đầu. Đồng thời, các test tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 có sự tăng trưởng một cách tương đối ổn định trong quá trình huấn luyện năm trong chương trình huấn luyện chuyên môn hóa sâu.

3.2.2. Xác định mối quan hệ giữa các test tuyển chọn của nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ kết quả nghiên cứu ở mục 3.1, luận án đã tiến hành chọn lựa được 18 test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, các test này đã được theo dõi trong quá trình nghiên cứu và cho thấy có mức độ tương quan đủ độ tin cậy, tính thông báo, mang tính ổn định ở cả lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12, bao gồm các test thuộc 2 nhóm yếu tố thành phần: nhóm năng lực trí tuệ - 05 test, nhóm yếu tố năng lực tổ chuyên môn - 13 test), các test như trình bày ở bảng 3.4 đến 3.10. Các test lựa chọn được căn cứ vào mức độ tương quan với thành tích thi đấu của đối tượng nghiên cứu. Tuy nhiên cũng cần lưu ý, những test đã lựa chọn thuộc các nhóm yếu tố năng lực trí tuệ (05 test); nhóm yếu tố năng lực chuyên môn (13 test) là những test có tính ổn định cao trong suốt quá trình theo dõi dọc (trong 12 tháng) và đạt đủ độ tin cậy thống kê ở các lứa tuổi 11 và 12.

Trong quá trình nghiên cứu, việc tiến hành kiểm tra sự phạm, kiểm tra tâm lý theo định kỳ trên đối tượng nghiên cứu nhằm các mục đích:

1. Xác định các giá trị $\bar{x}$, σ của các test trên đối tượng nghiên cứu để làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn tuyển chọn với các test đã lựa chọn.
2. Theo dõi và xác lập quy luật diễn biến của các yếu tố thành phần thông qua nhịp tăng trưởng của mỗi test lựa chọn theo các giai đoạn huấn luyện, và theo lứa tuổi của đối tượng nghiên cứu với các mức độ khởi điểm khác nhau về mức độ biểu hiện năng khiếu của các VĐV.
3. Kiểm tra độ tin cậy của các test đã lựa chọn trong quá trình tuyển chọn, huấn luyện của đối tượng nghiên cứu sau này.

**Bảng 3.11. Hệ số tương quan giữa các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội
(n = 75)**

[illegible]

Bảng 3.12. Hệ số tương quan giữa các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội
(n = 75)

[illegible]

4. Xây dựng các tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu và kiểm chứng các nội dung - tiêu chuẩn dựa trên kết quả việc xác định hiệu quả tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng.

5. Xác lập tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố khác nhau ứng dụng trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu theo từng lứa tuổi trong quá trình huấn luyện ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

Kết quả việc giải quyết các mục đích nêu trên trong quá trình tổ chức kiểm tra sư phạm và kiểm tra tâm lý của luận án đã được trình bày cụ thể ở mục 3.1 và mục 3.2.2 của luận án.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận của các test tuyển chọn, căn cứ vào các kết quả nghiên cứu đã đạt được của luận án cho thấy, công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm một tổ hợp các yếu tố nhiều thành phần. Vì thế, khi nghiên cứu các nhóm yếu tố thành phần (thông qua các test) có tương quan với thành tích thi đấu không phải chỉ có tương quan từng đôi một riêng rẽ, mà tất cả đều nằm trong một ma trận quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau (ma trận tương quan). Như vậy có thể thấy, để tìm được sự phụ thuộc nguyên vẹn giữa 2 hoặc 3 yếu tố phải loại trừ sự ảnh hưởng của yếu tố thứ 3. Đây sẽ là cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần (cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu môn Cờ Vua của các VĐV).

Với mục đích xác định mối quan hệ (mức độ ảnh hưởng tương đối) của từng test tuyển chọn với nhau và mối quan hệ của các test đó với thành tích thi đấu của các nam VĐV Cờ Vua, căn cứ vào kết quả kiểm tra ở thời điểm ban đầu, luận án đã tiến hành xác định hệ số tương quan riêng phần (r_{xy} , r_{xz} ...), thu được kết quả như trình bày ở bảng 3.11 và 3.12 cho thấy, $r_{tính}$ của các test kiểm tra ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đều lớn hơn $r_{bảng}$ với $P < 0.05$; đồng thời giữa các test có mối tương quan mạnh, chỉ một vài test

tương quan yếu với test này nhưng lại tương quan mạnh với test kia. Mỗi tương quan giữa các test của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 nhìn chung có mối tương quan chặt chẽ hơn so với các VĐV lứa tuổi 11.

3.2.3. Quy trình xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.3.1. Cơ sở lý luận xây dựng quy trình tuyển chọn

Bản chất của quá trình tuyển chọn VĐV Cờ Vua ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu là việc kiểm tra - đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu, tài năng môn Cờ Vua của các VĐV. Vì thế, quá trình này được thực hiện thông qua việc lập test và xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá. Nói một cách khác, đây chính là quá trình đánh giá trong huấn luyện thể thao.

Sau khi lập test (thông qua kiểm tra sự phạm, y sinh, tâm lý), có thể nhận thấy rằng các kết quả test thể hiện ở các đơn vị đo lường khác nhau (thời gian, cự ly, chỉ số sinh lý... với các đơn vị đo lường là giây, mét, kilôgam...), vì vậy không thể so sánh với nhau được. Thêm nữa, ngay kết quả test nào đó cũng không phản ánh được mức độ trạng thái của đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn, kết quả về thời gian chạy 30m TĐC của một VĐV nào đó là 3.60s. Thời gian ấy chưa thể phản ánh ngay được khả năng tốc độ của người chạy thuộc loại tốt hay trung bình nếu như không có bảng đánh giá.

Như vậy, theo quan điểm của các tác giả Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Nguyễn Đức Văn, Tạ Hữu Hiếu (2004) thì: “Đánh giá là xác định mức độ phân loại kết quả test, hay nói một cách khác là phân loại thành tích của VĐV. Quá trình ấy được gọi là quá trình đánh giá” [7]. Đây là quá trình đánh giá phân loại, nó khác với đánh giá giảng dạy do giáo viên đánh giá học sinh trong quá trình giáo dục. Đánh giá phân loại phức tạp hơn, cần phải có số lượng lớn các đối tượng đánh giá và cần đảm bảo hiệu quả hữu ích lớn nhất.

Quá trình đánh giá được chia làm 2 giai đoạn [7]: *Giai đoạn 1* - Các kết quả test được lập theo các thang điểm đánh giá (đánh giá trung gian); *Giai*

đoạn 2 - So sánh thang điểm lập được với các tiêu chuẩn cũ để đánh giá tổng hợp (đánh giá tổng hợp). Tuy nhiên, ở nhiều trường hợp giai đoạn đánh giá trung gian và giai đoạn đánh giá tổng hợp chỉ là một.

Trong quá trình đánh giá, vấn đề xây dựng tiêu chuẩn đánh giá có thể dựa vào các thang độ đánh giá (thang độ T, thang độ C...), tuy nhiên cũng có thể dựa trên các giá trị trung bình cộng và độ lệch chuẩn ($\bar{x} \pm \sigma$) để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu, hay đánh giá các năng lực chuyên môn chuyên biệt khác của VĐV theo quy tắc 2 xích ma hoặc 3 xích ma, gọi là tiêu chuẩn so sánh. Tiêu chuẩn này dựa trên cơ sở so sánh những người thuộc cùng 1 tổng thể, nghĩa là có cùng 1 dấu hiệu như dân cư ở một vùng nào đó (*ví dụ như: VĐV ở cùng một nhóm tuổi và giới tính...*).

Để xây dựng tiêu chuẩn này theo quy tắc 2 xích ma, người ta phân chia kết quả lập test ra làm 3 hay 5 mức tùy theo từng vấn đề nghiên cứu, qua đó xác định các giới hạn để phân loại theo từng test đánh giá [34]. Chú ý: Lấy giá trị σ âm ($\sigma < 0$) khi thành tích và điểm có quan hệ nghịch, và ngược lại lấy giá trị σ dương ($\sigma > 0$) khi thành tích và điểm có quan hệ thuận.

Mặt khác, qua tham khảo các công trình nghiên cứu của các tác giả về các vấn đề tuyển chọn, đánh giá TĐTL VĐV Cờ Vua như: Nguyễn Huy Thuỷ (1998); Đàm Công Sử (1998); Dương Thanh Bình (2006); Dương Minh Tuệ (2008); Đàm Quốc Chính (1999); Đặng Văn Dũng (1999); Nguyễn Hồng Dương (2008); Bùi Ngọc (2014); Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương (2018); Tạ Hữu Minh (2019)... cho thấy: quá trình xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn, đánh giá TĐTL của các VĐV Cờ Vua được phân chia làm 2 bước:

Bước thứ nhất: Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần (nhóm test) đến yếu tố thành tích thi đấu của các VĐV.

Bước thứ hai: Tiêu chuẩn hoá các test đánh giá nhờ vào sự xác định tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần đến yếu tố thành tích thi đấu của các VĐV.

Mặt khác, trong quá trình nghiên cứu cho thấy, nhịp độ tăng trưởng thành tích của đối tượng nghiên cứu cũng như nhịp độ tăng trưởng của các test thuộc các nhóm yếu tố khác nhau có những diễn biến khác nhau ở từng giai đoạn huấn luyện. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, luận án đã tiến hành sử dụng phương pháp phân tích tương quan và hồi quy đa nhân tố trong đánh giá mức độ tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

3.2.3.2. Đề xuất các bước xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Từ kết quả nghiên cứu như đã trình bày ở trên, luận án tiến hành đề xuất một số các bước xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu thông qua các test thuộc các nhóm yếu tố thành phần đã lựa chọn như sau:

Bước 1: Trên cơ sở các test đã lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, trước hết cần tiến hành đo đạc trên đám đông đối tượng nghiên cứu bằng phương pháp kiểm tra sự phạm, tâm lý nhằm mục đích xác định các chỉ số $\bar{x} \pm \sigma$. Trên cơ sở đó tiến hành: 1) Xác định đặc điểm diễn biến các test lựa chọn sau 1 năm tập luyện; 2) Xác định mối tương quan lẫn lượt giữa các test đã lựa chọn; 3) Kiểm tính phân bố chuẩn của kết quả kiểm tra các test để từ đó làm cơ sở xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

Bước 2: Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần (nhóm test) đã lựa chọn. Từ thực tiễn công tác huấn luyện, qua tham khảo các công trình của các tác giả trong và ngoài nước cho thấy, mức độ ảnh hưởng của các nhóm nội dung là khác nhau theo các lứa tuổi khác nhau của đối tượng nghiên cứu, nhóm có ảnh hưởng nhiều và nhóm sẽ có ảnh hưởng ít tới thành tích thi đấu của VĐV. Do đó, việc xác định tỷ trọng ảnh hưởng sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá của từng test, cũng như của

từng nhóm yếu tố thành phần ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Vấn đề này sẽ được trình bày ở các bảng tiêu chuẩn đánh giá ở mục 3.3 của luận án.

Bước 3: Sau khi xác định các chỉ số $\bar{x} \pm \sigma$, tiến hành phân loại số liệu theo 5 mức: tốt, khá, trung bình, yếu, kém nhằm loại bỏ những số liệu không tập trung của đám đông, các số liệu còn lại là phản ánh đúng kết quả lập test của đối tượng nghiên cứu (có thể sử dụng các tham số ε , C_V , chỉ tiêu W Shaparo - Winkler để đánh giá mức độ đại diện, sai số chuẩn và mức độ đồng đều và tính phân phối chuẩn của đám đông). Đây mới là các số liệu đảm bảo đủ cơ sở khoa học được sử dụng để xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

Bước 4: Trên cơ sở các số liệu thu được ở bước 2, tiến hành xây dựng bảng điểm tổng hợp theo thang điểm 10 (sử dụng thang độ C hoặc sử dụng quy tắc $\pm 2\sigma$). Thành tích đạt được của các VĐV sẽ được quy ra điểm (theo thang điểm 10) ở từng test lựa chọn bằng cách tra các bảng điểm (theo thang độ C) đã xây dựng. Trong quá trình tra bảng, sử dụng phương pháp tiệm cận khi đánh giá VĐV theo cách tính trên. Nghĩa là, một chỉ số nào đó nằm giữa mức tốt và khá, nếu gần với mức khá hơn thì đánh giá là khá (khá cộng), nếu gần với mức tốt hơn thì đánh giá là tốt (tốt trừ), hoặc một test nào đó nằm giữa mức điểm 7 và điểm 8, nếu gần với mức điểm 7 thì lấy điểm 7, còn nếu gần với mức điểm 8 thì xác định test đó ở mức điểm 8.

Mặt khác, vì các yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm cả các đặc tính bảo thủ (ít thay đổi dưới tác động của chương trình huấn luyện) và không bảo thủ (biến đổi mạnh dưới tác động của chương trình huấn luyện), cũng như các đặc tính bù trừ và không bù trừ. Do vậy, trong quá trình tuyển chọn được hướng dẫn dưới đây bao gồm sự vận dụng nguyên tắc “bù trừ” - nghĩa là VĐV có thể hơi yếu ở test này nhưng sẽ được bù lại ở các test khác có mức độ cao hơn,

miễn tổng điểm đạt được nằm trong khoảng xác định của các mức đánh giá đã được phân loại. Vấn đề này sẽ được trình bày ở mục 3.3 của luận án.

Bước 5: Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu. Bước này được thực hiện như sau: Sau khi tra bảng điểm tổng hợp kết quả lập test (bước thứ 3), và xác định tỷ trọng ảnh hưởng của nhóm các test (bước thứ 4), tính tổng điểm đạt được sau khi lập test ở nhóm các yếu tố thành phần xác định, sau đó quy đổi ra thang điểm có tính đến yếu tố tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng (tra bảng 3.23 và bảng 3.24). Cuối cùng tính tổng điểm đạt được của các nhóm nội dung (trong luận án là 02 nhóm yếu tố thành phần cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV) sau khi đã tra bảng quy đổi thang điểm theo tỷ trọng ảnh hưởng (bảng 3.23 và bảng 3.24), và tiến hành tra bảng đánh giá xếp loại tổng hợp đã được xây dựng (bảng 3.26).

3.2.4. Xác lập mối tương quan đa nhân tố và tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năng khiếu thể thao môn Cờ Vua là sự kết hợp của nhiều yếu tố thành phần (đặc điểm tâm - sinh lý, năng lực tư duy, năng lực chuyên môn phù hợp của từng cá thể) có quan hệ đến khả năng để có thể đạt thành tích thể thao ở môn Cờ Vua, thậm chí những kỷ lục ở khu vực, châu lục và thế giới. Năng khiếu Cờ Vua phụ thuộc rất lớn vào những tư chất mang tính di truyền có đặc điểm ổn định, ít thay đổi. Vấn đề phát hiện và tuyển chọn năng khiếu Cờ Vua cần được giải quyết một cách đồng bộ, trên cơ sở áp dụng các phương pháp nghiên cứu sư phạm, y - sinh, tâm lý, xã hội học.

Tuy nhiên, sự tác động của các yếu tố thành phần đó không tương đồng nhau, nghĩa là có yếu tố tác động mạnh, có yếu tố tác động ở mức độ ít hơn đến thành tích thi đấu của VĐV. Vì vậy, trong quá trình tuyển chọn, cần phải xem xét đến mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố đó tới thành tích thi đấu của các VĐV. Nhóm nhân tố nào có mức độ ảnh hưởng lớn đến thành

tích thi đấu của VĐV thì nhóm nhân tố đó phải là nhóm nhân tố cơ bản trong quá trình tuyển chọn, vì thành tích của các VĐV sẽ phụ thuộc phần lớn vào nhóm nhân tố này.

Vấn đề đặt ra là mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này đến thành tích thi đấu của VĐV Cờ Vua theo từng lứa tuổi có như nhau hay không, các yếu tố này có thay đổi mức độ ảnh hưởng theo từng độ tuổi riêng biệt hay không, và nếu có thì tỷ lệ ảnh hưởng của chúng thay đổi như thế nào. Để giải quyết vấn đề này cần phải xác định mối tương quan đa nhân tố, từ đó xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhóm nhân tố đến thành tích thi đấu của VĐV.

Để xác định mối tương quan đa nhân tố giữa các thành phần với nhau và mối tương quan giữa các nhóm yếu tố với thành tích thi đấu, đồng thời xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, luận án đã sử dụng phương pháp của Panma I.C, Engo L.G [105]. Qua đó xác định hệ số tương quan đa nhân tố ($R_{x,y,z,...}$) và tỷ trọng ảnh hưởng (β) của từng yếu tố cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu thể thao đến thành tích thi đấu.

Việc xác định hệ số tương quan đa nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố được thực hiện theo trình tự như sau:

- Trên cơ sở các test đã lựa chọn theo từng nhóm yếu tố thành phần (nhóm yếu tố năng lực trí tuệ - 05 test; nhóm yếu tố năng lực chuyên môn - 13 test), tiến hành tính điểm theo thang độ C cho từng test ở các VĐV theo từng nhóm yếu tố, sau đó tính điểm bình quân của từng VĐV về các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn VĐV. Tiếp theo là xác định thành tích thi đấu của VĐV được xác định qua tổng điểm đạt được trong thi đấu.

- Xác định hệ số tương qua cặp giữa các nhóm yếu tố thành phần ($r_{x,y}$); hệ số tương quan đa nhân tố của các nhóm yếu tố thành phần với thành tích thi đấu ($R_{x,y,z,...}$) và hệ số ảnh hưởng (β) của từng nhóm yếu tố với thành tích thi đấu theo phương pháp của Panma I.C, Engo L.G.

Kết quả xác định mối tương quan giữa các yếu tố thành phần với nhau và hệ số tương quan đa nhân tố của các nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và 12 được trình bày ở các bảng 3.13 và bảng 3.14.

Bảng 3.13. Hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Nhóm yếu tố	Nhóm yếu tố		
		1	2	3
1	Thành tích thi đấu		0.776	0.782
2	Năng lực trí tuệ			0.765
3	Năng lực chuyên môn			
Hệ số tương quan đa nhân tố (R)		0.911		

Kết quả thu được ở bảng 3.13 cho thấy, ở nam VĐV lứa tuổi 11, giữa các nhóm yếu tố và thành tích thi đấu đều thể hiện mối tương quan mạnh với nhau và tương quan mạnh với thành tích thi đấu ($r_{\text{tính}} > r_{\text{bảng}}$ với $P < 0.05$, hệ số tương quan đa nhân tố $R = 0.911$). Vì vậy có thể thấy, các nhóm yếu tố thành phần có mối tương quan mạnh với nhau và tương quan với thành tích thi đấu.

Bảng 3.14. Hệ số tương quan giữa các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

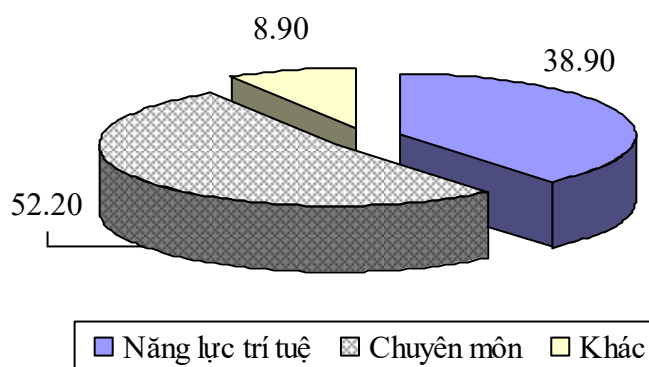
TT	Nhóm yếu tố	Nhóm yếu tố		
		1	2	3
1	Thành tích thi đấu		0.834	0.841
2	Năng lực trí tuệ			0.807
3	Năng lực chuyên môn			
Hệ số tương quan đa nhân tố (R)		0.942		

Kết quả thu được ở bảng 3.14 cũng cho thấy, ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12, giữa các nhóm yếu tố và thành tích thi đấu đều thể hiện mối tương quan mạnh và mối tương quan này đều lớn hơn so với các nam VĐV lứa tuổi 11 ($r_{\text{tính}}$ tìm được đều lớn hơn $r_{\text{bảng}}$ với $P < 0.05$, hệ số tương quan đa nhân tố $R = 0.942$.

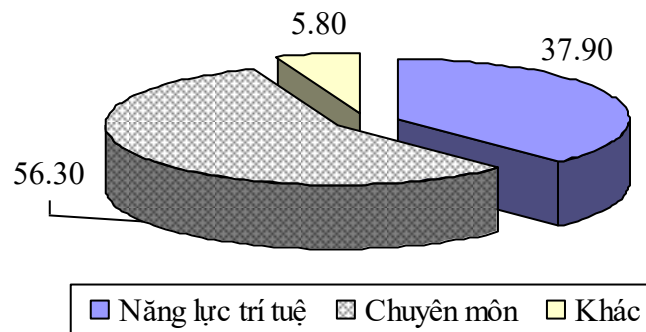
Sau khi xác định được hệ số tương quan đa nhân tố, nghiên cứu đã xác định tỷ trọng ảnh hưởng của chúng đến thành tích thi đấu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 ứng dụng trong xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.15 và các biểu đồ 3.1 và 3.2.

Bảng 3.15. Tỷ trọng ảnh hưởng (β) của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Lứa tuổi	Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần			
	NĂNG LỰC TRÍ TUỆ		NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN	
	Hệ số ảnh hưởng	% quy đổi	Hệ số ảnh hưởng	% quy đổi
11	0.389	38.90	0.522	52.20
12	0.379	37.90	0.563	56.30



Biểu đồ 3.1. Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội



Biểu đồ 3.2. Tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Từ kết quả thu được ở bảng 3.15 và các biểu đồ 3.1, 3.2 cho thấy:

- Ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11, tỷ trọng ảnh hưởng của năng lực trí tuệ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu ít hơn so với nhóm năng lực chuyên môn (chiếm tỷ trọng 38.90%); trong khi nhóm yếu tố năng lực chuyên môn chiếm tỷ trọng lớn hơn (chiếm tỷ trọng 52.20%).

- Ở nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 cũng có diễn biến tương tự so với lứa tuổi 11, tỷ trọng ảnh hưởng của năng lực trí tuệ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu ít hơn so với nhóm năng lực chuyên môn (chiếm tỷ trọng 37.90%); trong khi nhóm yếu tố năng lực chuyên môn chiếm tỷ trọng lớn hơn (chiếm tỷ trọng 56.30%).

Từ kết quả thu được ở bảng 3.15, luận án tiến hành xác lập các phương trình hồi quy biểu diễn mức ảnh hưởng của các nhóm nhân tố trên đến thành tích thi đấu ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

$$\text{Lứa tuổi 11: } Y_{(1,2)} = 0.389x_1 + 0.522x_2 \quad (1)$$

$$\text{Lứa tuổi 12: } Y_{(1,2)} = 0.379x_1 + 0.563x_2 \quad (2)$$

Trong đó: Y: Thành tích thi đấu

x_1 : Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ

x_2 : Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn

Từ các phương trình (1), (2) một lần nữa lại cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nhóm yếu tố năng lực trí tuệ, năng lực chuyên môn ảnh hưởng lớn đến thành tích thi đấu của các nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Như vậy, từ các kết quả nghiên cứu nêu trên cho thấy :

1) Qua quá trình nghiên cứu chặt chẽ, đã xác định được mối tương quan giữa 18 test đã được lựa chọn với nhau, đảm bảo đủ độ tin cậy để ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội ($r_{\text{tính}}$ tìm được của các mối tương quan hầu hết đều lớn hơn $r_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $P < 0.05$).

2) Các yếu tố thành phần ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội đều thể hiện mối tương quan mạnh với nhau và với thành tích thi đấu, thể hiện qua hệ số tương quan đa nhân tố ở VĐV lứa tuổi 11 là 0.911 và VĐV lứa tuổi 12 là 0.942. Mối tương quan của VĐV lứa tuổi 12 mạnh hơn so với lứa tuổi 11. Đồng thời nghiên cứu cũng đã xác định được tỷ trọng ảnh hưởng của các yếu tố thành phần tới thành tích thi đấu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, làm cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn VĐV giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

3.2.5. Bàn luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các nhóm test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.2.5.1. Về đặc điểm diễn biến các test tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau 1 năm tập luyện

Như trên đã trình bày, mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 là một tổ hợp yếu tố nhiều thành phần, nó quy định mức độ biến đổi tương ứng về mọi mặt của mỗi cá thể VĐV trước một loại hình hoạt động đặc thù, khả năng này về cơ bản được hình thành, phát triển dưới tác động của lượng vận động tập luyện theo xu hướng chuyên môn, và được thể

hiện thông qua năng lực hoạt động chuyên môn cao hay thấp của VĐV. Thông qua huấn luyện mà VĐV có được và nâng dần trình độ thích ứng mới, ngày càng cao hơn (trong giai đoạn phát triển) hoặc duy trì hay hạn chế sự suy giảm trong giai đoạn VĐV đã có thâm niên thể thao tương đối cao.

Việc đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của các VĐV có trình độ khác nhau để tuyển chọn là không giống nhau. Nếu với các VĐV cấp cao có trình độ thành tích thể thao cao thì cần quan tâm đánh giá sự ổn định của thành tích để tuyển chọn vào đội tuyển; đối với các VĐV trẻ ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu thì vấn đề cần quan tâm là mức độ thích ứng của VĐV với môn thể thao chuyên sâu và khả năng, cũng như triển vọng đạt thành tích cao trong môn thể thao này. Với các VĐV trẻ, thành tích thể thao còn ở mức độ thấp thì cần quan tâm đánh giá kết quả kiểm tra trong quá trình phát triển. Điều đó cho thấy, vấn đề xác định đặc điểm diễn biến các test trong tuyển chọn VĐV trẻ ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu là hết sức quan trọng.

Kết quả nghiên cứu của luận án khi giải quyết mục tiêu 1 đã xác định được một hệ thống các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu, nghĩa là đã xác định định tính và định lượng trong việc đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV. Test và tiêu chuẩn đánh giá được xây dựng bằng cách thông qua các bước nghiên cứu từ tham khảo tài liệu, phỏng vấn các chuyên gia lựa chọn test, kiểm tra sơ phạm, sử dụng phương pháp toán học thống kê để kiểm định tính thông báo và độ tin cậy của chúng. Các bước tiến hành như vậy đã được tác giả Nguyễn Huy Thủy (1998) [55]; Đàm Công Sử (1998) [47]; Dương Thanh Bình (2005) [3]; Dương Minh Tuệ (2008) [64]; Nguyễn Hồng Dương (2008) [16]; Bùi Ngọc (2014); Hà Minh Diệu (2015) [9]; Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương (2018) [30]; Tạ Hữu Minh (2019) [38]... và nhiều tác giả khác khi nghiên cứu trên đối tượng VĐV các môn thể thao khác nhau. Vấn đề tiếp theo là kiểm định các test và tiêu chuẩn đã xây dựng, mà việc trước tiên

là theo dõi kết quả trong 1 năm tập luyện của các VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 bằng phương pháp theo dõi dọc.

Với phương pháp theo dõi, kiểm tra sự phạm và kiểm tra tâm lý trên đối tượng theo dõi dọc (trong 1 năm tập luyện - bảng 3.9 và 3.10), thông qua kiểm tra ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng và bằng phương pháp so sánh tự đối chiếu nhờ vận dụng chỉ số t student và chỉ số Brody cho thấy, tất cả 18 test quan sát đều có sự tăng trưởng qua các giai đoạn kiểm tra, và có sự khác biệt về kết quả kiểm tra sau 1 năm tập luyện. Điều đó khẳng định tính phù hợp của hệ thống các test mà luận án đã lựa chọn, nghĩa là chúng đủ sức đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu trong tuyển chọn VĐV.

Đồng thời kết quả so sánh cũng cho thấy, nam VĐV Cờ Vua ở cả lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 chỉ có sự khác biệt về kết quả kiểm tra ở thời điểm sau 1 năm tập luyện so với thời điểm kiểm tra ban đầu, mà không có sự khác biệt đáng kể sau 6 tháng tập luyện. Giả sử nếu có sự khác biệt về kết quả kiểm tra tại thời điểm sau 6 tháng tập luyện, thì yêu cầu phải xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn và thực hiện tuyển chọn/thải loại VĐV theo từng giai đoạn cách nhau 6 tháng tập luyện. Vấn đề này thường chỉ diễn ra ở giai đoạn sơ tuyển, hoặc giai đoạn huấn luyện ban đầu. Như vậy có thể thấy được mức độ phù hợp của kết quả nghiên cứu luận án khi tiến hành xác định các nội dung đánh giá, cũng như xác định đặc điểm quy luật diễn biến của các test đánh giá đã xác định trong thực tiễn huấn luyện.

Vậy tại sao các VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 lại có sự tăng tiến rõ rệt sau 1 năm tập luyện mà không phải là 6 tháng? Điều đó có thể lý giải rằng, để có hiệu quả tích lũy, đòi hỏi VĐV phải tập luyện một cách khoa học và hệ thống, đồng thời với VĐV trình độ tập luyện càng thấp, quá trình biến đổi thích nghi càng xảy ra nhanh chóng, nhưng với VĐV có trình độ tập luyện càng cao (giai đoạn chuyên môn hóa sâu) thì việc biến đổi đó diễn ra càng muộn hơn [13], [14], [16], [37], [38]... VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 của

luận án thuộc đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Đây là chưa kể tác động của quy luật sinh học theo lứa tuổi và của hệ thống huấn luyện [46], [47], [55], [64], [94], [102]...

Những test này khi so sánh với kết quả kiểm tra và tiêu chuẩn đánh giá các test trong luận án ở thời điểm sau 1 năm tập luyện đều có sự tăng trưởng rõ rệt ở nhóm yếu tố năng lực chuyên môn, các test thuộc nhóm yếu tố năng lực trí tuệ có sự tăng trưởng ít hơn. Điều này, có thể lý giải sau một năm tập luyện của VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đều có sự biến đổi và hoàn thiện về mặt năng lực chuyên môn (năng lực tính toán, năng lực tư duy, năng lực phân tích, đánh giá, lập kế hoạch...), còn lại các test thuộc nhóm yếu tố năng lực trí tuệ thì có sự biến đổi thấp hơn. Đây có lẽ cũng là điểm mà các HLV cần lưu tâm nhiều hơn trong quá trình huấn luyện, vì trên thực tế trong thi đấu ở đấu trường quốc tế trong những giải đấu quan trọng mang tính chất quyết định, thì VĐV Việt Nam mặc dù được chuẩn bị về chuyên môn tương đối tốt, nhưng đôi khi còn thua kém đối phương về yếu tố năng lực trí tuệ (tâm lý) nên kết quả thi đấu chưa cao và không ổn định.

3.2.5.2. Về mối quan hệ giữa các nhóm yếu tố trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả nghiên cứu của luận án đã xác định được mối tương quan riêng phần giữa các test với nhau (bảng 3.11 và bảng 3.12), cũng như giữa các nhóm yếu tố thành phần (nhóm yếu tố năng lực trí tuệ, nhóm yếu tố năng lực chuyên môn) trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (bảng 3.13 và bảng 3.14), thể hiện mối tương quan chặt, mối tương quan này ở VĐV lứa tuổi 12 chặt hơn so với VĐV lứa tuổi 11. Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Huy Thuỷ (1998) [55]; Đàm Công Sử (1998) [47]; Dương Thanh Bình (2005) [3]; Dương Minh Tuệ (2008) [64]; Nguyễn Hồng Dương (2008) [16]; Bùi Ngọc (2014); Hà Minh Diệu (2015) [9]; Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương

(2018) [30]; Tạ Hữu Minh (2019) [38]... Bản thân các nhóm yếu tố thành phần của các VĐV là yếu tố ảnh hưởng rõ nét nhất đến thành tích của các VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, và các yếu tố này có tỷ trọng ảnh hưởng ở VĐV lứa tuổi 12 cao hơn so với VĐV lứa tuổi 11. Các test thuộc nhóm yếu tố năng lực trí tuệ có xu hướng tăng dần đều và tăng chậm theo các thời điểm. Tuy nhiên nhóm yếu tố năng lực chuyên môn chiếm tỷ trọng ảnh hưởng lớn. Điều này cũng cho chúng ta thấy rõ yếu tố chuyên môn (mà thực ra là sự thay đổi của các năng lực chuyên biệt theo xu hướng chuyên môn), là những yếu tố chịu sự tác động rõ nét nhất của chương trình tập luyện có định hướng.

Kết quả xác định mối quan hệ của các nhóm yếu tố (hệ số tương quan riêng phần, hệ số tương quan đa nhân tố, cũng như hệ số ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần) trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội mà luận án xác định (ở các bảng 3.11 đến 3.15) đều có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả đã công bố như: Dương Thanh Bình (2005) [3]; Dương Minh Tuệ (2008) [64]; Nguyễn Hồng Dương (2008) [16]; Bùi Ngọc (2014); Hà Minh Dịu (2015) [9]; Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương (2018); Tạ Hữu Minh (2019) [38], trong đó tiêu biểu có thể kể đến công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Dương (2008).

Khi so sánh với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Dương (2008) [16] cho thấy, với nam VĐV Cờ Vua CI, yếu tố năng lực trí tuệ ít ảnh hưởng đến thành tích thi đấu chiếm 9.60%; tiếp đến là tư duy khái quát chiếm 10.20%; chuyển đổi tư duy ngôn ngữ chiếm 10.60%; tư duy sáng tạo chiếm 29.20% và cuối cùng năng lực tư duy logic có tỷ trọng ảnh hưởng lớn hơn cả chiếm 30.60%. Với nam VĐV Cờ Vua KT, tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố tới thành tích thi đấu có thay đổi đáng kể, yếu tố năng lực trí tuệ vẫn ảnh hưởng ít hơn đến thành tích thi đấu chiếm 7.90%; tiếp đến là năng lực chuyển đổi tư duy ngôn ngữ chiếm 11.30%; tư duy logic chiếm 19.40%; tư duy khái quát chiếm 21.60% và cuối cùng năng lực tư duy sáng tạo có tỷ

trọng ảnh hưởng lớn hơn cả chiếm 32.80%. Qua đó cho phép nhận định, các nhóm yếu tố cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đều tác động đến thành tích thi đấu của các VĐV, tuy mức ảnh hưởng của mỗi yếu tố có khác nhau, nhưng đều có chung một xu hướng là mức độ tác động của nhóm yếu tố năng lực chuyên môn nhiều hơn so với nhóm yếu tố năng lực trí tuệ (ở cả lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12).

Từ kết quả xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố của mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 cho thấy có khác biệt tương đối lớn về tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố tới thành tích thi đấu giữa VĐV Việt Nam và VĐV nước ngoài (như là VĐV các nước thuộc Liên Xô cũ). Các kết quả nghiên cứu của Mankil (1990), Extrin Ia.B (1995), Dlotnhic (1996), Alecxâyev (1984) [10], [20], [90], [99] cho thấy, VĐV của Nga, có tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố xếp theo mức quan trọng giảm dần lần lượt là: năng lực trí tuệ, năng lực chuyên môn. Trong khi đó, ở VĐV lứa tuổi 11 - 12 (đối tượng nghiên cứu của luận án) lại là: năng lực chuyên môn và năng lực trí tuệ.

Qua đó cho thấy, tỷ lệ phần trăm (%) quy đổi của từng yếu tố cấu thành và tổng % quy đổi của các nhóm yếu tố cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu thể thao của nam VĐV Cờ Vua có khác biệt giữa lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Điều đó cho thấy, các nhóm yếu tố thành phần cũng chịu tác động phần nào của quy luật lứa tuổi. Kết quả xác định tỷ trọng ảnh hưởng còn cho thấy, tổng phần trăm của các nhóm yếu tố ở từng lứa tuổi đều nhỏ hơn 100% (VĐV lứa tuổi 11 là 91.10%; VĐV lứa tuổi 12 là 94.20%). Điều đó chứng tỏ, ngoài tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố này đến thành tích thi đấu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đã xác định, vẫn còn thành phần khác nữa mà luận án chưa nghiên cứu tới. Do đó, trong quá trình huấn luyện cần phân phối tỷ lệ sử dụng các nhóm nội dung, phương tiện huấn luyện ứng với các nhóm yếu tố thành phần cho hợp lý trong chương trình và kế hoạch huấn luyện.

Tóm tắt, từ kết quả nghiên cứu thu được như đã trình bày ở trên cho phép đi đến một số nhận xét sau:

Quá trình nghiên cứu, luận án đã xác định được mối quan hệ giữa các test và giữa các nhóm yếu tố thành phần đã lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo các lứa tuổi khác nhau (lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12). Mối tương quan giữa các test và các nhóm yếu tố thành phần đã lựa chọn đều đạt mức độ tin cậy thống kê cần thiết $r_{tính} > r_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$, điều đó chứng tỏ rằng hệ thống các test lựa chọn cũng như các nhóm yếu tố thành phần phản ánh được mức độ biểu hiện năng khiếu của đối tượng nghiên cứu.

Các test lựa chọn đều thể hiện mối tương quan chặt chẽ với nhau. Điều đó một lần nữa cho thấy mức độ phù hợp của hệ thống các test đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của đối tượng nghiên cứu, điều này thể hiện qua mối tương quan chặt chẽ giữa các nhóm yếu tố thành phần với thành tích thi đấu theo lứa tuổi của đối tượng nghiên cứu (với $r_{tính} > r_{bảng}$ với $P < 0.05$).

Quá trình nghiên cứu cũng đã xác định được tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần cấu thành mức độ biểu hiện năng khiếu với thành tích thi đấu theo các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 của đối tượng nghiên cứu, các yếu tố này có tỷ trọng ảnh hưởng khác biệt theo lứa tuổi.

Tỷ trọng ảnh hưởng của nhóm yếu tố năng lực chuyên môn có tỷ trọng ảnh hưởng lớn hơn đến thành tích thi đấu của đối tượng nghiên cứu, còn lại nhóm yếu tố năng lực trí tuệ cũng có mức độ ảnh hưởng, nhưng ở mức độ thấp hơn so với các nhóm yếu tố còn lại.

Từ các kết quả nghiên cứu nêu trên, luận án đã đề xuất được 5 bước xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho các test đã lựa chọn, đây là các bước cơ bản cần áp dụng trong việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu mà luận án tiến hành nghiên cứu.

3.3. Xây dựng và ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.1.1. Tổ chức kiểm tra sự phạm và tâm lý

Với mục đích kiểm nghiệm hệ thống 18 test đã lựa chọn thuộc 02 nhóm yếu tố thành phần để tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo từng lứa tuổi, luận án tiến hành nghiên cứu trên đối tượng 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 hiện đang tập luyện tại các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Cả 150 VĐV trên đều được tập luyện theo chương trình huấn luyện trong giai đoạn chuyên môn hóa sâu do Liên đoàn Cờ Việt Nam hướng dẫn xây dựng. Toàn bộ quá trình theo dõi và kiểm tra sự phạm trên đối tượng nghiên cứu được tiến hành trong 12 tháng (từ tháng 06/2023 đến tháng 05/2024) và được kiểm tra thông qua hệ thống 18 test mà quá trình nghiên cứu đã lựa chọn đối với các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Trong quá trình kiểm tra sự phạm, luận án đã tiến hành sử dụng hệ thống các test đã lựa chọn trong các kỳ kiểm tra bằng phương pháp theo dõi dọc trên đối tượng nghiên cứu (giai đoạn ban đầu, sau 6 tháng và sau 12 tháng). Mục đích của luận án là theo dõi sự phát triển cũng như xác định các giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các test đã lựa chọn ứng dụng trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

Quá trình kiểm tra trên đối tượng nghiên cứu được tiến hành ở 02 lứa tuổi: lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Trên cơ sở đó, xác định tính thông báo, độ tin cậy và tính đồng đều của các test lựa chọn. Cách thức tiến hành và đánh giá, kiểm tra của các test được trình bày tại mục 2.4.1.6 của luận án. Để khẳng định độ tin cậy của hệ thống các kết quả, cũng như các test đã lựa chọn đối với các lứa tuổi riêng biệt, luận án đã tiến hành kiểm tra trên đối tượng nghiên cứu ở cả 18 test đã lựa chọn để đánh giá một cách chính xác diễn biến thành tích của

đối tượng nghiên cứu ở các giai đoạn kiểm tra. Trên cơ sở đó khẳng định tính hiệu quả của hệ thống các test đã lựa chọn cũng như cơ sở khoa học và độ tin cậy của các kết quả kiểm tra để có thể xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu.

3.3.1.2. So sánh sự khác biệt về các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trước khi tiến hành xây dựng các tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, vấn đề đầu tiên là phải tiến hành kiểm tra thông qua 18 test đã lựa chọn, tiếp đến là phải trả lời câu hỏi giữa các đối tượng chỉ cần xây dựng một tiêu chuẩn tuyển chọn chung hay là xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn tương ứng với các lứa tuổi 11 và 12 của đối tượng nghiên cứu. Để giải quyết vấn đề này, luận án tiến hành so sánh kết quả kiểm tra các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa các lứa tuổi 11 và 12.

Mục đích của việc so sánh là xác định sự khác biệt về kết quả kiểm tra của các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua giữa lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Nếu không có sự khác biệt giữa các test kiểm tra thì luận án sẽ xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn chung cho cả hai nhóm tuổi. Ngược lại, nếu có sự khác biệt về các test kiểm tra, luận án sẽ tiến hành xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn riêng biệt cho từng lứa tuổi (lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12). Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.16 cho thấy:

Kết quả thu được qua kiểm tra các test được lựa chọn của đối tượng nghiên cứu ở các lứa tuổi 11 và 12 đều có sự khác biệt rõ rệt ($t_{\text{tính}} \text{ đều} > t_{\text{bảng}} = 1.960$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$). Hay nói một cách khác, với kết quả so sánh thành tích kiểm tra ở 18 test lựa chọn ở các lứa tuổi của đối tượng nghiên cứu cho thấy, ở tất cả các test trên, thành tích của đối tượng nghiên cứu có lứa tuổi cao hơn thì tốt hơn thành tích của đối tượng có lứa tuổi thấp, và sự khác biệt này đều đạt độ tin cậy ở ngưỡng xác suất thống kê $P < 0.05$.

Bảng 3.16. So sánh kết quả kiểm tra các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Kết quả kiểm tra theo lứa tuổi ($\bar{x} \pm \sigma$)		t	P
		11 (n = 75)	12 (n = 75)		
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	31.87±0.83	2.179	<0.05
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.51±0.07	1.54±0.05	3.020	<0.05
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	46.17±2.09	2.807	<0.05
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	6.27±0.29	2.841	<0.05
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	8.86±0.23	2.177	<0.05
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.11±0.24	5.24±0.23	3.387	<0.05
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	6.28±0.30	2.858	<0.05
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	6.31±0.21	2.227	<0.05
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.11±0.21	5.19±0.22	2.278	<0.05
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.58±0.29	6.69±0.22	2.617	<0.05
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	5.33±0.24	2.345	<0.05
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	5.20±0.23	2.449	<0.05
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	5.58±0.25	2.294	<0.05
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	5.42±0.21	2.624	<0.05
15.	Cờ tàn chiến thuật-chiến lược (điểm)	6.41±0.26	6.50±0.19	2.420	<0.05
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	6.38±0.22	2.797	<0.05
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	5.99±0.21	2.225	<0.05
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	6.67±0.17	3.092	<0.05

Như vậy từ phân tích ở trên cho thấy, kết quả của 18 các test tuyển chọn là có sự khác biệt đáng kể ở lứa tuổi 11 với lứa tuổi 12 của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Điều đó đòi hỏi luận án không thể xây dựng một thang điểm đánh giá chung cho cả 2 lứa tuổi 11 và 12, mà phải xây dựng các tiêu chuẩn riêng lẻ cho từng lứa tuổi (lứa tuổi 11 và lứa tuổi

12) của VĐV Cờ Vua và theo từng test để làm cơ sở đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.3.1.3. Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Phân phối chuẩn (còn gọi là phân phối Gauss), đây là một phân phối xác suất cực kì quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Phân phối chuẩn là loại phân phối xác suất đặc biệt mà phân phối liên tục của nó (đường chuẩn) có dạng hình chuông đối xứng và tiệm cận trục hoành ở cả hai phía, hầu hết lý thuyết thống kê được xây dựng trên nền tảng của phân phối chuẩn. Đường phân phối chuẩn có thuộc tính đặc trưng là xác định được khi biết giá trị trung bình và độ lệch tiêu chuẩn. Khi biết hai tham số này, chúng ta có thể tính được độ cao của đồ thị (tần suất) tương ứng khác, người ta có thể ước lượng xác suất nhận được một giá trị bằng số giữa hai số bằng diện tích tương ứng nằm dưới đồ thị. Đường phân phối chuẩn được sử dụng rộng rãi trong phân tích số liệu thống kê, đặc biệt trong kiểm định giả thuyết thống kê. Hai thông số quan trọng trong một phân phối là giá trị trung tâm hay gọi là trung bình μ và phương sai σ^2 (hoặc độ lệch chuẩn σ) và thường biểu thị bằng $X \sim N(\mu, \sigma^2)$ (N viết tắt từ normal) [7], [31], [34].

Các kiểm định thống kê như phép kiểm T, phân tích phương sai, phân tích hồi qui tuyến tính... dùng để xử lý các biến số liên tục, đều đòi hỏi những giả định chặt chẽ về phân phối chuẩn, hệ số biến sai, sai số tương đối của số trung bình cộng, độ lệch chuẩn hoặc phương sai các mẫu so sánh phải đồng nhất (gần bằng nhau), ngoài ra có thể kiểm định về phân phối chuẩn của số liệu thống kê bằng phép kiểm Shapiro - Wink (W). Mặt khác, vấn đề xác định tính đại diện của tập hợp mẫu thống kê do luận án lựa chọn (150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12) trên một quần thể đối tượng (nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội) là hết sức cần thiết, đồng thời là nội dung

quan trọng khi xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn và áp dụng trên diện rộng, trong một thời gian dài.

**Bảng 3.17. Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam VĐV
Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)**

TT	Test	Kiểm định tính phân bố chuẩn			
		$\bar{x} \pm \sigma$	C_V	ε	W
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.58±0.80	2.53	0.013	0.935
2.	Soát vòng hồ Landon (bis/s)	1.51±0.07	4.64	0.014	0.954
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	45.23±2.01	4.44	0.011	0.956
4.	Tương quan số học (điểm)	6.14±0.27	4.40	0.014	0.989
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.94±0.22	2.46	0.012	0.935
6.	Cờ thể chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.11±0.24	4.70	0.011	0.899
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.14±0.30	4.89	0.011	0.894
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.22±0.28	4.50	0.012	0.912
9.	Phân tích thể trận (điểm)	5.11±0.21	4.11	0.012	0.898
10.	Đánh giá thể trận (điểm)	6.58±0.29	4.41	0.012	0.899
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.24±0.23	4.39	0.012	0.903
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.11±0.22	4.31	0.012	0.924
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.49±0.23	4.19	0.011	0.910
14.	Phối hợp đánh giá thể trận và đòn phối hợp (điểm)	5.33±0.21	3.94	0.018	0.974
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.41±0.26	4.06	0.017	0.918
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.27±0.26	4.15	0.023	0.905
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.91±0.23	3.89	0.014	0.912
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.55±0.29	4.43	0.025	0.894

**Bảng 3.18. Kiểm định tính phân bố chuẩn các test tuyển chọn nam VĐV
Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (n = 75)**

TT	Test	Kiểm định tính phân bố chuẩn			
		$\bar{x} \pm \sigma$	C_V	ε	W
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	31.87±0.83	2.60	0.012	0.895
2.	Soát vòng hồ Landont (bis/s)	1.54±0.05	3.25	0.013	0.913
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	46.17±2.09	4.53	0.011	0.915
4.	Tương quan số học (điểm)	6.27±0.29	4.63	0.013	0.946
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	8.86±0.23	2.60	0.013	0.979
6.	Cờ thể chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.24±0.23	4.39	0.011	0.904
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.28±0.30	4.78	0.012	0.898
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.31±0.21	3.33	0.013	0.917
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.19±0.22	4.24	0.013	0.903
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	6.69±0.22	3.29	0.013	0.904
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.33±0.24	4.50	0.013	0.908
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.20±0.23	4.42	0.013	0.929
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	5.58±0.25	4.48	0.012	0.915
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.42±0.21	3.87	0.019	0.979
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.50±0.19	2.92	0.018	0.904
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.38±0.22	3.45	0.016	0.911
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	5.99±0.21	3.51	0.021	0.902
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	6.67±0.17	2.55	0.026	0.898

Như vậy, để kiểm định giả thuyết thống kê (mức độ đồng đều của tập hợp mẫu, sai số tương đối của số trung bình cộng, mức độ đại diện của tập hợp

mẫu trên một quần thể, tính phân bố chuẩn của kết quả kiểm tra các test trên tập hợp mẫu) của kết quả kiểm tra các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, trên cơ sở các kết quả kiểm tra các test nghiên cứu như đã trình bày ở trên, luận án tiến hành xác định tính phân bố chuẩn thông qua các chỉ số: hệ số biến sai (C_v), sai số tương đối của số trung bình (ϵ) và chỉ tiêu W ShapYRO - WinkI, thu được kết quả như trình bày ở các bảng 3.17 và bảng 3.18 cho thấy: tất cả các test kiểm tra trên đối tượng nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 đều có kết quả tương đối tập trung $C_v < 10\%$, sai số tương đối của số trung bình cộng đều nằm ở trong phạm vi cho phép $\epsilon < 0.05$, chỉ tiêu $W_{\text{tính}}$ (ShapYRO - WinkI) đều $> W_{\text{bảng}} = 0.881$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Như vậy từ những kết quả trên đây cho thấy, kết quả kiểm tra các test lựa chọn đều đảm bảo tính phân bố tương đối chuẩn của các số liệu khảo sát ở từng test tuyển chọn mà quá trình nghiên cứu luận án đã xác định.

3.3.1.3. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tiêu chuẩn phân loại theo từng test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Để đánh giá sự phát triển của từng test bằng phân loại hoặc bằng cách tính điểm theo thang độ C, luận án đã tiến hành kiểm tra tính phân bố chuẩn của các số liệu khảo sát ở từng test lựa chọn thông qua các tham số hệ số biến sai (C_v), sai số tương đối của giá trị trung bình (ϵ) và chỉ tiêu W ShapYRO - WinkI. Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.17 và 3.18 nêu trên. Qua đó đã cho thấy kết quả kiểm tra các test ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội mà luận án lựa chọn đều đạt mức độ phân bố chuẩn ở cả lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Vì thế, căn cứ từ các kết quả kiểm tra thống kê trong các bảng 3.17 và bảng 3.18, luận án tiến hành phân loại theo từng test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua theo từng lứa tuổi 11 và

lứa tuổi 12 thành 5 mức: Tốt, khá, trung bình, yếu, kém theo quy tắc 2 xích ma như sau:

Tốt: $> \bar{x} + 2\sigma$

Khá: $> \bar{x} + 1\sigma$ đến $\bar{x} + 2\sigma$

Trung bình: Từ $\bar{x} - 1\sigma$ đến $\bar{x} + 1\sigma$

Yếu: $< \bar{x} - 1\sigma$ đến $\bar{x} - 2\sigma$

Kém: $< \bar{x} - 2\sigma$

Với những test mà kết quả lập test có số đo càng nhỏ càng tốt thì 5 mức trên sẽ xếp theo hướng ngược lại. Kết quả tính toán được trình bày thành các bảng tiêu chuẩn phân loại các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12, nhằm phục vụ cho công tác đối chiếu, tham khảo sau này trong thực tiễn tuyển chọn, đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu cho đối tượng nghiên cứu ở môn Cờ Vua. Kết quả thu được như trình bày ở các bảng từ bảng 3.19 và bảng 3.20.

Thang điểm theo từng test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Cũng căn cứ vào các kết quả thống kê trong các bảng kiểm định tính phân bố chuẩn của kết quả kiểm tra các test tuyển chọn (bảng 3.14 và bảng 3.15), luận án tiến hành xây dựng bảng điểm theo thang độ C (thang điểm 10) cho từng test đã lựa chọn nhằm ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Thu được kết quả như trình bày ở bảng 3.21 và bảng 3.22. Trong thực tiễn đánh giá do có những test với kết quả kiểm tra thu được không nằm ở mức phân định được xây dựng trong các bảng điểm theo thang độ C, nên khi đánh giá trong thực tiễn có thể sử dụng phương pháp tiệm cận, nghĩa là thành tích đạt được ở một test nào đó ở gần với mức điểm nào hơn thì lấy mức điểm đó.

Xác định chuẩn điểm đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần:

Bảng 3.19. Tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo từng test trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	<28	28→30	31→32	33→34	>34
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	<1.37	1.37→<1.44	1.44→1.58	>1.58→1.65	>1.65
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	<41.21	41.21→<43.22	43.22→47.24	>47.24→49.25	>49.25
4.	Tương quan số học (điểm)	<5.60	5.60→<5.87	5.87→6.41	>6.41→6.68	>6.68
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	<8.50	8.50→<8.72	8.72→9.16	>9.16→9.38	>9.38
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	<4.63	4.63→<4.87	4.87→5.35	>5.35→5.59	>5.59
7.	Tính toán phương án (điểm)	<5.54	5.54→<5.84	5.84→6.44	>6.44→6.74	>6.74
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	<5.66	5.66→<5.94	5.94→6.50	>6.50→6.78	>6.78
9.	Phân tích thế trận (điểm)	<4.69	4.69→<4.90	4.90→5.32	>5.32→5.53	>5.53
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	<6.00	6.00→<6.29	6.29→6.87	>6.87→7.16	>7.16
11.	Lập kế hoạch (điểm)	<4.78	4.78→<5.01	5.01→5.47	>5.47→5.70	>5.70
12.	Đòn phối hợp (điểm)	<4.67	4.67→<4.89	4.89→5.33	>5.33→5.55	>5.55
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	<5.03	5.03→<5.26	5.26→5.72	>5.72→5.95	>5.95
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	<4.91	4.91→<5.12	5.12→5.54	>5.54→5.75	>5.75
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	<5.89	5.89→<6.15	6.15→6.67	>6.67→6.93	>6.93
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	<5.75	5.75→<6.01	6.01→6.53	>6.53→6.79	>6.79
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	<5.45	5.45→<5.68	5.68→6.14	>6.14→6.37	>6.37
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	<5.97	5.97→<6.26	6.26→6.84	>6.84→7.13	>7.13

Bảng 3.20. Tiêu chuẩn đánh giá phân loại theo từng test trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

TT	Test	Phân loại				
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	<29	29→<31	32→33	34→35	>35
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	<1.44	1.44→<1.49	1.49→1.59	>1.59→1.64	>1.64
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	<41.99	41.99→<44.08	44.08→48.26	>48.26→50.35	>50.35
4.	Tương quan số học (điểm)	<5.69	5.69→<5.98	5.98→6.56	>6.56→6.85	>6.85
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	<8.40	8.40→<8.63	8.63→9.09	>9.09→9.32	>9.32
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	<4.78	4.78→<5.01	5.01→5.47	>5.47→5.70	>5.70
7.	Tính toán phương án (điểm)	<5.68	5.68→<5.98	5.98→6.58	>6.58→6.88	>6.88
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	<5.89	5.89→<6.10	6.10→6.52	>6.52→6.73	>6.73
9.	Phân tích thế trận (điểm)	<4.75	4.75→<4.97	4.97→5.41	>5.41→5.63	>5.63
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	<6.25	6.25→<6.47	6.47→6.91	>6.91→7.13	>7.13
11.	Lập kế hoạch (điểm)	<4.85	4.85→<5.09	5.09→5.57	>5.57→5.81	>5.81
12.	Đòn phối hợp (điểm)	<4.74	4.74→<4.97	4.97→5.43	>5.43→5.66	>5.66
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	<5.08	5.08→<5.33	5.33→5.83	>5.83→6.08	>6.08
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	<5.00	5.00→<5.21	5.21→5.63	>5.63→5.84	>5.84
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	<6.12	6.12→<6.31	6.31→6.69	>6.69→6.88	>6.88
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	<5.94	5.94→<6.16	6.16→6.60	>6.60→6.82	>6.82
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	<5.57	5.57→<5.78	5.78→6.20	>6.20→6.41	>6.41
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	<6.33	6.33→<6.50	6.50→6.84	>6.84→7.01	>7.01

**Bảng 3.21. Bảng điểm tổng hợp theo từng test đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa
bàn thành phố Hà Nội**

TT	Test	Điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	36	35	34	33	32	31	30	29	28	27
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	1.69	1.65	1.62	1.58	1.55	1.51	1.48	1.44	1.41	1.37
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	50.26	49.25	48.25	47.24	46.24	45.23	44.23	43.22	42.22	41.21
4.	Tương quan số học (điểm)	6.82	6.68	6.55	6.41	6.28	6.14	6.01	5.87	5.74	5.60
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	9.49	9.38	9.27	9.16	9.05	8.94	8.83	8.72	8.61	8.50
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.71	5.59	5.47	5.35	5.23	5.11	4.99	4.87	4.75	4.63
7.	Tính toán phương án (điểm)	6.89	6.74	6.59	6.44	6.29	6.14	5.99	5.84	5.69	5.54
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.92	6.78	6.64	6.50	6.36	6.22	6.08	5.94	5.80	5.66
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.64	5.53	5.43	5.32	5.22	5.11	5.01	4.90	4.80	4.69
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	7.31	7.16	7.02	6.87	6.73	6.58	6.44	6.29	6.15	6.00
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.82	5.70	5.59	5.47	5.36	5.24	5.13	5.01	4.90	4.78
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.66	5.55	5.44	5.33	5.22	5.11	5.00	4.89	4.78	4.67
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	6.07	5.95	5.84	5.72	5.61	5.49	5.38	5.26	5.15	5.03
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.86	5.75	5.65	5.54	5.44	5.33	5.23	5.12	5.02	4.91
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	7.06	6.93	6.80	6.67	6.54	6.41	6.28	6.15	6.02	5.89
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.92	6.79	6.66	6.53	6.40	6.27	6.14	6.01	5.88	5.75
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	6.49	6.37	6.26	6.14	6.03	5.91	5.80	5.68	5.57	5.45
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	7.28	7.13	6.99	6.84	6.70	6.55	6.41	6.26	6.12	5.97

**Bảng 3.22. Bảng điểm tổng hợp theo từng test đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa
bàn thành phố Hà Nội**

TT	Test	Điểm									
		10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
1.	Cộng trừ số học (lần/2 phút)	37	36	35	34	33	32	31	30	29	28
2.	Soát vòng hở Landont (bis/s)	1.67	1.64	1.62	1.59	1.57	1.54	1.52	1.49	1.47	1.44
3.	Trắc nghiệm Raven (điểm)	51.40	50.35	49.31	48.26	47.22	46.17	45.13	44.08	43.04	41.99
4.	Tương quan số học (điểm)	7.00	6.85	6.71	6.56	6.42	6.27	6.13	5.98	5.84	5.69
5.	Cảm giác thời gian (điểm)	9.44	9.32	9.21	9.09	8.98	8.86	8.75	8.63	8.52	8.40
6.	Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)	5.82	5.70	5.59	5.47	5.36	5.24	5.13	5.01	4.90	4.78
7.	Tính toán phương án (điểm)	7.03	6.88	6.73	6.58	6.43	6.28	6.13	5.98	5.83	5.68
8.	Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)	6.84	6.73	6.63	6.52	6.42	6.31	6.21	6.10	6.00	5.89
9.	Phân tích thế trận (điểm)	5.74	5.63	5.52	5.41	5.30	5.19	5.08	4.97	4.86	4.75
10.	Đánh giá thế trận (điểm)	7.24	7.13	7.02	6.91	6.80	6.69	6.58	6.47	6.36	6.25
11.	Lập kế hoạch (điểm)	5.93	5.81	5.69	5.57	5.45	5.33	5.21	5.09	4.97	4.85
12.	Đòn phối hợp (điểm)	5.78	5.66	5.55	5.43	5.32	5.20	5.09	4.97	4.86	4.74
13.	Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)	6.21	6.08	5.96	5.83	5.71	5.58	5.46	5.33	5.21	5.08
14.	Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)	5.95	5.84	5.74	5.63	5.53	5.42	5.32	5.21	5.11	5.00
15.	Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)	6.98	6.88	6.79	6.69	6.60	6.50	6.41	6.31	6.22	6.12
16.	Cờ tàn phối hợp (điểm)	6.93	6.82	6.71	6.60	6.49	6.38	6.27	6.16	6.05	5.94
17.	Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)	6.52	6.41	6.31	6.20	6.10	5.99	5.89	5.78	5.68	5.57
18.	Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)	7.10	7.01	6.93	6.84	6.76	6.67	6.59	6.50	6.42	6.33

Bảng 3.23. Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 trên địa bàn thành phố Hà Nội từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng

TT	Kết quả quy đổi theo từng nhóm yếu tố thành phần			
	Năng lực trí tuệ (05 test)		Năng lực chuyên môn (13 test)	
	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng
1.	50	38.90	130	52.20
2.	45	35.01	117	46.98
3.	40	31.12	104	41.76
4.	35	27.23	91	36.54
5.	30	23.34	78	31.32
6.	25	19.45	65	26.10
7.	20	15.56	52	20.88
8.	15	11.67	39	15.66
9.	10	7.78	26	10.44
10.	5	3.89	13	5.22

Bảng 3.24. Bảng điểm quy đổi các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội từ thang điểm 10 sang thang điểm có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng

TT	Kết quả quy đổi theo từng nhóm yếu tố thành phần			
	Năng lực trí tuệ (05 test)		Năng lực chuyên môn (13 test)	
	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng	Tổng điểm theo thang độ C	Tổng điểm quy đổi theo tỷ trọng
1.	50	37.90	130	56.30
2.	45	34.11	117	50.67
3.	40	30.32	104	45.04
4.	35	26.53	91	39.41
5.	30	22.74	78	33.78
6.	25	18.95	65	28.15
7.	20	15.16	52	22.52
8.	15	11.37	39	16.89
9.	10	7.58	26	11.26
10.	5	3.79	13	5.63

Từ các kết quả nghiên cứu như đã trình bày ở trên, luận án đã tiến hành chuẩn điểm đánh tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng của từng nhóm yếu tố thành phần: yếu tố năng lực trí tuệ và yếu tố chuyên môn. Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.23 và 3.24.

Từ kết quả xác định tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần như đã xác định ở trên cho thấy, đối với đối tượng nghiên cứu, điểm tối đa các yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội là tổng điểm đạt được của các nhóm yếu tố thành phần đó. Cụ thể là:

Nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11:

$$38.90 + 52.20 = 91.10 \text{ điểm}$$

Nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12:

$$37.90 + 56.30 = 94.20 \text{ điểm}$$

Như vậy, tổng điểm đạt được của các nhóm test sẽ là tổng tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần, trong đó tổng điểm đạt được của từng nhóm yếu tố thành phần chính là tỷ trọng ảnh hưởng của nhóm đó. Do đó tổng điểm đạt được của các test lựa chọn thuộc các nhóm yếu tố được quy đổi theo từng đối tượng riêng biệt như trình bày ở bảng 3.25.

Bảng 3.25. Tổng điểm của các test tuyển chọn sau khi đã quy đổi theo tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần

Lứa tuổi	Tổng điểm đạt theo từng nhóm yếu tố thành phần		Tổng điểm
	Năng lực trí tuệ	Năng lực chuyên môn	
11	38.90	52.20	91.10
12	37.90	56.30	94.20

Từ kết quả nghiên cứu như đã trình bày ở trên, các test lựa chọn trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội theo các nhóm yếu tố thành phần bao gồm:

Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test

Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn: 13 test

Điểm đạt được của mỗi test được quy theo thang điểm 10, nghĩa là tổng điểm đạt được tối đa của mỗi test là 10 điểm. Do vậy, tổng điểm tối đa đạt được (sau khi tra các bảng điểm 3.18 và 3.19) của mỗi nhóm yếu tố thành phần ở các đối tượng nam VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội theo từng lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 sẽ là:

Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test - Điểm tối đa 50 điểm.

Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn: 13 test - Điểm tối đa 130 điểm.

Trên cơ sở kết quả tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần đã xác định được, quá trình nghiên cứu luận án tiến hành quy đổi thang điểm theo thang độ C thành thang điểm của các nhóm yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng (bảng 3.15), thu được như trình bày ở bảng 3.23 và 3.24 ở trên.

Bảng 3.26. Tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần

Xếp loại	Điểm tổng hợp theo lứa tuổi có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng	
	Lứa tuổi 11 (tổng điểm tối đa là 91.10)	Lứa tuổi 12 (tổng điểm tối đa là 94.20)
Tốt	≥ 81.99	≥ 84.78
Khá	$63.77 \rightarrow < 81.99$	$65.94 \rightarrow < 84.78$
Trung bình	$45.55 \rightarrow < 63.77$	$47.10 \rightarrow < 65.94$
Yếu	$27.33 \rightarrow < 45.55$	$28.26 \rightarrow < 47.10$
Kém	< 27.33	< 28.26

Từ kết quả thu được ở các bảng 3.23 và bảng 3.24, căn cứ vào kết quả xây dựng tiêu chuẩn xếp loại theo quy tắc 2 xích ma cho từng test (bảng 3.19 và 3.20), luận án tiến hành xây dựng bảng tiêu chuẩn xếp loại đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 theo 5

mức: tốt, khá, trung bình, yếu và kém sau khi đã tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của từng yếu tố thành phần. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.26.

3.3.2. Ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thực tiễn huấn luyện

3.3.2.1. Tổ chức ứng dụng các test, tiêu chuẩn đã xây dựng

Căn cứ vào kết quả kiểm tra sư phạm và tâm lý, luận án đã thu được từ 150 VĐV lứa tuổi 11 - 12 tại các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT trên địa bàn thành phố Hà Nội (gồm 75 nam VĐV lứa tuổi 11 và 75 nam VĐV lứa tuổi 12), trên cơ sở đó, quá trình nghiên cứu của luận án đã xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần.

Để xác định hiệu quả của các tiêu chuẩn đã xây dựng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đã xây dựng, trong quá trình tổ chức ứng dụng xác định hiệu quả các tiêu chuẩn đã xây dựng, luận án đã sử dụng các phương pháp sau:

1) So sánh kết quả đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu (bằng chỉ số khi bình phương trên nhóm kiểm chứng) giữa tiêu chuẩn tuyển chọn của luận án đã xây dựng với các tiêu chuẩn do các đơn vị xây dựng và đã được áp dụng tại các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng kiểm tra của luận án là 100 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 tại một số Câu lạc bộ, Trung tâm TDDT có đào tạo VĐV Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2) Xác định hiệu quả tuyển chọn: Luận án tiến hành kiểm tra thông qua 18 test và tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng, trên cơ sở đó đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu (thông qua tiêu chuẩn tổng hợp trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12) để xác định hiệu quả tuyển chọn (S_t), hiệu quả tuyển chọn ban đầu (S_0) và hệ số tuyển chọn (P). Luận án căn cứ vào mức độ đánh giá, phân loại “tuyển một - năng khiếu”, “tuyển hai - phong trào” của các Câu

lạc bộ và các Trung tâm TDTT xác định, cũng như căn cứ vào số lượng VĐV được giữ lại theo hàng năm, luận án đã so sánh về hiệu quả tuyển chọn (S_t) và hệ số tuyển chọn (P) theo các công thức như đã trình bày ở mục 2.1.5 chương 2. Đối tượng kiểm tra là 100 nam VĐV Cờ vua lứa tuổi 11 - 12 (nhóm kiểm chứng) tại một số Câu lạc bộ, Trung tâm TDTT có đào tạo VĐV Cờ Vua trẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3) Sử dụng phương pháp kiểm tra ngược trên 150 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 (gồm 75 VĐV lứa tuổi 11, 75 VĐV lứa tuổi 12 thuộc nhóm kiểm tra sư phạm) tại các Trung tâm TDTT, một số CLB Cờ Vua trên địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi kiểm tra sư phạm, tâm lý và tiến hành đối chiếu với tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng, luận án tiến hành so sánh, đối chiếu với kết quả thi đấu, xếp hạng của các VĐV tại giải vô địch Cờ Vua nhanh Hà Nội mở rộng năm 2024 nhằm xác định độ tin cậy, mức độ chính xác của các tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng.

3.3.2.2. Xác định hiệu quả của các tiêu chuẩn đã xây dựng

Kết quả so sánh tiêu chuẩn xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên nhóm kiểm chứng:

Để xác định hiệu quả hệ thống các tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, sau khi tiến hành kiểm tra sư phạm trên 18 test đã lựa chọn và đối chiếu với tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn đã được xây dựng, luận án tiến hành so sánh sự khác biệt về kết quả đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu giữa tiêu chuẩn tuyển chọn của luận án đã xây dựng với các tiêu chuẩn do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng và áp dụng.

Đối tượng kiểm tra là 100 nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 12 (trong đó lứa tuổi 11 có 50 VĐV, lứa tuổi 12 có 50 VĐV) thuộc các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội (các đơn vị có đào

tạo, huấn luyện VĐV Cờ Vua. Đây chính là nhóm kiểm chứng như đã trình bày ở chương 2 của luận án. Số lượng các VĐV này cũng được tập luyện theo chương trình huấn luyện chuyên môn hóa sâu (chương trình huấn luyện 2 - 3 năm) do Liên đoàn Cờ Việt Nam hướng dẫn xây dựng, đồng thời trong quá trình huấn luyện, các VĐV đều được áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá do các đơn vị xây dựng (dưới sự hướng dẫn của Liên đoàn Cờ Việt Nam). Kết quả thu được như trình bày ở các bảng 3.27 cho thấy:

Bảng 3.27. So sánh kết quả xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa tiêu chuẩn do luận án xây dựng và tiêu chuẩn của các Câu lạc bộ Cờ Vua, Trung tâm TDDT

Hệ thống tiêu chuẩn	Lứa tuổi	Kết quả xếp loại tổng hợp tuyển chọn					χ^2	P
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém		
Luận án xây dựng	11 (n = 50)	31	13	5	1	0	10.310	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		17	16	11	5	1		
Luận án xây dựng	12 (n = 50)	35	8	6	1	0	17.709	<0.01
Các CLB, Trung tâm TDDT		15	16	11	6	2		

Khi so sánh kết quả đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua ở cả 2 lứa tuổi 11 và 12 giữa tiêu chuẩn tuyển chọn của luận án đã xây dựng với tiêu chuẩn tuyển chọn của các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT xây dựng và áp dụng trong quá trình huấn luyện, kết quả xác định giá trị $\chi^2_{\text{tính}}$ đều lớn hơn giá trị $\chi^2_{\text{bảng}} = 9.488, 13.277$ ở ngưỡng xác suất từ $P < 0.05$ đến $P < 0.01$. Điều đó cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả, mức độ chính xác trong tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu giữa 2 hệ thống tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng. Nói một cách khác, hệ thống các test, tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu mà luận án xây dựng được đã thể

hiện mức độ chính xác, và đem lại hiệu quả trong tuyển chọn cho nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội cao hơn hẳn so với các tiêu chuẩn mà các đơn vị xây dựng, áp dụng trong quá trình huấn luyện.

Xác định hiệu quả của tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 bằng phương pháp xác định hiệu quả tuyển chọn:

Căn cứ vào kết quả đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 (có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần), luận án tiến hành thực hiện các bước tuyển chọn trên nhóm kiểm chứng thông qua 2 hệ thống test và tiêu chuẩn (tiêu chuẩn của luận án xây dựng và tiêu chuẩn của các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng).

Quá trình nghiên cứu cũng đã theo dõi trên đối tượng 100 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 13 thuộc các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội có đào tạo, huấn luyện VĐV Cờ Vua. Thời điểm tiến hành tuyển chọn vào tháng 6/2024. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.28, bảng 3.29 và biểu đồ 3.3, biểu đồ 3.4.

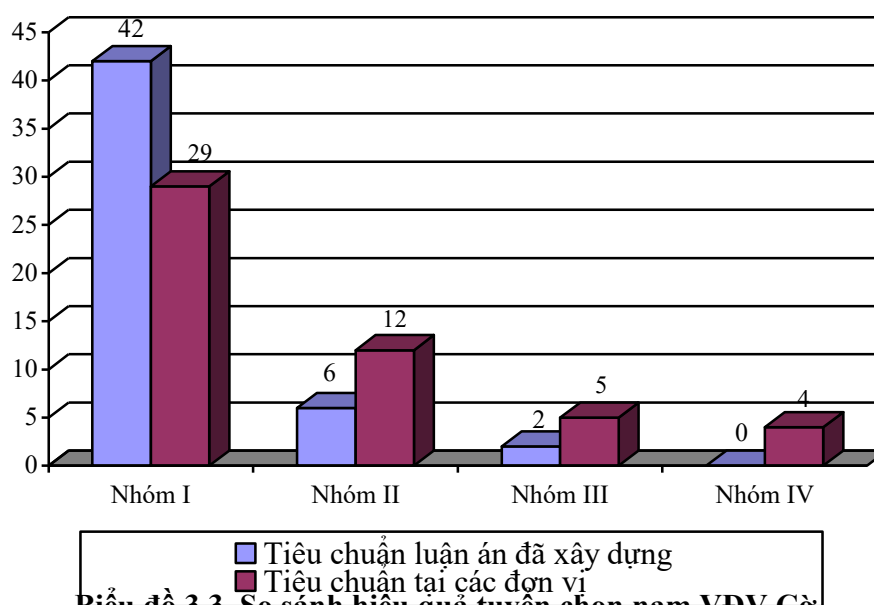
Bảng 3.28. So sánh số lượng VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn khác nhau

Hệ thống tiêu chuẩn	Lứa tuổi	Kết quả tuyển chọn				χ^2	P
		Số VĐV tuyển đúng (I)	Số VĐV loại đúng (II)	Số VĐV loại sai (III)	Số VĐV tuyển sai (IV)		
Luận án xây dựng	11 (n = 50)	42	6	2	0	9.666	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDTT		29	12	5	4		
Luận án xây dựng	12 (n = 50)	41	7	2	0	8.816	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDTT		28	17	3	2		

Căn cứ vào kết quả thu được ở bảng 3.28, có thể xác định được hiệu quả tuyển chọn theo các hệ thống tiêu chuẩn như sau (bảng 3.29).

Bảng 3.29. So sánh hiệu quả tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn khác nhau

Hệ thống tiêu chuẩn	Lứa tuổi	Hiệu quả tuyển chọn			χ^2	P
		Hiệu quả tuyển chọn (S_t)	Hiệu quả tuyển chọn ban đầu (S_0)	Hệ số tuyển chọn (P)		
Luận án xây dựng	11 (n = 50)	100.00%	88.00%	84.00%	6.424	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		87.88%	68.00%	66.00%		
Luận án xây dựng	12 (n = 50)	100.00%	86.00%	82.00%	7.837	<0.05
Các CLB, Trung tâm TDDT		93.33%	62.00%	60.00%		



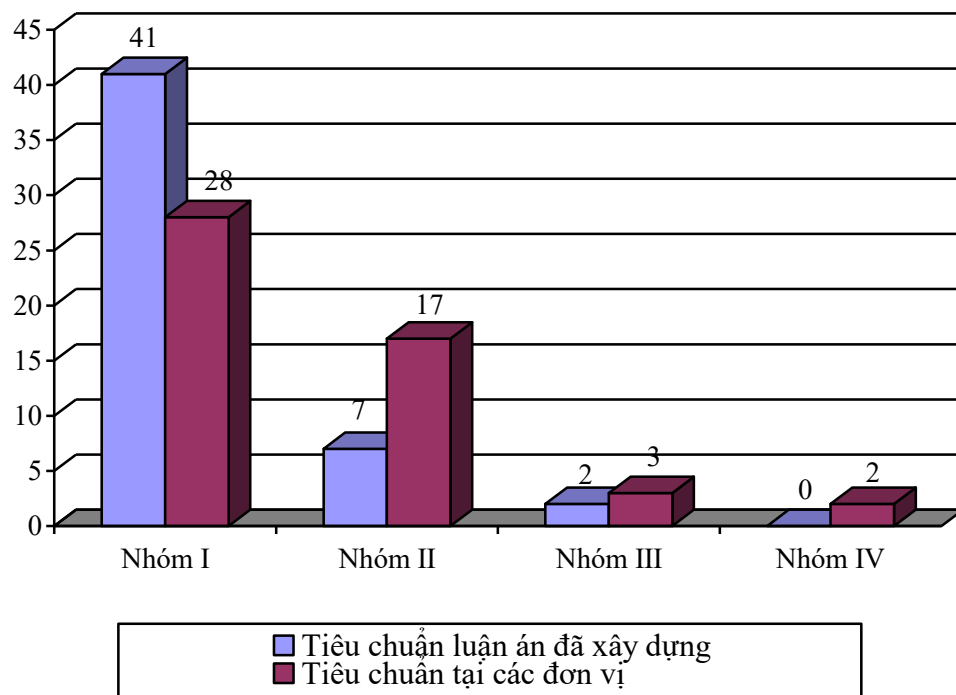
Biểu đồ 3.3. So sánh hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 theo tiêu chuẩn đã xây dựng với tiêu chuẩn tuyển chọn tại Các câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT

Từ các kết quả thu được ở bảng 3.28, bảng 3.29 và biểu đồ 3.3, biểu đồ 3.4 cho thấy:

Khi so sánh kết quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giữa tiêu chuẩn đánh giá của luận án đã xây dựng với tiêu chuẩn đánh giá do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDDT xây

dụng áp dụng tại các đơn vị, các CLB, kết quả xác định giá trị $\chi^2_{\text{tính}}$ đều lớn hơn giá trị $\chi^2_{\text{bảng}} = 7.815$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Theo những số liệu ở bảng 3.28 thì, số VĐV giữ lại và chuyển lên tuyến trên cũng như số VĐV bị thải loại đúng theo tiêu chuẩn của luận án đã xây dựng và tiêu chuẩn hiện hành các đơn vị xây dựng về cơ bản là không có sự khác biệt đáng kể. Nhưng nếu so sánh số VĐV bị thải loại sai và số VĐV giữ nhầm theo 2 cách tuyển chọn thì đã có sự khác biệt rõ rệt, mà sự sai sót, nhầm lẫn chủ yếu là thuộc về cách thức tuyển chọn hiện hành do các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT xây dựng và áp dụng.



Biểu đồ 3.4. So sánh hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 12 theo tiêu chuẩn đã xây dựng với tiêu chuẩn tuyển chọn tại các Câu lạc bộ, các Trung tâm TDDT

Về kết quả so sánh sự khác biệt hiệu quả tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội (thông qua hiệu quả tuyển chọn - S_t , hiệu quả tuyển chọn ban đầu - S_0 và hệ số tuyển chọn P) giữa tiêu chuẩn đánh giá của luận án đã xây dựng với tiêu chuẩn đánh giá do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDDT xây dựng áp dụng tại các đơn vị, các

CLB cũng cho kết quả có sự khác biệt rõ rệt (kết quả xác định giá trị $\chi^2_{\text{tính}}$ đều lớn hơn giá trị $\chi^2_{\text{bảng}} = 5.991$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$).

Cũng căn cứ vào bảng 3.29 cho thấy, theo tiêu chuẩn mà luận án đã xây dựng được thì hiệu quả tuyển chọn nói chung và hiệu quả tuyển chọn ban đầu nói riêng, cũng như hệ số tuyển chọn đều đạt được rất cao so với các tiêu chuẩn hiện hành áp dụng tại các đơn vị. Điều này bước đầu có thể khẳng định được giá trị của hệ thống các test và tiêu chuẩn tuyển chọn mà luận án đã xây dựng được.

Như vậy, từ các kết quả nghiên cứu nêu trên cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả tuyển chọn, mức độ chính xác trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 giữa 2 hệ thống tiêu chuẩn đánh giá đã xây dựng. Hay nói một cách khác, hệ thống các test và tiêu chuẩn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu mà luận án xây dựng được đã thể hiện mức độ chính xác, và đem lại hiệu quả trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn chuyên môn hóa sâu (ở cả lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12) cao hơn hẳn so với các tiêu chuẩn do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng và triển khai áp dụng tại các đơn vị.

Kết quả sử dụng phương pháp kiểm tra ngược trên nhóm kiểm tra sự phạm:

Từ kết quả nghiên cứu trên, luận án ứng dụng tiêu chuẩn đã xây dựng được để tiến hành kiểm tra sơ bộ (đối chiếu với tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội - thuộc nhóm kiểm tra sự phạm sau 12 tháng tập luyện), sau đó đối chiếu với thành tích thi đấu của các đối tượng này tại giải vô địch Cờ Vua nhanh Hà Nội mở rộng năm 2024 theo các lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12. Ở đây luận án chỉ lấy ngẫu nhiên 25 nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 (thuộc nhóm kiểm tra sự phạm) làm ví dụ, kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.30.

Bảng 3.30. Kết quả kiểm tra ngược thông qua tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng - thời điểm sau 1 năm tập luyện

TT	VĐV	Lứa tuổi	Điểm đạt được của các nhóm yếu tố		Tổng điểm tuyển chọn	Xếp loại tuyển chọn	Thành tích thi đấu	
			Năng lực trí tuệ	Năng lực chuyên môn			Tổng điểm	Xếp hạng
1.	Nº 1	11	37.50	49.10	86.60	Tốt	8.0	1
2.	Nº 2	11	37.70	49.30	87.00	Tốt	8.0	1
3.	Nº 3	11	37.20	48.90	86.10	Tốt	7.5	2
4.	Nº 4	11	36.80	48.50	85.30	Tốt	7.5	2
5.	Nº 5	11	35.70	48.10	83.80	Tốt	7.5	3
6.	Nº 6	11	35.50	48.00	83.50	Tốt	7.0	4
7.	Nº 7	11	35.20	47.70	82.90	Tốt	7.0	5
8.	Nº 8	11	35.10	47.50	82.60	Tốt	7.0	6
9.	Nº 9	11	32.30	44.40	76.70	Khá	7.0	7
10.	Nº 10	11	32.40	44.20	76.60	Khá	7.0	7
11.	Nº 11	11	32.30	41.50	73.80	Khá	6.5	8
12.	Nº 12	11	31.70	40.60	72.30	Khá	6.5	8
13.	Nº 13	12	36.70	51.50	88.20	Tốt	8.0	1
14.	Nº 14	12	36.50	51.70	88.20	Tốt	8.0	1
15.	Nº 15	12	35.80	50.60	86.40	Tốt	8.0	2
16.	Nº 16	12	34.80	50.90	85.70	Tốt	7.5	3
17.	Nº 17	12	34.70	50.70	85.40	Tốt	7.5	3
18.	Nº 18	12	34.60	50.50	85.10	Tốt	7.0	4
19.	Nº 19	12	34.50	50.40	84.90	Tốt	7.0	5
20.	Nº 20	12	34.80	50.10	84.90	Tốt	7.0	5
21.	Nº 21	12	33.20	49.30	82.50	Khá	6.5	6
22.	Nº 22	12	33.10	49.20	82.30	Khá	6.5	6
23.	Nº 23	12	32.60	48.30	80.90	Khá	6.5	7
24.	Nº 24	12	30.80	48.10	78.90	Khá	6.5	7
25.	Nº 25	12	30.70	46.10	76.80	Khá	6.0	8

Từ kết quả thu được ở bảng 3.30 cho thấy, tổng điểm đạt được và mức xếp loại của các VĐV khi đối chiếu với tiêu chuẩn tuyển chọn đã xây dựng có sự tương đồng với thành tích thi đấu (tổng điểm đạt được của các ván đấu và thứ hạng đạt được trong giải đấu). Các VĐV có điểm xếp loại theo tiêu chuẩn tuyển chọn cao thì sẽ đạt thành tích thi đấu cao và ngược lại.

Như vậy có thể thấy rằng, thông qua kiểm tra ngược để so sánh giữa tổng điểm đánh giá trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua trẻ lứa tuổi 11 - 13 với thành tích thi đấu của họ càng chứng tỏ VĐV có mức độ biểu hiện năng khiếu cao thì thành tích thi đấu cũng cao. Hay nói một cách khác, VĐV đã có sự chuẩn bị toàn diện tốt về các mặt năng lực trí tuệ, thể lực chung và các yếu tố chuyên môn thì đó là điều kiện quan trọng để đạt thành tích cao trong thi đấu, và ngược lại. Điều này đã được không ít nhà khoa học có tên tuổi tiên đoán và chứng minh. Các kết quả trên đây một lần nữa khẳng định độ tin cậy, tính đúng đắn và hiệu quả của hệ thống các tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 thông qua hệ thống 18 test và các tiêu chuẩn tuyển chọn mà quá trình nghiên cứu luận án đã xây dựng. Các test và các tiêu chuẩn xây dựng hoàn toàn có cơ sở khoa học với độ ổn định, độ tin cậy cao.

3.3.3. Bàn luận về kết quả xây dựng, ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.3.3.1. Về kết quả xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trong thực tiễn nghiên cứu khoa học TDTT, cũng như thực tiễn công tác tuyển chọn, dự báo thành tích của VĐV, người ta sử dụng thang chuẩn làm tỷ lệ xích trong loại thang độ này, vì vậy được gọi là thang độ chuẩn. Thang chuẩn được xây dựng trên cơ sở kết quả kiểm tra của tập hợp mẫu đã được kiểm định cơ sở khoa học cần thiết (mức độ đồng đều, tính đại diện, sai số tương đối của số trung bình cộng và tính phân bố chuẩn về kết quả kiểm tra

của tập hợp mẫu...), bao gồm tiêu chuẩn phân loại theo quy tắc 2 xích ma, thang điểm tuyển chọn VĐV Cờ Vua theo thang độ C.

Ngoài ra, để xác định chính xác các yếu tố ảnh hưởng và mức độ phụ thuộc của năng khiếu thể thao, người ta còn xây dựng tiêu chuẩn (thang điểm) có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các yếu tố thành phần trong tuyển chọn VĐV. Thang điểm này được xây dựng với mục đích đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu thể thao của VĐV thông qua việc xác định mức độ ưu tiên (tỷ trọng thành phần) của các nhóm yếu tố năng lực chuyên môn (tâm lý, thể chất, chuyên môn...) đến thành tích thi đấu của các VĐV Cờ Vua.

Kết quả nghiên cứu của luận án đã xây dựng được 02 bảng tiêu chuẩn phân loại theo quy tắc 2 xích ma cho từng test (ứng với lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12), 02 bảng điểm tổng hợp cho từng test theo thang độ C, 02 bảng điểm quy đổi theo tỷ trọng ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần, 01 bảng điểm đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần. Hệ thống các tiêu chuẩn tuyển chọn giúp cho các nhà chuyên môn có thể dễ dàng tham chiếu và sử dụng trong thực tiễn tuyển chọn các VĐV.

Các bảng điểm quy đổi các yếu tố cấu thành đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của VĐV Cờ Vua có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng tương ứng của nam VĐV lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12 giúp các HLV trong thực tiễn huấn luyện có những cơ sở khoa học cần thiết để xác định mức độ biểu hiện năng khiếu môn Cờ Vua của VĐV theo từng nhóm yếu tố cấu thành. Qua đó xác định mức độ phát triển ở từng VĐV và có hướng tập trung huấn luyện cụ thể cho từng đối tượng. Đồng thời, là cơ sở để đánh giá và dự báo thành tích của VĐV để có thể tiếp tục tập luyện nâng cao hay đào thải kịp thời.

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn VĐV có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng được xây dựng theo 5 mức độ: tốt, khá, trung bình, yếu và kém là tiêu chuẩn vừa mang tính chất định tính, vừa mang tính chất định

lượng. Kết quả này là căn cứ khoa học có ý nghĩa thực tiễn cao trong công tác kiểm tra, đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu thể thao nhằm tuyển chọn các VĐV cho giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, đồng thời đây cũng là tài liệu quan trọng giúp các HLV trong kiểm tra, đánh giá quá trình huấn luyện VĐV Cờ Vua ở giai đoạn trước đó.

Kết quả nghiên cứu đạt được của luận án cũng có sự tương đồng với các kết quả nghiên cứu của các tác giả đã công bố như: Đàm Quốc Chính (1999) [8], Đặng Văn Dũng (2006) [12], Nguyễn Hồng Dương (2008) [16], Hà Minh Dịu (2015) [9], Tạ Hữu Minh (2019) [38], trong đó tiêu biểu có thể so sánh với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hồng Dương (2008) [16].

Về thang điểm tổng hợp trong tuyển chọn, đây là thang điểm đánh giá tổng hợp của tất cả các test thuộc các nhóm yếu tố thành phần ứng dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua (thang điểm đánh giá cuối cùng). Tuy nhiên, để đạt được tổng điểm ở một loại nào đó, không nhất thiết từng test phải đạt được số điểm như ở từng tiêu chuẩn thuộc loại đó - nghĩa là có thể lấy điểm đạt cao của test này bù cho điểm đạt thấp của test khác, miễn là tổng điểm đạt được phải nằm trong khoảng xác định của bảng phân loại tổng hợp, nhưng với điều kiện không có quá nhiều nội dung nằm ở mức độ yếu và kém, đặc biệt là các yếu tố chuyên môn (khả năng ghi nhớ, kỹ năng tính toán, năng lực tư duy...).

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 mà luận án đã xây dựng được về cơ bản đã bao quát, tổng hợp được kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước như N.G. Alecxâyev (1984), Malkin (1990), Dlotnich (1996), Đàm Quốc Chính (1999), Đặng Văn Dũng (1999), Dương Minh Tuệ (2008), Nguyễn Hồng Dương (2008), Tạ Hữu Minh (2019)... [11], [16], [38], [64], [90], đồng thời cho phép đánh giá tương đối toàn diện và có tính khả thi cao. Mỗi kết quả nghiên cứu của các tác giả khác chỉ tập trung vào một nội dung như: Malkin (1990) thì tập trung đánh giá năng lực trí tuệ của VĐV Cờ Vua

qua các phương pháp y sinh và tâm lý; Dłotnhic (1996) [10] lại quan tâm sử dụng phương pháp nghiên cứu chuyên biệt trong Cờ Vua; Đàm Quốc Chính (1999) [8] mới chỉ quan tâm đến năng lực chuyên môn của VĐV Cờ Vua...

Từ những kết quả nghiên cứu đã đạt được ở trên, cho phép có những nhận xét sau:

Trên cơ sở 18 test đã lựa chọn, luận án đã tiến hành kiểm tra sự phạm và kiểm tra tâm lý trên đối tượng nghiên cứu, và kết quả cho thấy xu hướng diễn biến tăng trưởng thành tích qua các thời điểm kiểm tra là phù hợp với quy luật phát triển của đối tượng nghiên cứu và phù hợp với đặc thù chuyên môn của môn Cờ Vua. Đồng thời kết quả kiểm tra cũng cho thấy có sự khác biệt về kết quả của các test ở các lứa tuổi khác nhau (lứa tuổi 11 và lứa tuổi 12) làm cơ sở cho việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn theo lứa tuổi của đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn chuyên môn hóa sâu.

Quá trình nghiên cứu của luận án đã xây dựng được hệ thống các bảng phân loại, các bảng điểm tổng hợp và các bảng tiêu chuẩn tuyển chọn cho nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng, đây là các tiêu chuẩn có đầy đủ cơ sở khoa học, đủ độ tin cậy, chính xác nhằm đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu cho đối tượng nghiên cứu với các chỉ dẫn cụ thể trong việc áp dụng vào thực tiễn.

3.3.3.2. Về kết quả ứng dụng tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trên cơ sở các test đã lựa chọn, luận án đã tiến hành kiểm tra sự phạm, tâm lý trên đối tượng nghiên cứu, và kết quả cho thấy xu hướng diễn biến tăng trưởng thành tích qua các thời điểm kiểm tra là phù hợp với quy luật phát triển của đối tượng nghiên cứu và phù hợp với đặc thù chuyên môn của môn Cờ Vua. Đồng thời kết quả kiểm tra cũng cho thấy có sự khác biệt về kết quả của các test ở các thời điểm ban đầu và sau 12 tháng tập luyện, làm cơ sở cho việc xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 ở giai

đoạn chuyên môn hóa sâu trong quá trình huấn luyện. Quá trình nghiên cứu của luận án cũng đã xây dựng được hệ thống các bảng phân loại, các bảng điểm tổng hợp và các bảng tiêu chuẩn tổng hợp trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, đây là các tiêu chuẩn có đầy đủ cơ sở khoa học, đủ độ tin cậy, chính xác nhằm đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu cho đối tượng nghiên cứu với các chỉ dẫn cụ thể trong việc áp dụng vào thực tiễn.

Với các tiêu chuẩn tuyển chọn có tính đến tỷ trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần đã xây dựng, luận án đã tiến hành kiểm nghiệm trong thực tiễn cho đối tượng nghiên cứu và cho thấy khi so sánh với các phương pháp tuyển chọn, các tiêu chuẩn tuyển chọn khác của các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT và các đơn vị xây dựng áp dụng đã thể hiện rõ tính hiệu quả rõ rệt. Mặt khác, hiệu quả của các tiêu chuẩn tuyển chọn mà luận án đã xây dựng còn thể hiện rõ tính hiệu quả bằng phương pháp đánh giá ngược trên chính đối tượng theo dõi dọc trong quá trình nghiên cứu của luận án.

Điều đó cho thấy, phương pháp tuyển chọn căn cứ vào tiêu chuẩn được xây dựng một cách có đủ cơ sở khoa học đã đem lại hiệu quả khác biệt so với các phương pháp tuyển chọn trước đây của các đơn vị như đã tìm hiểu khi đánh giá thực trạng công tác tuyển chọn tại các đơn vị (tuyển chọn căn cứ vào kết quả học tập văn hóa, tuyển chọn căn cứ vào kết quả thi đấu kết hợp với yếu tố kinh nghiệm của các nhà chuyên môn - mục 3.1.1 chương 3).

Từ những kết quả nghiên cứu đã đạt được ở trên, cho phép có những nhận xét sau: Với các tiêu chuẩn đã xây dựng, luận án đã tiến hành kiểm nghiệm trong thực tiễn tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu và cho thấy khi so sánh với các phương pháp tuyển chọn, các tiêu chuẩn tuyển chọn khác của các đơn vị áp dụng đã thể hiện rõ tính hiệu quả. Mặt khác, hiệu quả của tiêu chuẩn tuyển chọn mà luận án đã xây dựng còn thể hiện rõ tính hiệu quả bằng phương pháp đánh giá ngược trên chính đối tượng theo dõi dọc, cũng như sự khác biệt trên nhóm kiểm chứng trong quá trình nghiên cứu của luận án.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu đã đạt được của luận án, cho phép đi đến một số kết luận sau:

1. Kết quả nghiên cứu của luận án đã đánh giá được thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội còn nhiều hạn chế nhất định về hình thức và phương pháp tuyển chọn, trong đó có đến 60.00% các đơn vị vẫn sử dụng phương pháp tuyển chọn qua kết quả học tập văn hóa và kết quả thi đấu kết hợp với kinh nghiệm của các HLV.

Qua các bước nghiên cứu chặt chẽ, luận án đã xác lập được hệ thống gồm 18 test chuyên môn đặc trưng thuộc 2 nhóm yếu tố thành phần: năng lực trí tuệ và năng lực chuyên môn đảm đủ bảo độ tin cậy, có giá trị thông báo cao ứng dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với giai đoạn chuyên môn hóa sâu, bao gồm:

Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ: 05 test.

Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn: 13 test.

2. Hai nhóm yếu tố được lựa chọn nêu trên cho phép xác nhận bản chất tác động và ảnh hưởng của từng nhóm tới mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các nhóm yếu tố này có tỷ trọng ảnh hưởng giống nhau theo lứa tuổi của VĐV, trong đó nhóm yếu tố năng lực chuyên môn có mức độ ảnh hưởng đến thành tích thi đấu lớn hơn so với các nhóm yếu tố năng lực chuyên môn. Mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố thành phần đã được xác định và kiểm nghiệm trong thực tiễn công tác tuyển chọn, huấn luyện và kiểm tra - đánh giá của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 đảm bảo đủ độ tin cậy cần thiết.

3. Luận án đã xây dựng được 02 bảng phân loại, 02 bảng điểm tổng hợp theo từng test và 01 bảng điểm tổng hợp xếp loại trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính đến tỷ

trọng ảnh hưởng của các nhóm yếu tố thành phần. Các tiêu chuẩn đã xây dựng cho phép đánh giá thuận tiện, chính xác và khách quan mức độ biểu hiện năng khiếu trong tuyển chọn của đối tượng nghiên cứu ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Các tiêu chuẩn tuyển chọn do luận án nghiên cứu hoàn toàn có sự khác biệt đáng kể (ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$) so với tiêu chuẩn hiện hành do các Câu lạc bộ Cờ Vua, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội xây dựng và áp dụng, trong đó ưu việt thuộc về tiêu chuẩn của luận án đã nghiên cứu xây dựng (thể hiện qua các kết quả kiểm tra ngược; các chỉ số đánh giá hiệu quả tuyển chọn: hiệu quả tuyển chọn - S_t , hiệu quả tuyển chọn ban đầu - S_0 , Hệ số tuyển chọn - P).

B. Kiến nghị

Từ những kết quả nêu trên của quá trình nghiên cứu cho phép đi đến một số kiến nghị sau:

1. Phương pháp tuyển chọn VĐV Cờ Vua giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu thông qua tiêu chuẩn xây dựng đảm bảo đủ cơ sở khoa học có thể được coi là phương pháp tuyển chọn khoa học, nên được áp dụng rộng rãi tại các câu lạc bộ, các Trung tâm TDTT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Hệ thống 18 test thuộc 2 nhóm yếu tố thành phần và các tiêu chuẩn có thể được coi là các nội dung và tiêu chuẩn nên được áp dụng rộng rãi trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình huấn luyện. Đồng thời các test và tiêu chuẩn tuyển chọn này nên được sử dụng rộng rãi trong công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên phạm vi toàn quốc.

3. Trong quá trình kiểm tra - đánh giá mức độ biểu hiện năng khiếu của nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12, nên được xem xét và theo dõi về nhịp độ tăng trưởng của các test. Nếu có sự chững lại thì phải có sự điều chỉnh về chương trình, kế hoạch và lượng vận động trong thực tiễn huấn luyện.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Hằng (2024), “Lựa chọn các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Thể thao*, (Số 2/2024), Viện Khoa học Thể dục thể thao, tr. 8 - 12.
2. Nguyễn Thị Hằng (2024), “Xác định đặc điểm diễn biến các test tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau 1 năm tập luyện”, *Tạp chí Khoa học Thể thao*, (Số 4/2024), Viện Khoa học Thể dục thể thao, tr. 20 - 24.
3. Nguyễn Thị Hằng (2024), “Xác định tỷ trọng ảnh hưởng của các yếu tố thành phần trong tuyển chọn nam vận động viên Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Thể thao*, (Số 6/2024), Viện Khoa học Thể dục thể thao, tr. 10 - 15.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt:

1. Aulic I.V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, Dịch: Phạm Ngọc Trâm, Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Nguyễn Dương Bắc (2010), *Ứng dụng các tiến bộ về kỹ thuật, y sinh học xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn ban đầu vận động viên ba môn thể thao truyền thống (Vật, Karatedo, Cờ Vua) tỉnh Bắc Ninh*, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh Bắc Ninh.
3. Dương Thanh Bình (2005), *Nghiên cứu đánh giá trình độ tập luyện của nam VĐV Cờ vua lứa tuổi 12 - 13 tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, trường Đại học TDTT 2.
4. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1991), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, Nxb TDTT thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Ngọc Cừ (1997), “*Khoa học tuyển chọn tài năng thể thao*”, Tài liệu dùng cho lớp bồi dưỡng nghiệp vụ HLV các môn thể thao, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Cừ, Dương Nghiệp Chí (2000), *Huấn luyện với trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể*, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội, tr. 7.
7. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
8. Đàm Quốc Chính, Đặng Văn Dũng, Nguyễn Hồng Dương (1999), *Giáo trình Cờ vua*, Nxb TDTT, Hà Nội.
9. Hà Minh Dịu (2015), *Ứng dụng các chỉ số tâm lý và chuyên môn (sur phạm) trong đánh giá trình độ tập luyện vận động viên Cờ vua lứa tuổi 8 - 10 trên địa bàn các tỉnh phía bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.
10. Dłotnhic (1996), *Cờ vua: Khoa học - Kinh nghiệm - Trình độ*, Dịch: Đàm Quốc Chính, Nxb TDTT, Hà Nội.

11. Đặng Văn Dũng (1999), *Nghiên cứu ứng dụng các Test đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cờ Vua các đẳng cấp khác nhau tại Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
12. Đặng Văn Dũng (2006), *Lượng vận động tập luyện thi đấu của vận động viên Cờ Vua trong chu kỳ chuẩn bị năm*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Hội đồng Đại học tổng hợp TDTT và Du lịch quốc gia Liên bang Nga, Matxcova.
13. Đặng Văn Dũng (2020), *Xây dựng chương trình đào tạo vận động viên Cờ vua giai đoạn huấn luyện ban đầu cho các Câu lạc bộ Cờ Vua chuyên nghiệp miền Bắc*, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
14. Đặng Văn Dũng (2021), *Xây dựng chương trình đào tạo vận động viên Cờ Vua giai đoạn chuyên môn hóa cho các Câu lạc bộ Cờ Vua chuyên nghiệp miền Bắc*, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
15. Đặng Văn Dũng, Phùng Thị Phương (2022), “Xác định cấu trúc quá trình huấn luyện trong giai đoạn chuyên môn hóa cho các Câu lạc bộ Cờ Vua chuyên nghiệp miền Bắc”, *Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao*, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Số 1/2023, tr. 30 - 32
16. Nguyễn Hồng Dương (2008), *Xác định các yếu tố chuyên môn cơ bản cấu thành năng lực tư duy Cờ vua và hệ thống bài tập nâng cao năng lực tư duy của nam VĐV Cờ vua Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.
17. Nguyễn Hồng Dương, Đặng Văn Dũng, Đàm Quốc Chính, Bùi Ngọc, Trần Văn Trường, Nguyễn Ngọc Tuấn (2015), *Giáo trình Cờ vua (dùng cho sinh viên các trường Đại học TDTT)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
18. Dvôretxtki M.I (2001), *Lối chơi phối hợp*, Dịch: Lương Trọng Minh, Liên đoàn Cờ Việt Nam.

19. Dvôretxtki M.I (2001), *Lối chơi thể trận*, Dịch: Lương Trọng Minh, Liên đoàn Cờ Việt Nam.
20. Extrin Ia.B (1995), *Lý thuyết và thực hành Cờ Vua*, Dịch: Phùng Duy Quang, Nxb TĐTT, Hà Nội.
21. Golennhishev V.E (1996), *Chương trình đào tạo vận động viên Cờ Vua trẻ, quyển 1, 2, 3*, Dịch: Lương Trọng Minh, Liên đoàn Cờ Việt Nam.
22. Bùi Quang Hải, Vũ Chung Thủy, Nguyễn Kim Xuân (2015), *Tuyển chọn vận động viên thể thao (giáo trình dành cho sinh viên các trường TĐTT hệ Đại học)*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
23. Hoàng Văn Hành (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
24. Harre D. (1996), *Học thuyết huấn luyện*, Dịch: Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiền, Nxb TĐTT, Hà Nội.
25. Lưu Quang Hiệp (1994), “Tập bài giảng sinh lý học thể dục thể thao”, *Tài liệu giảng dạy, dùng cho các học viên cao học thể dục thể thao*, Hà Nội.
26. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (2003), *Sinh lý học thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
27. Nguyễn Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
28. Bùi Văn Huệ (2000), *Giáo trình tâm lý học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
29. Đậu Bình Hương (2000), *Nghiên cứu ứng dụng phương pháp “ván đấu” và phương pháp “phân tích tư duy bằng lời” trong đánh giá trình độ tập luyện của VĐV Cờ vua giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu*, Luận văn Thạc sĩ giáo dục học, trường Đại học TĐTT I.
30. Trần Mạnh Hưng, Đồng Thị Hương (2019), “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn trong tuyển chọn vận động viên Cờ Vua nữ trẻ lứa tuổi 13 - 14

thành phố Huế”, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao* (Số 07 - 03/2019), Trường Đại học TDTT Đà Nẵng.

31. Ivanôp V. X (1996), *Những cơ sở của toán học thống kê* (Trần Đức Dũng dịch), Nxb TDTT, Hà Nội.
32. Koblentz A. (1993), *Cờ Vua chiến lược và chiến thuật, mấy bài học cơ bản*, Dịch: Liên đoàn Cờ thành phố Hồ Chí Minh, Liên đoàn Cờ thành phố Hồ Chí Minh.
33. Kôtov A.A (1985), *Những bí mật tư duy của vận động viên Cờ Vua*, Dịch: Hoàng Mỹ Sinh, Nxb TDTT, Hà Nội.
34. Lê Văn Lãm, Phạm Xuân Thành (2015), *Giáo trình Đo lường và Đánh giá thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
35. Lâytex N.X (1980), *Năng lực trí tuệ và lứa tuổi, tập 1*, Nxb Giáo dục.
36. Lâytex N.X (1980), *Năng lực trí tuệ và lứa tuổi, tập 2*, Nxb Giáo dục.
37. Phạm Hồng Minh (2009), *Nghiên cứu ứng dụng các tes sư phạm trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 9 - 11 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
38. Tạ Hữu Minh (2019), *Nghiên cứu ảnh hưởng của tập luyện Cờ vua tới sự phát triển các thành phần của năng lực trí tuệ ở học sinh năng khiếu Cờ Vua lứa tuổi 8 - 9 thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.
39. Nabatnhicôva .M.Ia (1985), *Quản lý và đào tạo vận động viên trẻ*, Nxb TDTT, Hà Nội, Dịch: Phạm Trọng Thanh.
40. Phạm Xuân Ngà (1996), *Một số vấn đề tuyển chọn và đào tạo vận động viên trẻ*, Nxb TDTT, Hà Nội.
41. Phan Trọng Ngọ (2001), *Tâm lý học trí tuệ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
42. Nhay - Stadt (2000), *Cờ Vua thực hành - Cờ Vua kinh điển*, Dịch: Nguyễn Đăng Khương, Nxb Đồng Nai.

43. Ozolin. M.G (1980), *Huấn luyện thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội. Dịch: Bùi Thế Hiển.
44. Philin V. P (1996), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ* (Nguyễn Quang Hưng dịch), Nxb TDTT, Hà Nội.
45. Perxitx B.D (1997), *Vai trò trung tâm trong Cờ Vua*, Dịch: Lê Quý Phương, Nxb TDTT, Hà Nội.
46. Hoàng Thị Hồng Quyên (2012), *Nghiên cứu ứng dụng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên Cờ Vua giai đoạn chuyên môn hóa ban đầu tại trường năng khiếu thể thao Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
47. Đàm Công Sử (1998), *Nghiên cứu ứng dụng các trong test tuyển chọn vận động viên Cờ Vua*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
48. Lê Thanh, Nguyễn Thị Hằng, Phạm Thị Hoa, Phan Chí Quyết (2014), *Giáo trình Cờ vua (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng Sư phạm TDTT)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
49. Trịnh Hùng Thanh, Lê Nguyệt Nga (1990), *Hình thái học và tuyển chọn thể thao*, Trường Đại học TDTT II thành phố Hồ Chí Minh.
50. Trịnh Hùng Thanh, Lê Nguyệt Nga (1993), *Cơ sở sinh học và sự phát triển tài năng thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
51. Trịnh Hùng Thanh, Lê Nguyệt Nga (1998), *Hình thái học và tuyển chọn thể thao*, Trường Đại học TDTT II.
52. Trịnh Hùng Thanh, Lê Nguyệt Nga, Trịnh Trung Hiếu (1998), *Sinh lý và huấn luyện thể dục thể thao*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
53. Vũ Đức Thu, Nguyễn Xuân Sinh, Lưu Quang Hiệp, Trương Anh Tuấn (1998), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

54. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc phê duyệt Đề án “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”*.
55. Nguyễn Huy Thuỷ (1998), *Nghiên cứu ứng dụng các test tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ vua trẻ lứa tuổi 8 - 10 trên địa bàn tỉnh Hà Tây*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT I.
56. Nguyễn Toán, (1998), *Cơ sở lý luận và phương pháp đào tạo vận động viên*, Nxb TĐTT, Hà Nội
57. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2015), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
58. Đồng Văn Triệu, Trương Anh Tuấn (2015), *Giáo trình lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
59. Nguyễn Thế Truyền (1992), “Năng khiếu và tài năng thể thao”, *Thông tin khoa học TĐTT*, (5), Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.
60. Nguyễn Thế Truyền, Lê Quý Phương, Nguyễn Kim Minh, Ngô Đức Nhuận, Nguyễn Thị Tuyết (1999), *Xác định chuẩn mực đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên ở một số môn thể thao trọng điểm trong chương trình quốc gia về thể thao*, Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, Viện khoa học TĐTT, Hà Nội.
61. Nguyễn Thế Truyền (2001), *Đánh giá trình độ tập luyện đối với vận động viên cấp cao một số môn thể thao*, Tài liệu nâng cao nghiệp vụ huấn luyện viên, phần II, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
62. Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Kim Minh, Trần Quốc Tuấn (2002), *Tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện trong tuyển chọn và huấn luyện thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
63. Trương Anh Tuấn (1989), “Tổ chức thể lực trong quá trình tuyển chọn và xác định năng khiếu vận động viên trẻ”, *Thông tin khoa học thể dục thể thao*, (Số 4), Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.

64. Dương Minh Tuệ (2008), *Nghiên cứu nội dung, tiêu chuẩn tuyển chọn nam vận động viên Cờ vua trẻ lứa tuổi 11 - 13 tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
65. Hoàng Thị Út (2020), *Nghiên cứu nội dung huấn luyện khai cuộc cho nữ vận động viên Cờ Vua cấp 1 và Kiện tướng Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.
66. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
67. Phạm Ngọc Viễn (1990), *Bước đầu dự báo mô hình trình độ huấn luyện tâm lý của vận động viên cấp cao một số môn thể thao*, Kết quả nghiên cứu đề tài Khoa học và Công nghệ cấp ngành, Tổng cục Thể dục thể thao, Hà Nội.
68. Phạm Ngọc Viễn (1999), *Phương pháp nghiên cứu tâm lý trong thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
69. Phạm Ngọc Viễn, Lê Văn Xem, Mai Văn Muôn, Nguyễn Thanh Nữ (1991), *Tâm lý học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
70. Phạm Ngọc Viễn (2014), *Tâm lý vận động viên thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
71. Vôntrôc A. (1995), *Cờ Vua chiến thuật và chiến lược*, Dịch: Đàm Quốc Chính, Phùng Lê Quang, Nxb TDTT, Hà Nội.
72. Lê Văn Xem (2004), *Tâm lý học thể dục, thể thao*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
73. Xirotin. O.A (2001), “Chuyên mục tổng quan - phương pháp luận và lý luận về năng lực thể thao”, *Thông tin khoa học TDTT*, (số 5), Viện Khoa học TDTT, Hà Nội. Biên dịch: Nguyễn Kim Minh, Lê Hồng Cơ.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh:

74. Buckley G. (2001), *Multiple choice*, Everyman Publisher PLC.
75. Dvoretzky M.I. (1993), *Secrets of Chess Tactics*, Batsford, London.

76. Dvoretsky M. I. (1996), *Positional play*, Batsford, London.
77. Evans L. (2001), *Test your chess I.Q.*, Cardoza publishing.
78. Flear. G (2000), *Improve your endgame play*, Everyman Publisher PLC.
79. Flear. G (2002), *Test your endgame thinking*, Everyman Publisher PLC.
80. Guliev Sarhan (2003), *Chess school 4, The manual of chess endings*, Batsford, London.
81. Livshitz A. (1989), *Test Your Chess IQ, First challenge*, Pergamon Chess, Oxford.
82. Livshitz A. (1989), *Test Your Chess IQ, Master*, Pergamon Chess, Oxford.
83. Livshitz A. (1989), *Test Your Chess IQ, GrandMaster*, Pergamon Chess, Oxford.
84. Loktev I., Gaspariants V. (1998), *Basic anthology of chess art master pieces*, Pergamon Chess, Oxford.
85. Mason M. (2010), *Sample Size and Saturation in PhD Studies Using Qualitative Interviews*, Forum Qualitative Sozialforschung / Forum: Qualitative Social Research.
86. A. Nimzowitsch (1991), *My system*, Dallas, Texas, pp. 2 - 7, 9 - 20.
87. Plaskett J. (2002), *Can you be a tactical chess genius*, Everyman Publisher PLC.
88. J. Plaskett (2002), *Can you be a tactical chess genius*, Everyman Publisher PLC, pp. 4 - 7, 11 - 17.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Nga:

89. Алексеев Н.Г., Злотник Б.А (1984), *Проблемы отбора перспективных юных шахматистов: учеб. пособие для студентов и слушателей*; ГЦОЛИФК.
90. Алехин А.А (1991), *На пути к высшим шахматным достижениям*, ФИС.

91. Бологан В.А. (1996), *Структура специальной подготовленности шахматистов высокой квалификации: автореф. дис. канд. пед. Наук*, Бологан В.А.; РГАФК, tr. 116 - 134.
92. Богданович Г.Г. (2004), *Программа подготовки шахматистов разрядников I разряд*, Russian Chess House.
93. Злотник Б.А (1989), *Комплекс диагностических методик по шахматам: Метод. разраб. для студентов*, ГЦОЛИФК.
94. Злотник Б.А. (1990), *Шахматы. Наука, опыт, мастерство*, Высш. шк.
95. Котов А.А. (1970), *Тайны мышления шахматиста*, Всерос. шахмат. Клуб.
96. Котов А.А. (1976), *Когда висит флажок*, Шахматы в СССР - № 8, с. 13 - 15.
97. Котов А.А. (1985), *Как стать гроссмейстером*, М.: ФиС.
98. Комитет по физической культуре и спорту Санкт Петербурга (2020), *Программа спортивной подготовки соответствию с Федеральным стандартом спортивной подготовки по виду спорта шахматы Санкт Петербургского государственного бюджетного учреждения - спортивная школа олимпийского резерва по шахматам и шашкам на 2021-2023г. Для групп начальной под-готовки, групп тренировочного этапа*
99. Малкин В.Б. (1996), *Проблемы психологической подготовки шахматиста: лекция для студентов ин-тов физ. Культуры*, ГЦОЛИФК, с. 32 - 36.
100. Л.Г.МАУ “Спортивный коплек” (2020), *Программа спортивной подготовки по виду спорта шахматы разработана основании Федерального стандарта подготовки по виду спорта “Шахматы”*

101. Тихомиров О.К. (2002), *Психология мышления*, Акад.
102. Яковлев Б.П. (2002), *Психическая нагрузка в спорте. Теоретические и практические аспекты*, Великие Луки.
103. Филин.В.П, Фомин. Н (1980), *Основы юного Спорта* Мос, из: Физ. Спорт.
104. Яблонский.И.М, (1966), *Навыки движения и их развития на тренировки*, Мос, из: Физ. Спорт.
105. И.С. Пальма. Л.Г. Эльгорт (1971), *Применение Метода корреляции в строительстве* - Москва, с. 116 - 134.
106. Приказ Министерства спорта РФ от 24 декабря 2021 г. № 1042 Об утверждении федерального стандарта спортивной подготовки по виду спорта “шахматы”.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng Trung:

107. 叶广俊 (1999) , “现代儿童少年卫生学” , 北京 : 人民卫生出版社.
108. 叶恭绍(1996) , “中国医科百科全书儿童少年卫生学”,上海 : 上海科学技术出版社 ,
109. 中国国民体质监测系统课题组 (2000) , “中国国民体质监测系统的研究”, 北京 : 北京体育大学出版社.
110. 邢文华 (2001), “体育测量与评价”, 北京 : 北京体育大学出版社.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHIẾU PHỎNG VẤN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường ĐHSP TDTT Hà Nội Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHỎNG VẤN (SỐ 1)

Kính gửi:

Đơn vị, CLB:

Nhằm tìm hiểu thực trạng công tác tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, mong đồng chí nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây của chúng tôi và cho ý kiến trả lời bằng cách lựa chọn và đánh dấu vào ô cần thiết. Ý kiến đóng góp của đồng chí sẽ giúp chúng tôi có được những thông tin bổ ích trong việc ứng dụng các phương pháp, lựa chọn test và xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Xin trân trọng cảm ơn!

Xin đồng chí cho biết sơ lược về bản thân:

Họ và tên: Tuổi:

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Thâm niên làm công tác giảng dạy - huấn luyện Cờ Vua:

Câu hỏi 1: Theo đồng chí, vai trò của công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trong thực tiễn huấn luyện giai đoạn chuyên môn hóa sâu ở đơn vị của đồng chí như thế nào?

☐ Rất quan trọng.

☐ Quan trọng.

☐ Không quan trọng.

Câu hỏi 2: Hiện nay, tại đơn vị đồng chí, công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trong thực tiễn huấn luyện giai đoạn chuyên môn hóa sâu ở đơn vị của đồng chí được quan tâm như thế nào?

- ☐ Rất quan tâm. ☐ Quan tâm. ☐ Ít quan tâm.

Câu hỏi 3: Hiện nay, tại đơn vị đồng chí, công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trong thực tiễn huấn luyện giai đoạn chuyên môn hóa sâu ở đơn vị của đồng chí được thực hiện theo các hình thức nào?

- ☐ Tổ chức thi tuyển chọn tại đơn vị đào tạo
☐ Tổ chức thi tuyển chọn tại các cơ sở trực thuộc
☐ Tuyển chọn thông qua các giải thi đấu
☐ Tuyển chọn thông qua liên kết với các đơn vị khác
☐ Các hình thức tuyển chọn khác

Câu hỏi 4: Hiện nay, tại đơn vị đồng chí, công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trong thực tiễn huấn luyện giai đoạn chuyên môn hóa sâu ở đơn vị của đồng chí được thực hiện theo các phương pháp nào?

- ☐ Tuyển chọn dựa vào kết quả học tập văn hóa
☐ Tuyển chọn dựa vào kết quả thi đấu và kinh nghiệm
☐ Tuyển chọn dựa vào các tiêu chuẩn đã xây dựng
☐ Tuyển chọn kết hợp tiêu chuẩn và kinh nghiệm
☐ Tuyển chọn thông qua hệ số ELO của VĐV
☐ Phương pháp khác

Câu hỏi 5: Hiện nay, tại đơn vị đồng chí, công tác tuyển chọn VĐV Cờ Vua trong thực tiễn huấn luyện giai đoạn chuyên môn hóa sâu ở đơn vị của đồng chí được thực hiện theo các độ tuổi nào của VĐV?

- ☐ Từ 10 - 11 tuổi
☐ Từ 11 - 12 tuổi
☐ Từ 13 - 14 tuổi
☐ Từ 14 - 15 tuổi

☐ > 15 tuổi

☐ Độ tuổi khác

Câu hỏi 6: Hiện nay, tại đơn vị đồng chí, công tác tuyển chọn/thải loại/bổ sung VĐV Cờ Vua trong thực tiễn huấn luyện giai đoạn chuyên môn hóa sâu ở đơn vị của đồng chí được thực hiện theo các thời điểm nào trong kế hoạch năm?

☐ Sau từ 3 - 6 tháng

☐ Sau từ 6 - 12 tháng

☐ Sau từ 12 - 18 tháng

☐ Sau từ 18 - 24 tháng

☐ Trên 24 tháng

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

Hà Nội, ngày tháng năm 202.....

NGƯỜI PHỎNG VẤN

NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGUYỄN THỊ HẰNG

PHỤ LỤC 2. PHIẾU PHÒNG VẤN
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường ĐHSP TDTT Hà Nội Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU PHÒNG VẤN (SỐ 2)

Kính gửi:

Đơn vị, CLB:

Nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng các test tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội, mong đồng chí nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây của chúng tôi và cho ý kiến trả lời bằng cách lựa chọn và đánh dấu vào ô cần thiết. Ý kiến đóng góp của đồng chí sẽ giúp chúng tôi có được những thông tin bổ ích trong việc ứng dụng các phương pháp, lựa chọn test và xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Xin trân trọng cảm ơn!

Xin đồng chí cho biết sơ lược về bản thân:

Họ và tên:Tuổi:.....

Trình độ chuyên môn:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:.....

Thâm niên làm công tác giảng dạy - huấn luyện Cờ Vua:

Câu hỏi 1: Trong công tác tuyển chọn và huấn luyện nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 của đồng chí (hoặc đơn vị đồng chí), nhóm các test nào sau đây đã và đang được áp dụng trong thực tiễn (nếu có nhóm yếu tố nào khác có thể bổ sung thêm vào ô trống), lựa chọn và đánh giá mức độ ưu tiên quan trọng trong đánh giá (đánh dấu ☐ vào ô thích hợp).

Mức độ ưu tiên:

Mức 1: Rất không quan trọng (1 điểm).

Mức 2: Không quan trọng (2 điểm).

Mức 3: Quan trọng (3 điểm).

Mức 4: Khá quan trọng (4 điểm).

Mức 5: Rất quan trọng (5 điểm).

1. Nhóm test đánh giá năng lực trí tuệ

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

2. Nhóm test đánh giá năng lực chuyên môn

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

3. Nhóm test y sinh học

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

4. Nhóm test thể lực

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

5. Nhóm test tâm lý

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

Nhóm yếu tố khác (nếu có, vui lòng bổ sung thêm):

6.

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

7.

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

8.

1	2	3	4	5
☐	☐	☐	☐	☐

Câu hỏi 2: Các test nào sau đây được đồng chí (hoặc đơn vị đồng chí) sử dụng, hoặc cho rằng cần thiết phải sử dụng trong tuyển chọn nam VĐV Cờ Vua lứa tuổi 11 - 12 trên địa bàn thành phố Hà Nội ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, (nếu có test nào khác có thể bổ sung thêm vào ô trống), lựa chọn và đánh giá mức độ ưu tiên quan trọng trong đánh giá (đánh dấu ☒ vào ô thích hợp).

Mức độ ưu tiên:

Mức 1: Rất không quan trọng (1 điểm).

Mức 2: Không quan trọng (2 điểm).

Mức 3: Quan trọng (3 điểm).

Mức 4: Khá quan trọng (4 điểm).

Mức 5: Rất quan trọng (5 điểm).

Nhóm yếu tố năng lực trí tuệ:

Cộng trừ số học (lần/2 phút)

1	2	3	4	5

Soát vòng hồ Landont (bis/s)

1	2	3	4	5

Trắc nghiệm Raven (điểm)

1	2	3	4	5

Tương quan số học (điểm)

1	2	3	4	5

Cảm giác thời gian (điểm)

1	2	3	4	5

Các test khác (nếu có, vui lòng bổ sung thêm):

.....

1	2	3	4	5

.....

1	2	3	4	5

.....

1	2	3	4	5

.....

1	2	3	4	5

Nhóm yếu tố năng lực chuyên môn:

Cờ thế chiếu hết trong 3 nước (điểm)

1	2	3	4	5

Tính toán phương án (điểm)

1	2	3	4	5

Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)

1	2	3	4	5

Phân tích thế trận (điểm)

1	2	3	4	5

Đánh giá thế trận (điểm)

1	2	3	4	5

Lập kế hoạch (điểm)

1	2	3	4	5

Đòn phối hợp (điểm)

1	2	3	4	5

Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)

1	2	3	4	5

Phối hợp đánh giá thế trận và đòn phối hợp (điểm)

1	2	3	4	5

Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)

1	2	3	4	5

Cờ tàn phối hợp (điểm)

1	2	3	4	5

Xác định chiến lược chơi trong khai cuộc (điểm)

1	2	3	4	5

Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)

1	2	3	4	5

Các test khác (nếu có, vui lòng bổ sung thêm):

.....	1	2	3	4	5
.....					
.....	1	2	3	4	5
.....					
.....	1	2	3	4	5
.....					
.....	1	2	3	4	5
.....					

Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của đồng chí./.

Hà Nội, ngày tháng năm 202.....

NGƯỜI PHỎNG VẤN

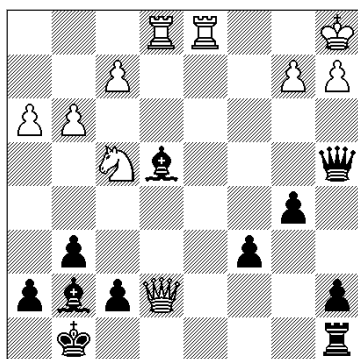
NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

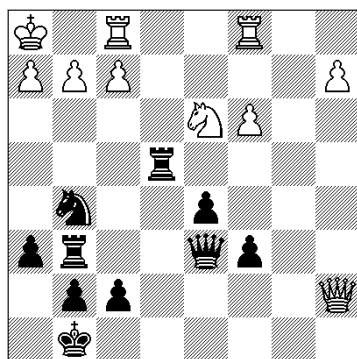
NGUYỄN THỊ HẰNG

**PHỤ LỤC 3. NỘI DUNG CÁC THỂ CỜ THUỘC CÁC BÀI TEST
CHUYÊN MÔN ỨNG DỤNG TRONG TUYỂN CHỌN NAM VĐV CỜ
VUA LỬA TUỔI 11 - 12 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

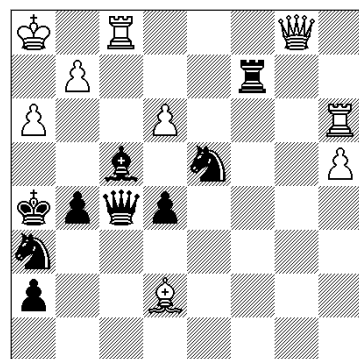
1) Cờ thể chiếu hết trong 3 nước (điểm) (Đen đi trước)



Bài: 1



Bài: 2

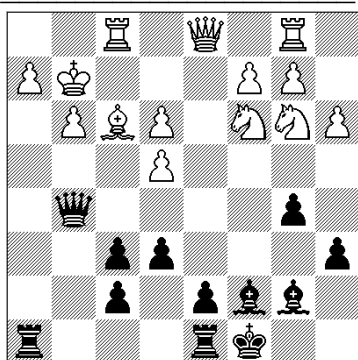


Bài: 3

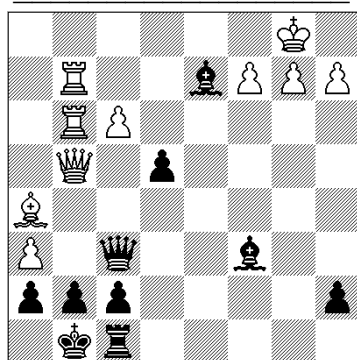
1... _____
2 _____
3 _____

1... _____
2 _____
3 _____

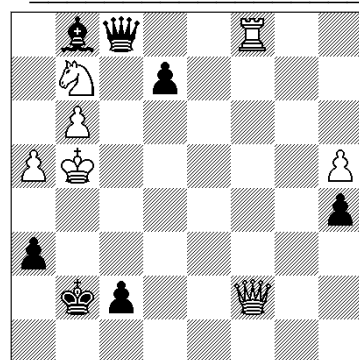
1... _____
2 _____
3 _____



Bài: 4



Bài: 5

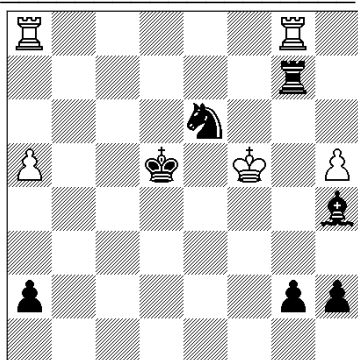


Bài: 6

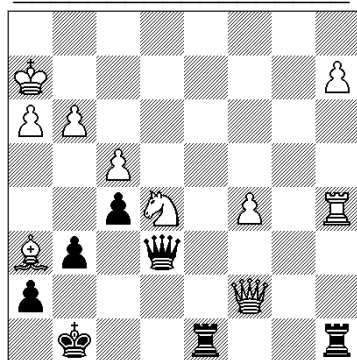
1... _____
2 _____
3 _____

1... _____
2 _____
3 _____

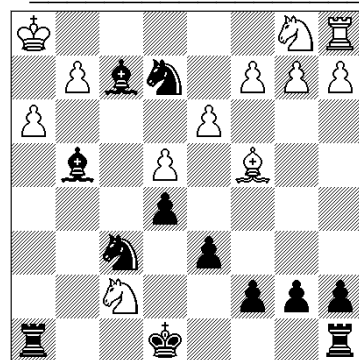
1... _____
2 _____
3 _____



Bài: 7



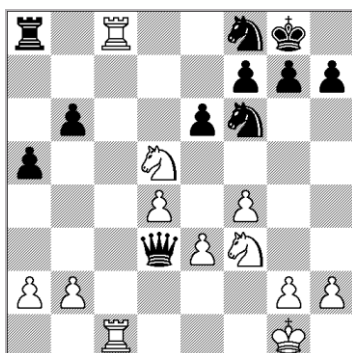
Bài: 8



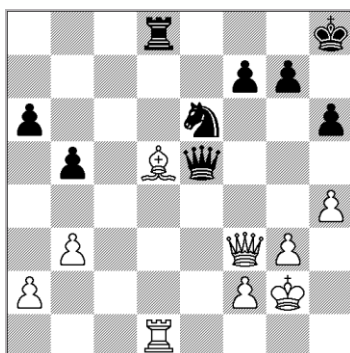
Bài: 9

1... _____	1... _____	1... _____
2 _____	2 _____	2 _____
3 _____	3 _____	3 _____

2) Tính toán phương án (điểm): Hãy tìm nước đi cho bên trắng



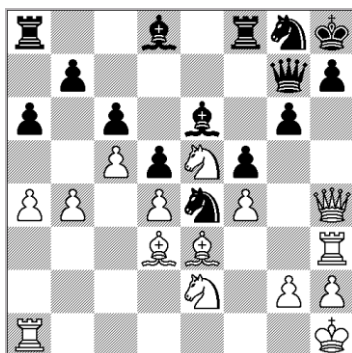
Bài: 1 (lượt trắng đi)



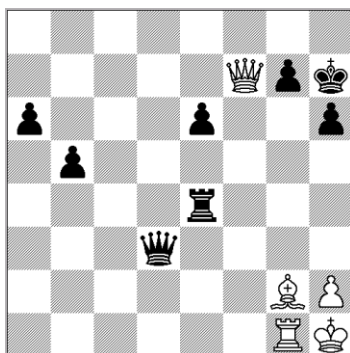
Bài: 2 (lượt trắng đi)



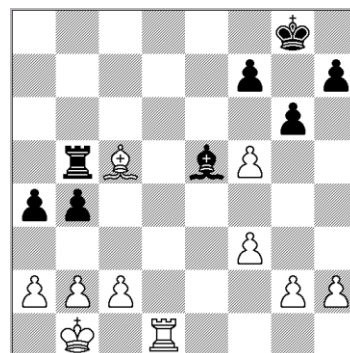
Bài: 3 (lượt trắng đi)



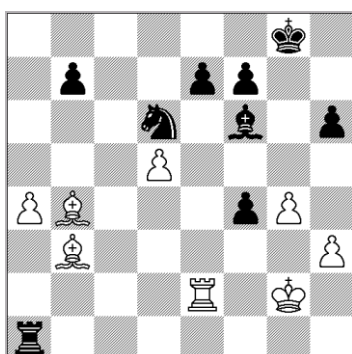
Bài: 4 (lượt trắng đi)



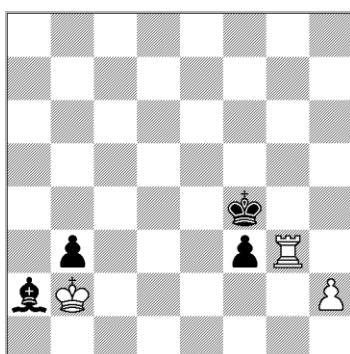
Bài: 5 (lượt trắng đi)



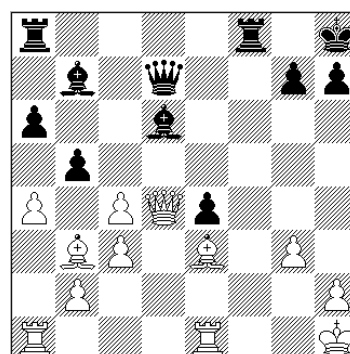
Bài: 6 (lượt trắng đi)



Bài: 7 (lượt đen đi)



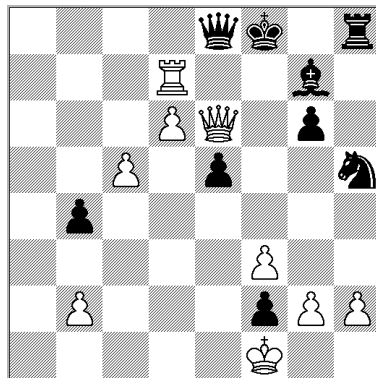
Bài: 8 (lượt đen đi)



Bài: 9 (lượt đen đi)

3) Đánh giá các phương án có thể nảy sinh (điểm)

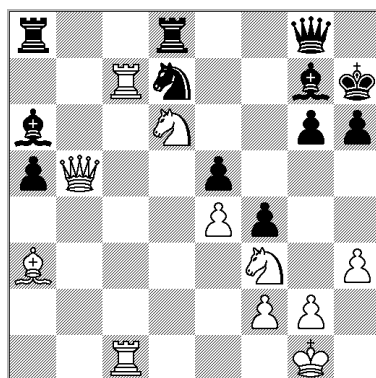
Serper - Nicolaides, 1993



Bài 1: Lượt Trắng đi.

Xe Trắng chiếm lĩnh hoàn toàn hàng ngang 7!, song Trắng sẽ khai thác ưu thế này như thế nào? Hãy chỉ ra, ít nhất, 3 nước đi đầu tiên mạnh nhất cho Trắng.

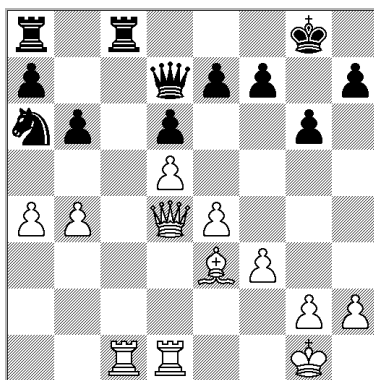
Piket - Smirin, 1993



Bài 2: Lượt Trắng đi.

2 Xe Trắng chiếm lĩnh hoàn toàn cột mở “c” và bắt đầu đột nhập xuống hàng ngang 7!. Hãy chỉ ra cho Trắng cách chơi tiếp mạnh nhất để khai thác hữu hiệu ưu thế này ?

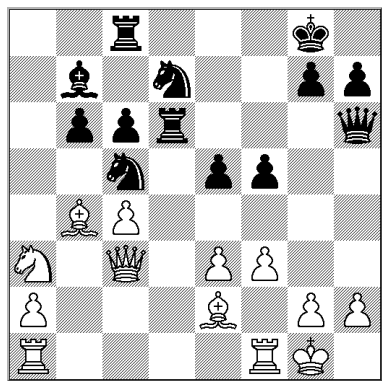
Levenfish - Lususin, 1935



Bài 3: Lượt Trắng đi.

Hãy chọn phương hướng chơi tiếp mạnh nhất cho Trắng.

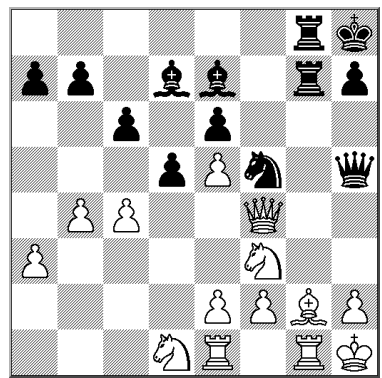
Olafsson - Bronstein, 1959



Bài 4: Lượt Đen đi.

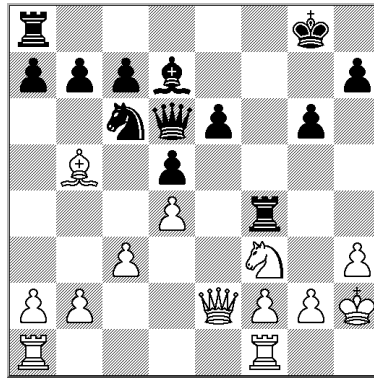
Hãy đánh giá khả năng 1... Md3 cho Đen lúc này

Steiner - Botvinnik, 1946



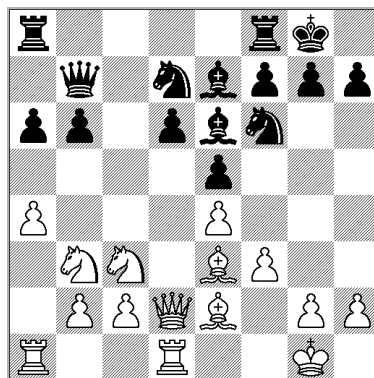
Bài 5: Lượt Đen đi. Đen thắng

Petrosian - Chistiakov, 1954



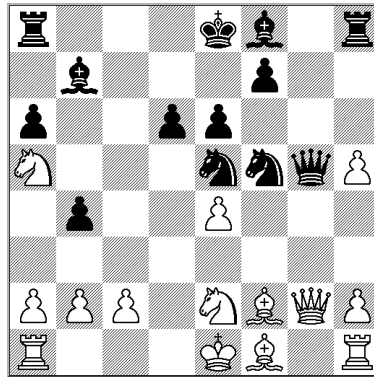
Bài 6: Lượt Trắng đi. Hãy chỉ ra cách chơi tiếp mạnh nhất cho Trắng?

Geller-Bolbochian, 1962

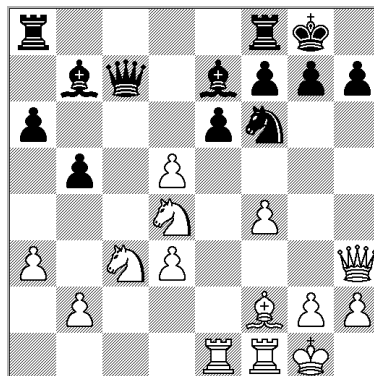


Bài 7: Lượt Trắng đi. Hãy giải thích tại sao lúc này Trắng chơi 1.Mc1

Shirov - Polgar, 1994

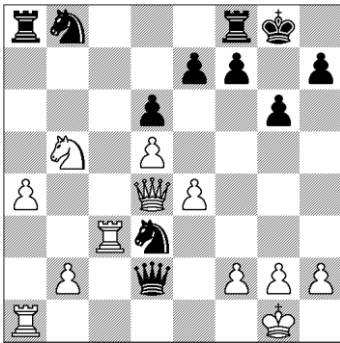


Bài 8: Lượt Đen đi. Hãy chỉ ra cách chơi tiếp mạnh nhất cho Đen nhằm khai thác các ô trung tâm yếu?

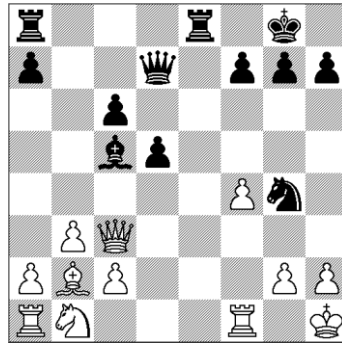


Bài 9: Xem lại ván cờ *Tall-Naidorf, 1961*, giải bài tập sau: 2.a). Thế cờ sau nước 16.c:d3. Điều gì sẽ xảy ra cho Đen nếu bây giờ họ chơi 16... M:d5?

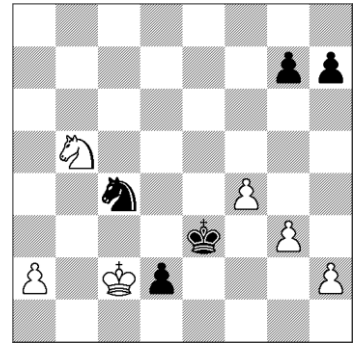
4) Phân tích thế trận (điểm)



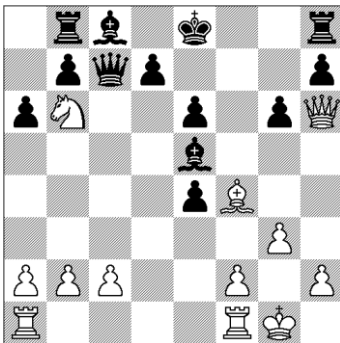
Bài 1: 1...?



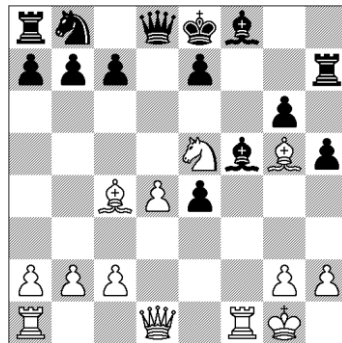
Bài 2: 1...?



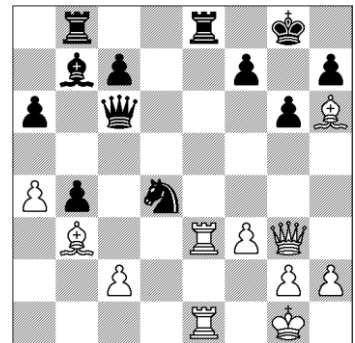
Bài 3: 1...?



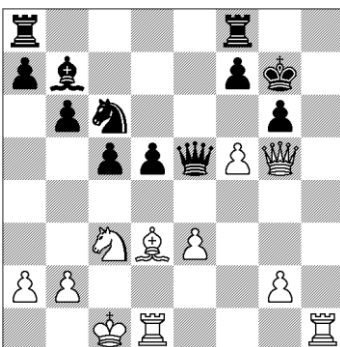
Bài 4: 1.?



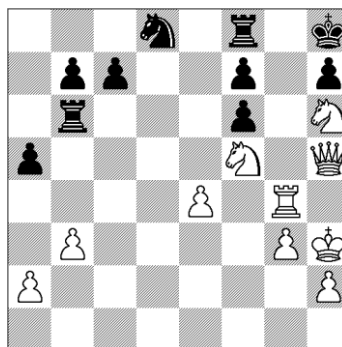
Bài 5: 1.?



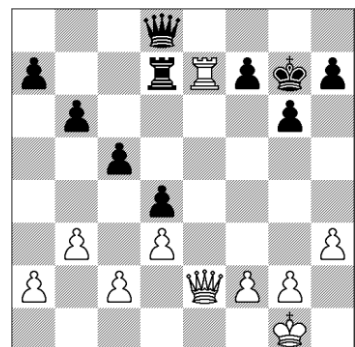
Bài 6: 1.?



Bài 7: 1.?

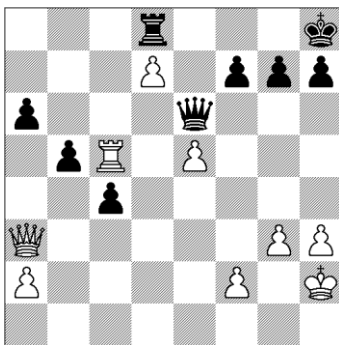


Bài 8: 1.?

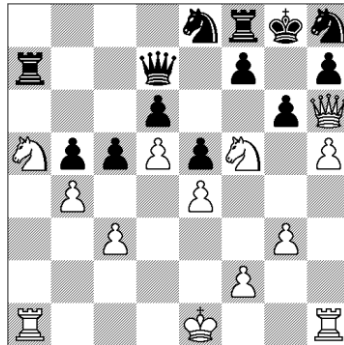


Bài 9: 1.?

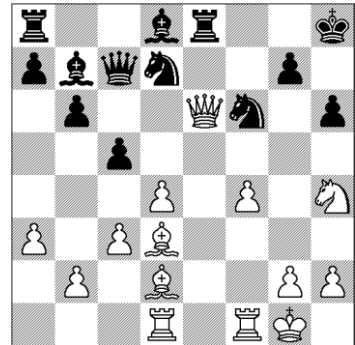
5) Đánh giá thế trận (điểm)



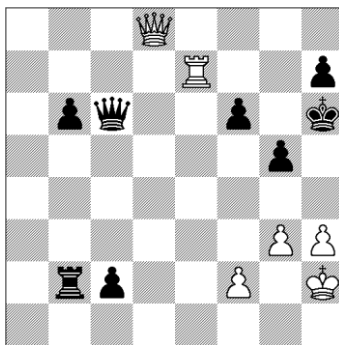
Bài 1: 1.?



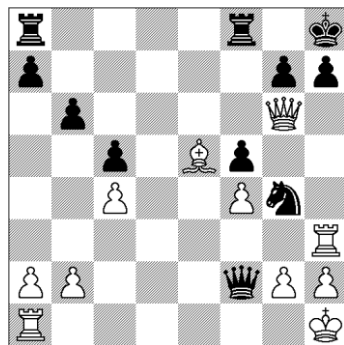
Bài 2: 1.?



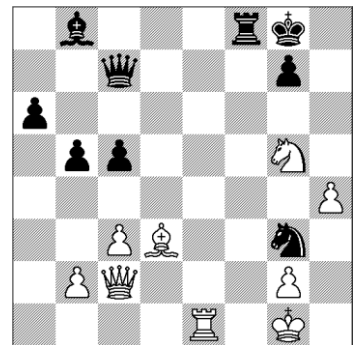
Bài 3: 1.?



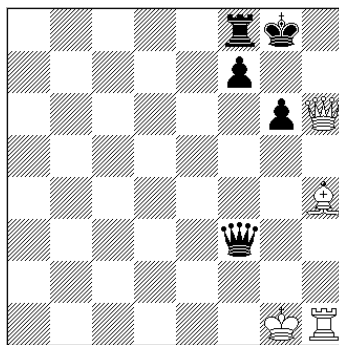
Bài 4: 1...?



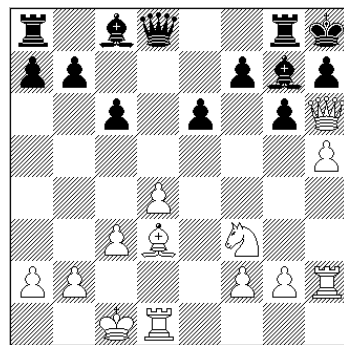
Bài 5: 1...?



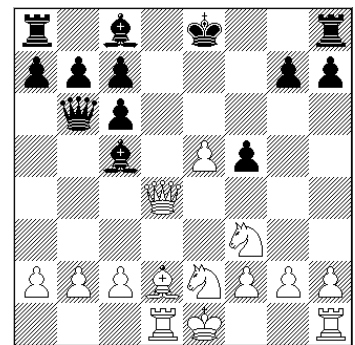
Bài 6: 1...?



Bài 7: 1.?

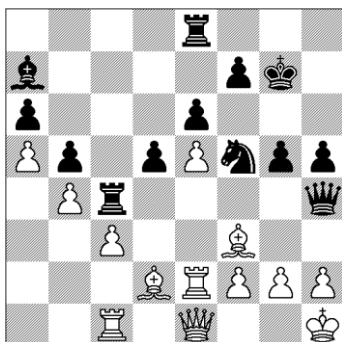


Bài 8: 1.?

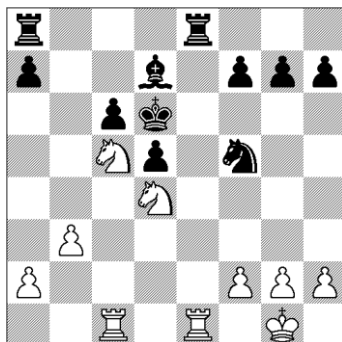


Bài 9: 1.?

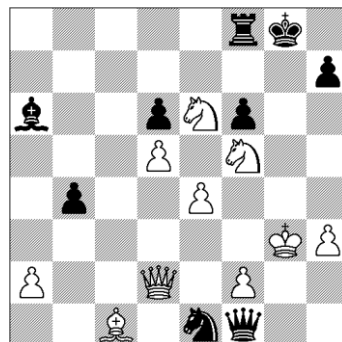
6) Lập kế hoạch (điểm)



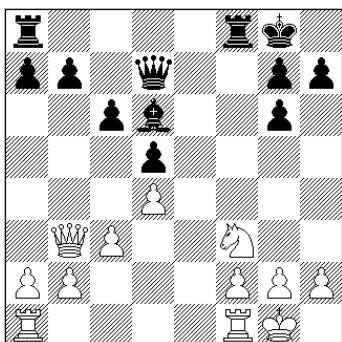
Bàì 1: 1.?



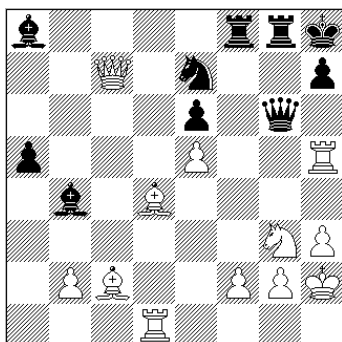
Bàì 2: 1.?



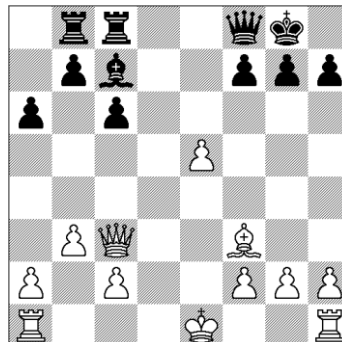
Bài 3: 1.?



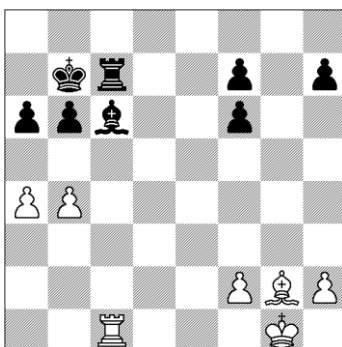
Bài 4: 1...?



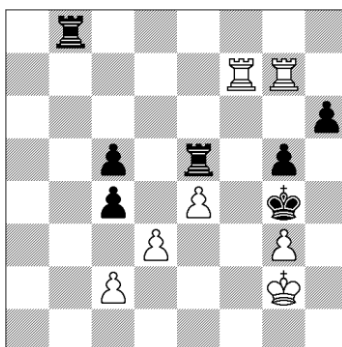
Bài 5: 1...?



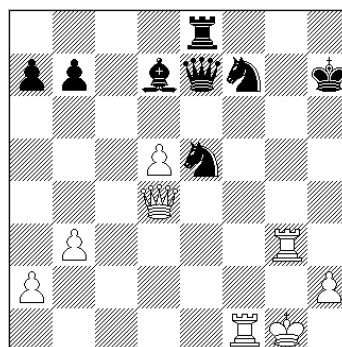
Bài 6: 1...?



Bài 7: 1.?

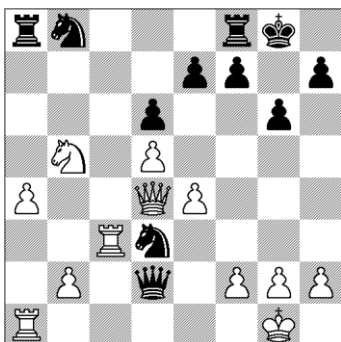


Bàì 8: 1.?

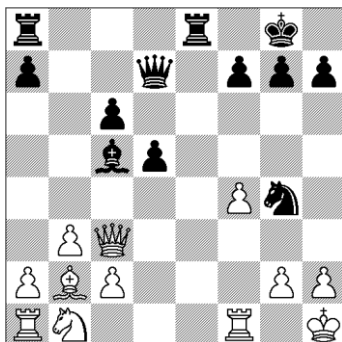


Bài 9: 1?

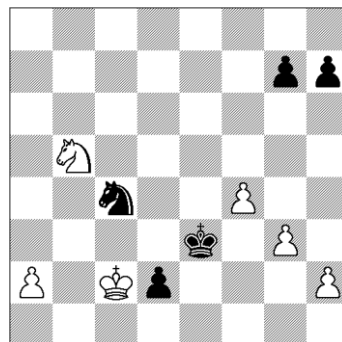
7) Đòn phối hợp (điểm)



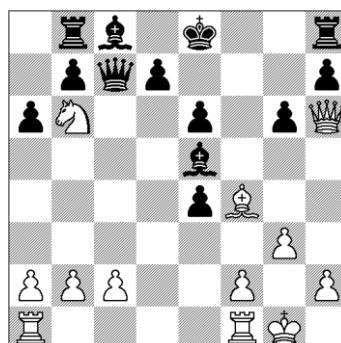
Bài 1: 1...?



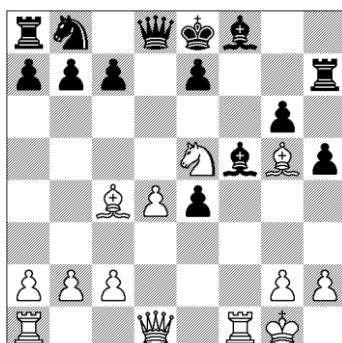
Bài 2: 1...?



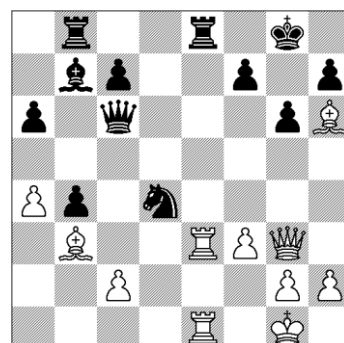
Bài 3: 1...?



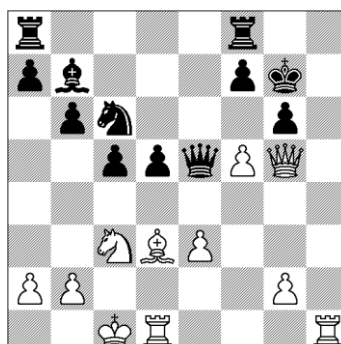
Bài 4: 1.?



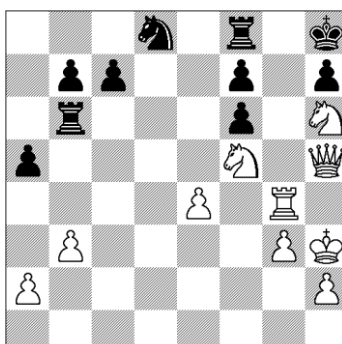
Bài 5: 1.?



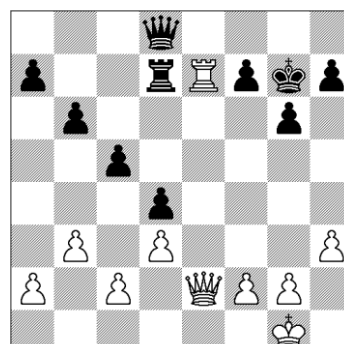
Bài 6: 1.?



Bài 7: 1.?

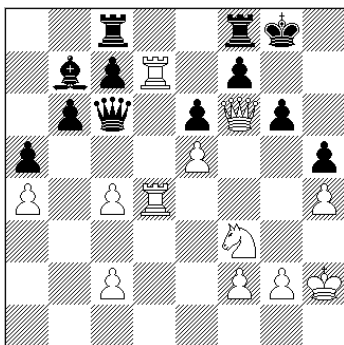


Bài 8: 1.?

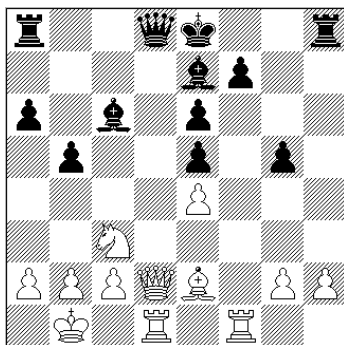


Bài 9: 1.?

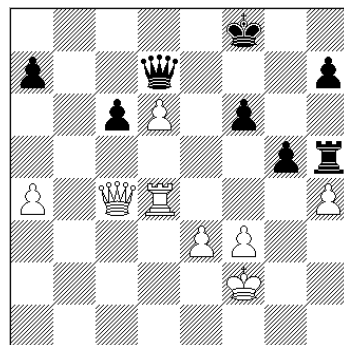
8) Phân tích, đánh giá ván đấu (điểm)



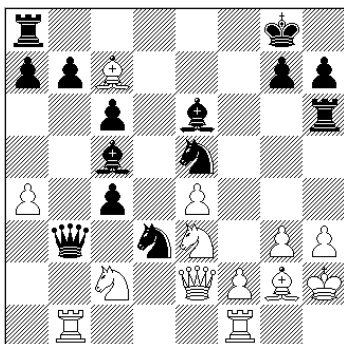
Bài 1: 1.?



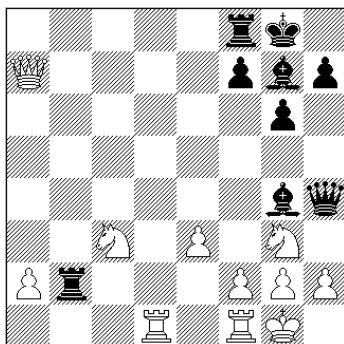
Bài 2: 1.?



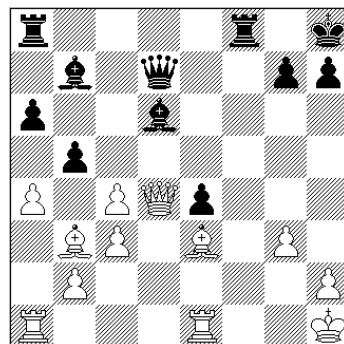
Bài 3: 1.?



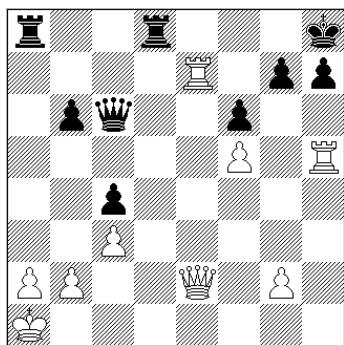
Bài 4: 1...?



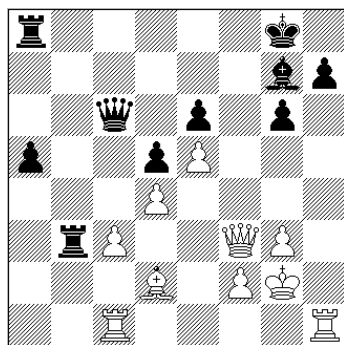
Bài 5: 1.?



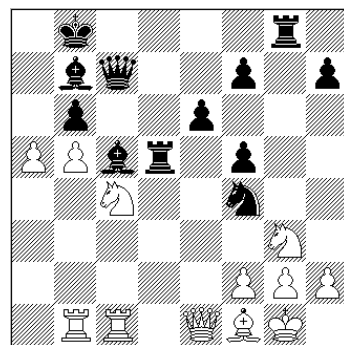
Bài 6: 1...?



Bài 7: 1...?

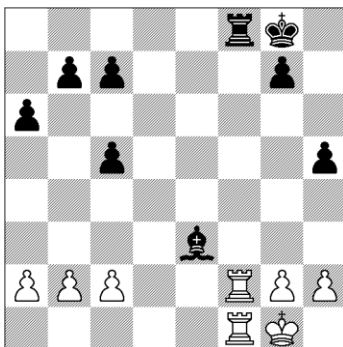


Bài 8: 1.?

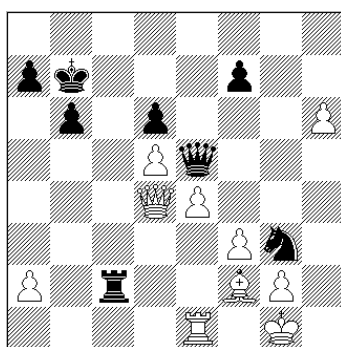


Bài 9: 1...?

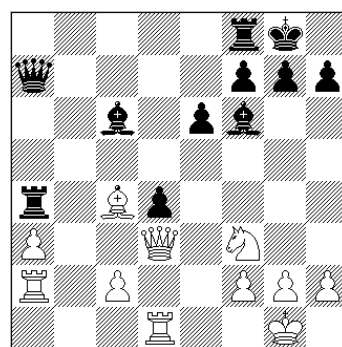
9) Phối hợp đánh giá thế trận, đòn phối hợp (điểm)



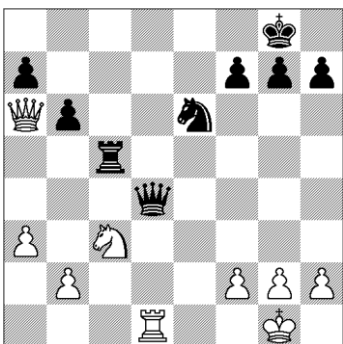
Bài 1: 1...?



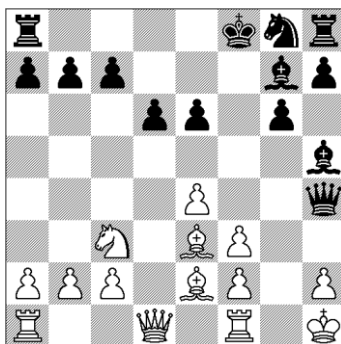
Bài 2: 1...?



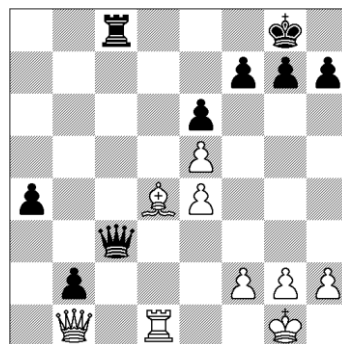
Bài 3: 1...?



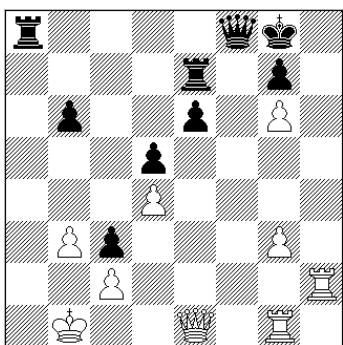
Bài 4: 1...?



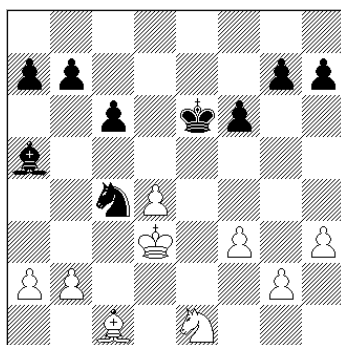
Bài 5: 1...?



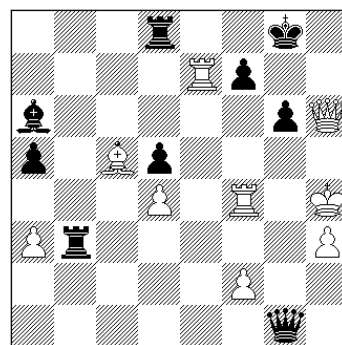
Bài 6: 1...?



Bài 7: 1.?

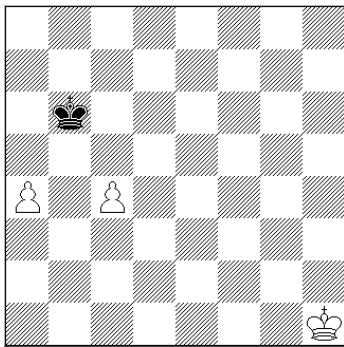


Bài 8: 1.?

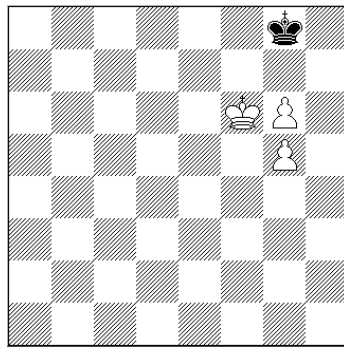


Bài 9: 1.?

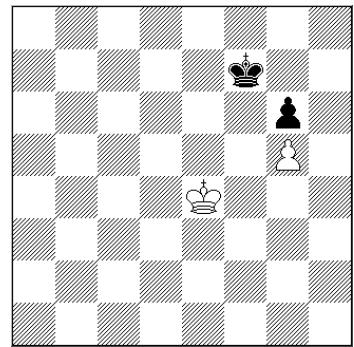
10) Cờ tàn chiến thuật - chiến lược (điểm)



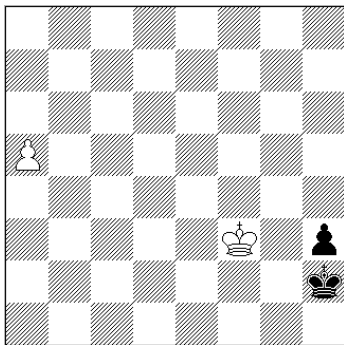
Bài 1: 1.?



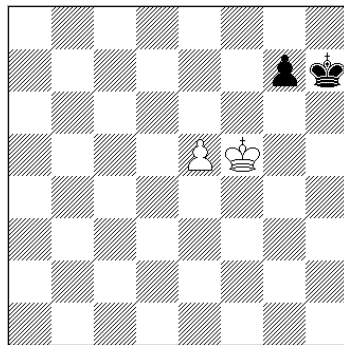
Bài 2: 1.?



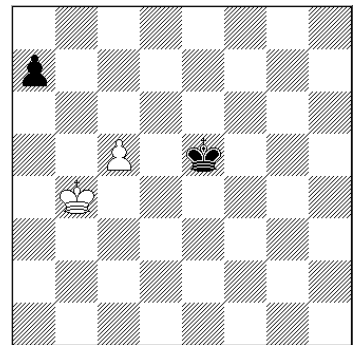
Bài 3: 1.?



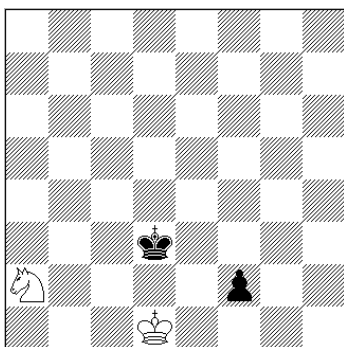
Bài 4: 1.?



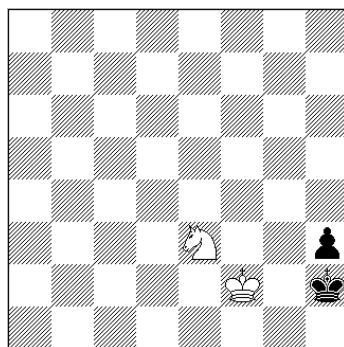
Bài 5: 1.?



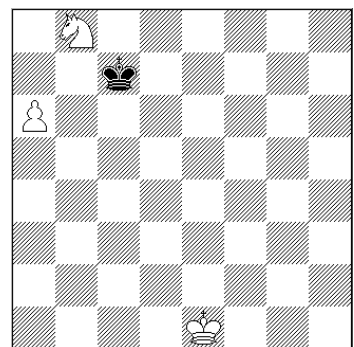
Bài 6: 1.?



Bài 7: 1.?

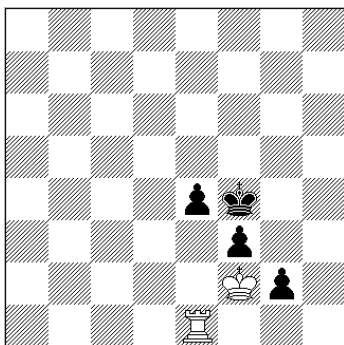


Bài 8: 1.?

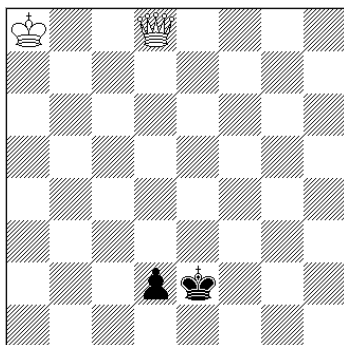


Bài 9: 1.?

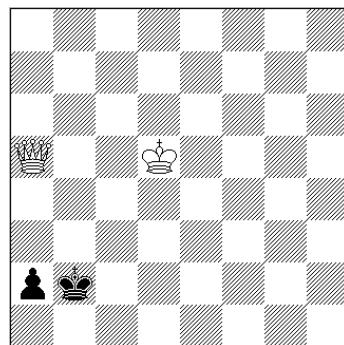
11) Cờ tàn phối hợp (điểm)



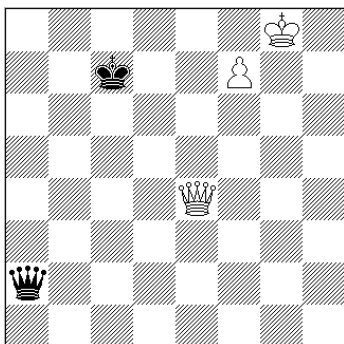
Bài 1: 1...?



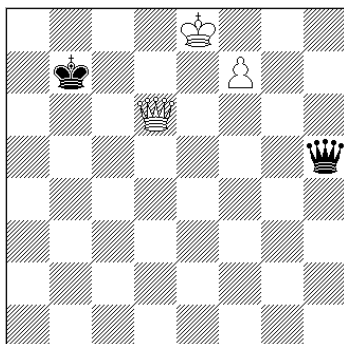
Bài 2: 1.?



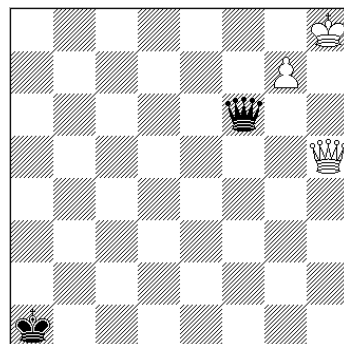
Bài 3: 1.?



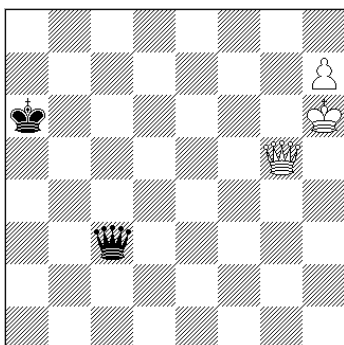
Bài 4: 1.?



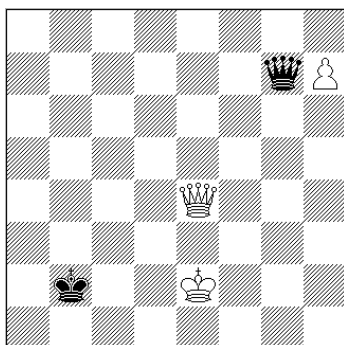
Bài 5: 1.?



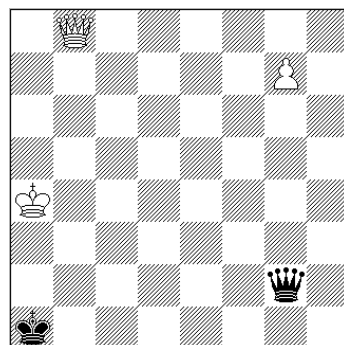
Bài 6: 1.?



Bài 7: 1.?



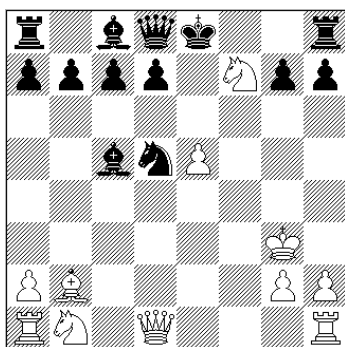
Bài 8: 1.?



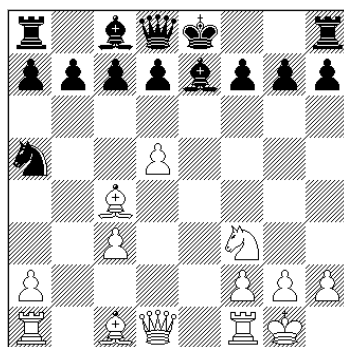
Bài 9: 1.?

12) Xác định chiến lược chơi khai cuộc (điểm)

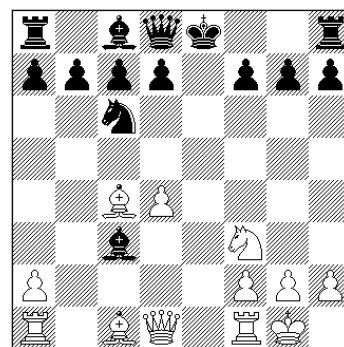
1. Ván cờ Italia



Bài 1: 1...?

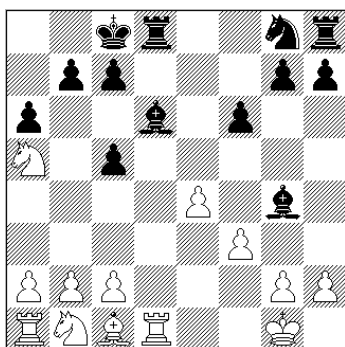


Bài 2: 1?

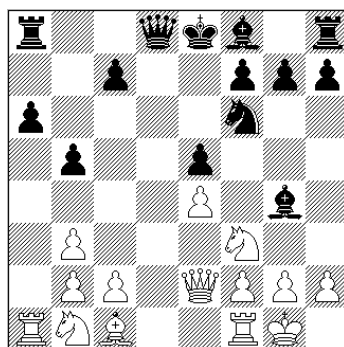


Bài 3: 1?

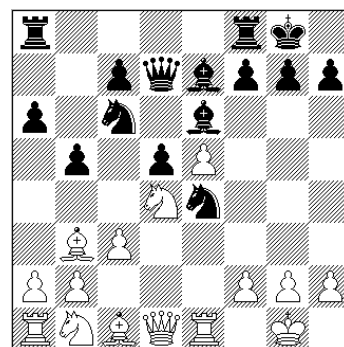
2. Ván cờ Tây Ban Nha



Bài 4: 1?

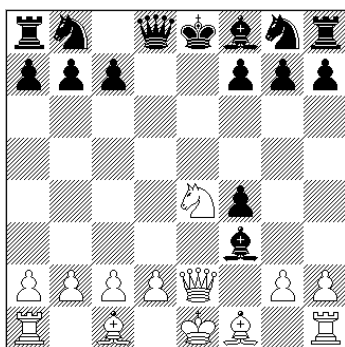


Bài 5: 1?

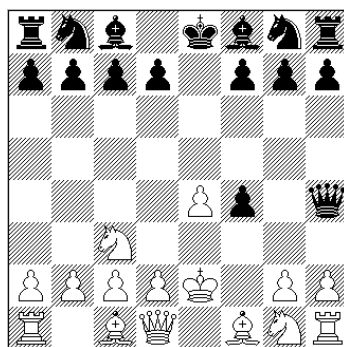


Bài 6: 1?

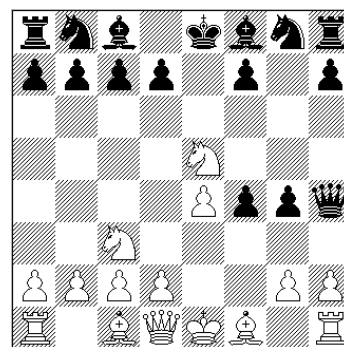
3. Gambit Vua



Bài 7: 1?

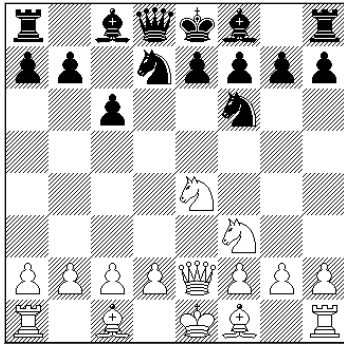


Bài 8: 1?

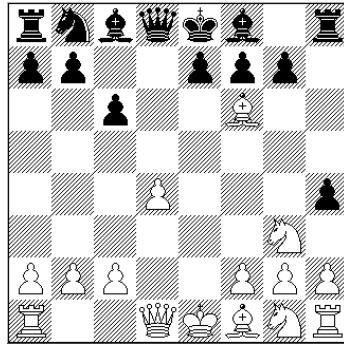


Bài 9: 1?

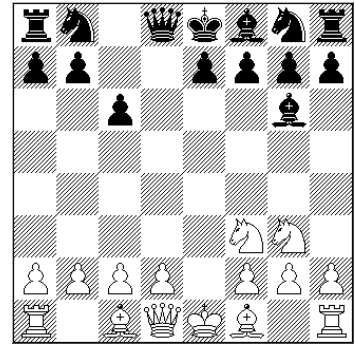
4. Phòng thủ Carocan



Bài 10: 1?

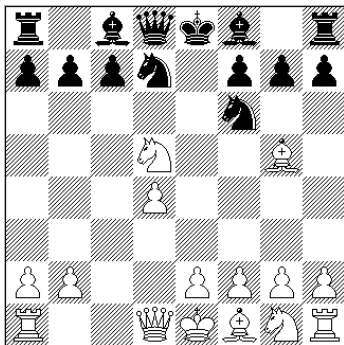


Bài 11: 1...?

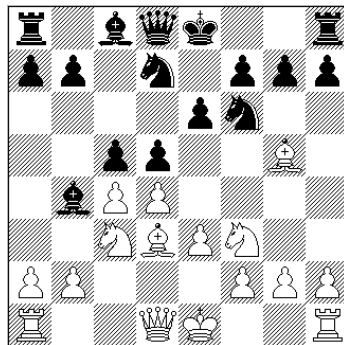


Bài 12: 1?

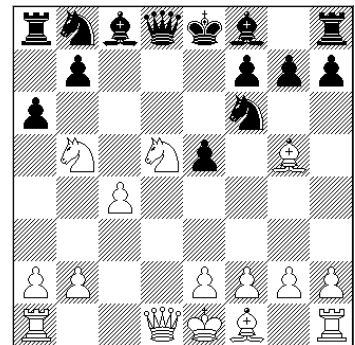
5. Gambit Hậu không tiếp nhận



Bài 13: 1...?

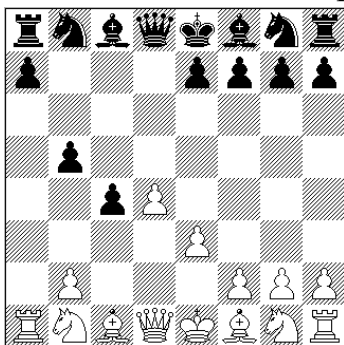


Bài 14: 1...?

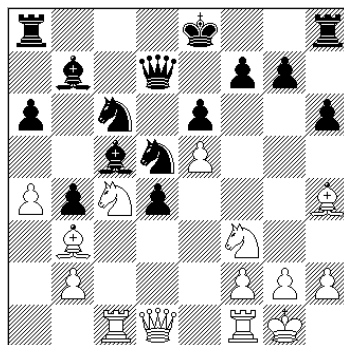


Bài 15: 1...?

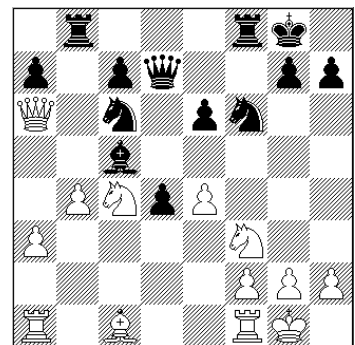
6. Gambit Hậu tiếp nhận



Bài 16: 1?



Bài 17: 1?



Bài 18: 1...?

13) Đòn chiến thuật (bẫy) trong khai cuộc (điểm)

Trên cơ sở các khai cuộc/ván cờ đã được nghiên cứu, hãy nêu và phân tích các bẫy trong khai cuộc sau:

1. Bẫy Gambit Blackburne-Shilling (Ván cờ Italia)
2. Bẫy Legall - Chiêu Mat Legall (Phòng thủ Philidor)
3. Bẫy Fishing Pole (Ván cờ Tây Ban Nha)
4. Bẫy Mortimer (Ván cờ Tây Ban Nha)
5. Bẫy Monticelli (Phòng thủ Bogo-Ấn Độ)
6. Bẫy Kieninger (Gambit Budapest)
7. Bẫy Fajarowicz (Gambit Budapest)
8. Bẫy Marshall (Phòng thủ Petrov)
9. Bẫy Magnus Smith (Phòng thủ Sicilian)
10. Bẫy Siberian (Phòng thủ Sicilian)

**PHỤ LỤC 4. NỘI DUNG CÁC TEST KIỂM TRA TÂM LÝ ỨNG DỤNG
TRONG TUYỂN CHỌN NAM VĐV CỜ VUA LỬA TUỔI 11 - 12 TRÊN
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

1. Test cộng trừ số học (lần/2 phút):

**PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TEST
Cộng trừ số học**

Họ và tên VĐV:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Đơn vị:

Trình độ (đăng cấp) VĐV:

Thành tích cao nhất hiện tại:

Kết quả thực hiện trong 1 phút đầu tiên (lần lượt trừ đi 3 từ 1000):

1.	2.	3.	4.
5.	6.	7.	8.
9.	10.	11.	12.
13.	14.	15.	16.
17.	18.	19.	20.
21.	22.	23.	24.
25.	26.	27.	28.
29.	30.	31.	32.
33.	34.	35.	36.
37.	38.	39.	40.

Kết quả thực hiện trong 1 phút thứ hai (cộng thêm 7 từ số cuối ở phút 1):

1.	2.	3.	4.
5.	6.	7.	8.
9.	10.	11.	12.
13.	14.	15.	16.
17.	18.	19.	20.
21.	22.	23.	24.
25.	26.	27.	28.
29.	30.	31.	32.
33.	34.	35.	36.
37.	38.	39.	40.

Kết quả kiểm tra: Nhận xét:

.....

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Test soát vòng hở Landont (bis/s):

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường ĐHSP TDTT Hà Nội Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TEST

Soát vòng hở Landol

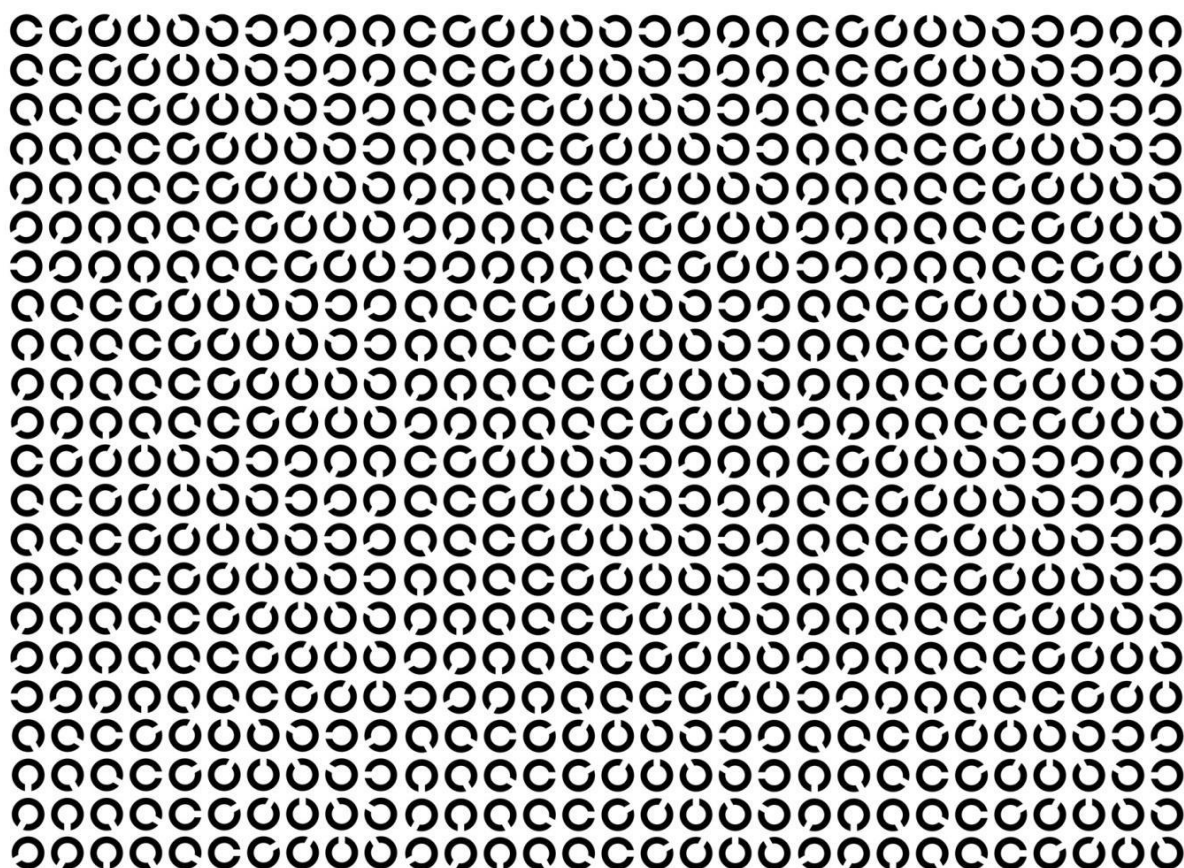
Họ và tên VĐV:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Đơn vị:

Trình độ (đăng cấp) VĐV:.....

Thành tích cao nhất hiện tại:.....



Kết quả kiểm tra: Nhận xét:

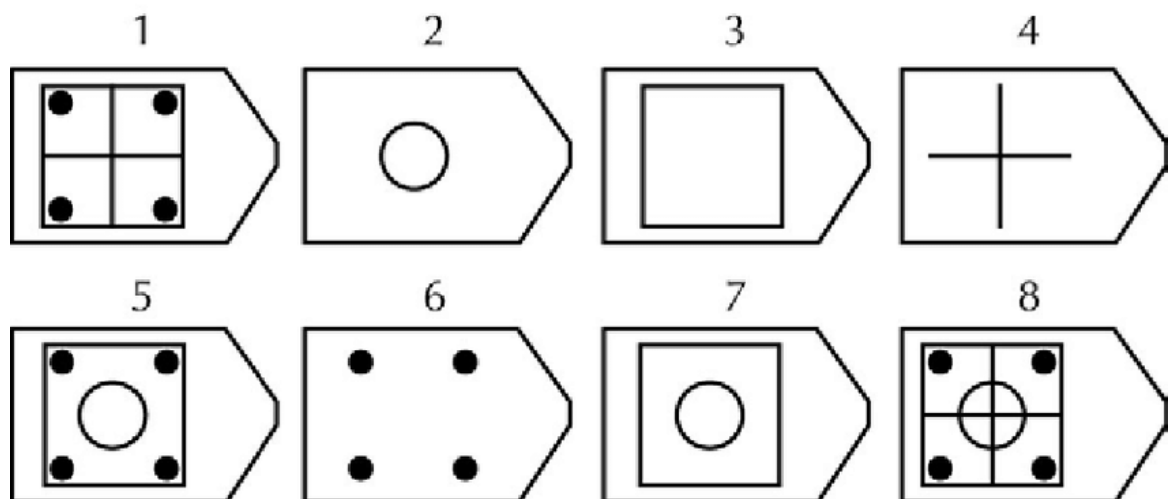
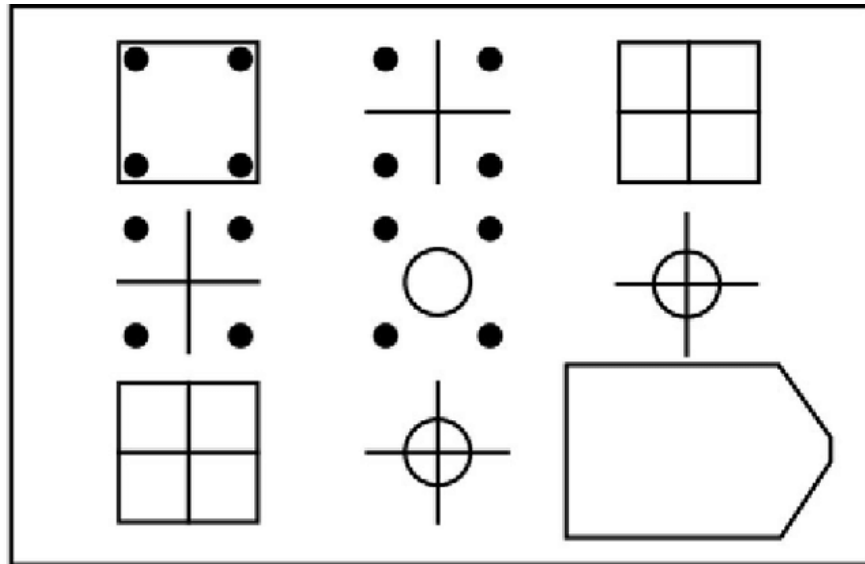
.....

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Test trắc nghiệm Raven (điểm):

Bài trắc nghiệm khuôn hình Raven (trích ví dụ trong quyển trắc nghiệm khuôn hình Raven - gồm 60 bài tập):



PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TEST
Trắc nghiệm Raven

Họ và tên VĐV:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Đơn vị:

Trình độ (đăng cấp) VĐV:.....

Thành tích cao nhất hiện tại:.....

TT	A			B			C			D			E		
	TL	ĐA	Đ	TL	ĐA	Đ	TL	ĐA	Đ	TL	ĐA	Đ	TL	ĐA	Đ
1.															
2.															
3.															
4.															
5.															
6.															
7.															
8.															
9.															
10.															
11.															
12.															
Σ															
ĐKV															
ĐLC															

Tổng điểm: Tổng độ lệch chuẩn:

Điểm bách phân: IQ:

Quan sát của người kiểm tra trong quá trình thực hiện trắc nghiệm:

.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

4. Test tương quan số học (điểm):

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường ĐHSP TDTT Hà Nội Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TEST

Tương quan số học

Họ và tên VĐV:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Đơn vị:

Trình độ (đăng cấp) VĐV:.....

Thành tích cao nhất hiện tại:.....

NỘI DUNG THỰC HIỆN TEST

(Thời gian thực hiện trong 10 phút, hết 10 phút dừng lại)

- Điền số thích hợp vào dấu chấm hỏi: 0, 2, 4, ?, 8, ?, 12
A: 5, 9 B: 7, 8 C: 8, 11 D: 6, 10 E: 6, 11 F: 5, 10
- Số nào không thuộc dãy sau đây: 1, 1, 2, 3, 4, 5, 8, 13, 21
A: 1 B: 2 C: 3 D: 4 E: 5 F: 8 G: 13 H: 21
- Điền vào chỗ trống: A, D, A, E, I, ?, F, ?, C, E
1: A, F 2: A, I 3: B, F 4: A, D 5: A, C 6: B, E
- Một sản phẩm được hạ giá 60%, hỏi sản phẩm đó phải tăng giá lên bao nhiêu % để trở về giá ban đầu?
A. 50% B. 60% C. 66,67% D. 53,33% E. 100% F. 150%
- Hai người cùng xuất phát ở một điểm, quay lưng vào nhau, cùng đi về phía trước 12m rồi rẽ trái 5m. Hỏi khoảng cách giữa 2 người lúc này là?
A: 10 B: 13 C: 16 D: 20 E: 23 F: 26
- Nếu EGGFHGHE giống như 97786769 thì HEFGGHFE giống như?
A: 69876988 B: 69877698 C: 69877689
D: 68967989 E: 69877698 F: 68966987
- Nếu đọc ngược lại thì số 32247567597194 sẽ là số?

A:49179576574224 B:49179567752132 C:49179576574223
D:49175975764223 E:49179576574232 F:49179565574223

8. Tám người sơn được 3 cái nhà trong 6 giờ. Hỏi với 12 người sẽ sơn được bao nhiêu cái nhà trong 12 giờ?

A. 3 cái B. 5 cái C. 7 cái D. 8 cái E. 9 cái F. 10 cái

9. Lan hôm nay đi chợ lần đầu, mẹ cô dặn mua cho bà một ít LÊ và với số tiền cho trước là 23.000 đồng, hỏi để mua LÊ thì Lan phải chi bao nhiêu tiền trong số tiền mẹ cho? Biết rằng:

- +) TÁO + TÁO + LÊ + ĐÀO = 23.000 đồng
- +) ĐÀO + TÁO + CAM + TÁO = 22.000 đồng
- +) TÁO + CAM + TÁO + TÁO = 16.000 đồng
- +) TÁO + TÁO + TÁO + TÁO = 12.000 đồng

A: 2.000 đồng B: 4.000 đồng C: 6.000 đồng
D: 8.000 đồng E: 10.000 đồng F: 12.000 đồng

10. Tìm con vật khác biệt rõ rệt với những con còn lại: Cọp, Mèo, Khỉ, Gấu trắng, Chim cánh cụt, Chim bồ câu.

A. Cọp B. Mèo C. Khỉ
D. Gấu trắng E. Chim cánh cụt F. Chim bồ câu

Kết quả kiểm tra: Số câu trả lời đúng: Điểm đạt:(điểm)

Nhận xét:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Test cảm giác thời gian

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường ĐHSP TDTT Hà Nội Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TEST

Cảm giác thời gian

Họ và tên VĐV:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Đơn vị:

Trình độ (đăng cấp) VĐV:.....

Thành tích cao nhất hiện tại:.....

NỘI DUNG THỰC HIỆN TEST

(Thời gian thực hiện hết 1 phút thì dừng lại)

Bài 1: Thực hiện ván cờ Italia (với phương án chính) trên bàn cờ cá nhân trong thời gian 1 phút (hết thời gian dừng lại). Kết quả thực hiện:

Tổng thời gian: (phút). + (phút) – (phút)

Bài 2: Thực hiện khai cuộc Gambit Vua trên bàn cờ cá nhân trong thời gian 1 phút (hết thời gian dừng lại). Kết quả thực hiện:

Tổng thời gian: (phút). + (phút) – (phút)

Bài 3: Thực hiện khai cuộc Phòng thủ Carocan trên bàn cờ cá nhân trong thời gian 1 phút (hết thời gian dừng lại). Kết quả thực hiện:

Tổng thời gian: (phút). + (phút) – (phút)

Bài 4: Thực hiện khai cuộc Gambit Hậu không tiếp nhận trên bàn cờ cá nhân trong thời gian 1 phút (hết thời gian dừng lại). Kết quả thực hiện:

Tổng thời gian: (phút). + (phút) – (phút)

Kết quả kiểm tra: Nhận xét:

.....

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)